

35 Năm
KHÁT VỌNG
TẦM CAO MỚI
1988 - 2023

VietinBank 

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022

KHÁT VỌNG TẦM CAO MỚI

DANH MỤC VIẾT TẮT

Viết tắt	Diễn giải	Viết tắt	Diễn giải
ATTT	An toàn thông tin	MTBP	Kế hoạch Kinh doanh trung hạn
ASXH	An sinh xã hội	NCLQ	Người có liên quan
BCTC	Báo cáo tài chính	NĐT	Nhà đầu tư
BDH	Ban Điều hành	NHLD	Ngân hàng liên doanh
BHXH	Bảo hiểm xã hội	NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
BHYT	Bảo hiểm y tế	NHTM	Ngân hàng thương mại
BKS	Ban Kiểm soát	NHTMCP	Ngân hàng thương mại Cổ phần
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn	PGD	Phòng giao dịch
CASA	Nguồn vốn không kỳ hạn	PTBV	Phát triển bền vững
CBNV	Cán bộ, nhân viên	QLRR	Quản lý rủi ro
CBTT	Công bố thông tin	QTRR	Quản trị rủi ro
CN	Chi nhánh	ROA	Tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản
CNTT	Công nghệ thông tin	ROE	Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
COVID-19	Bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona	RRHD	Rủi ro hoạt động
CSKH	Chăm sóc khách hàng	RRLS	Rủi ro lãi suất
DNNVV/ SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa	RRTD	Rủi ro tín dụng
ĐCTC	Định chế tài chính	RRTK	Rủi ro thanh khoản
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	RRTT	Rủi ro thị trường
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh	SPDV	Sản phẩm, dịch vụ
ĐVSN	Đơn vị sự nghiệp	TCKT	Tổ chức kinh tế
ĐVT	Đơn vị tính	TCTD	Tổ chức tín dụng
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	TGD	Tổng Giám đốc
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
GD/PGD	Giám đốc/Phó Giám đốc	TPP	Trưởng phó phòng
GPĐC	Giấy phép điều chỉnh	TSC	Trụ sở chính
HĐKD	Hoạt động kinh doanh	TTS	Tổng tài sản
HĐQT	Hội đồng Quản trị	TV	Thành viên
HĐTV	Hội đồng Thành viên	UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HTLS	Hỗ trợ lãi suất	UBCS	Ủy ban Chính sách
HOSE	Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	UBNS	Ủy ban Nhân sự
IPO	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng	VAMC	Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam
KHBL	Khách hàng bán lẻ	VBCS	Văn bản chính sách
KHCN	Khách hàng cá nhân	VCSH	Vốn chủ sở hữu
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp	VĐL	Vốn điều lệ
KTKSNB	Kiểm tra Kiểm soát Nội bộ	VHDN	Văn hóa doanh nghiệp
KTNB	Kiểm toán Nội bộ	VietinBank	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
LNST	Lợi nhuận sau thuế	VPĐD	Văn phòng đại diện
LNTT	Lợi nhuận trước thuế	XLRR	Xử lý rủi ro
LSCV	Lãi suất cho vay	dd/mm/yyyy	Định dạng ngày/tháng/năm trong Báo cáo



Mục lục

PHẦN 1

6

GIỚI THIỆU VIETINBANK

1. Thông tin chung
2. Mô hình tổ chức
3. Giới thiệu nhân sự
4. Định hướng phát triển
5. Công tác quản lý rủi ro

PHẦN 2

56

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động kinh doanh
2. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
3. Tình hình tài chính năm 2022
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
5. Tình hình phát hành trái phiếu năm 2022

PHẦN 3

74

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Tình hình vĩ mô và Ngành Ngân hàng năm 2022
2. Kết quả kinh doanh nổi bật của VietinBank năm 2022
3. Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2023
4. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

PHẦN 4

88

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của VietinBank năm 2022
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành
3. Định hướng trọng tâm hoạt động năm 2023
4. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

PHẦN 5

100

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2022
2. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

PHẦN 6

116

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Thực hành tiết kiệm và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
2. Hoạt động kinh doanh hướng đến môi trường và xã hội
3. Trách nhiệm với khách hàng
4. Trách nhiệm với cổ đông và nhà đầu tư
5. Trách nhiệm với người lao động
6. Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội

PHẦN 7

146

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2022 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

THÔNG điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Khát vọng Tầm cao mới

“ Năm 2023 cũng là năm đánh dấu VietinBank tròn 35 tuổi với sự trưởng thành, kiên cường và đẩy bản lĩnh...”



... VietinBank sẽ vượt qua khó khăn thử thách; đổi mới, sáng tạo toàn diện trên tất cả các lĩnh vực hoạt động để tăng trưởng bứt phá, an toàn, bền vững, hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông và người lao động. ”

Thưa Quý vị,

Năm 2022, tiến trình phục hồi sau đại dịch COVID-19 của nền kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều thách thức; tình hình kinh tế thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường và chưa từng có tiền lệ. Trong bối cảnh nhiều nền kinh tế suy giảm tăng trưởng, kinh tế Việt Nam đã có bước phục hồi mạnh mẽ, đạt kết quả tích cực và toàn diện. Tăng trưởng GDP đạt 8,02%, là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây và vượt mục tiêu đề ra là 6 - 6,5%. Các cân đối lớn được đảm bảo, nền tảng vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định nhờ Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã triển khai đồng bộ, linh hoạt các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, ổn định tỷ giá, kiểm chế lạm phát, bảo đảm an toàn hoạt động cho hệ thống tài chính.

Với vai trò là một ngân hàng thương mại chủ lực, trụ cột của nền kinh tế, năm 2022, VietinBank đã tiên phong trong việc hỗ trợ khách hàng khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau dịch bệnh; tập trung nguồn lực cho các chủ điểm kinh doanh trọng tâm; tăng cường quản trị rủi ro, tái cơ cấu danh mục tín dụng và đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Theo đó, VietinBank đã đạt được những kết quả kinh doanh tích cực trên mọi mặt hoạt động; tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong giai đoạn tiếp theo.

Bước sang năm 2023 với dự báo nhiều khó khăn thách thức, tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá còn nhiều dư địa phát triển, theo đó, VietinBank sẽ tập trung khai thác tối đa nguồn lực nội tại và cơ hội thị trường để phát triển kinh doanh hiệu quả, an toàn, bền vững, tập trung triển khai **4 chủ điểm kinh doanh** gồm: (i) **Tăng trưởng CASA**; (ii) **Tăng trưởng thu ngoài lãi**; (iii) **Khai thác hệ sinh thái và bán chéo**; và (iv) **Thu hồi nợ xử lý rủi ro**. Đồng thời, VietinBank sẽ triển khai các giải pháp toàn diện, linh hoạt và đồng bộ, tập trung vào **5 chủ điểm nền tảng** gồm: (i) **Quản trị tốt chất lượng nợ và rủi ro tín dụng**; (ii) **Quản trị hiệu quả cân đối vốn**; (iii) **Nâng cao chất lượng dịch vụ**; (iv) **Nâng cao năng suất lao động**; và (v) **Xây dựng và triển khai chiến lược chuyển đổi số**.

Năm 2023 cũng là năm đánh dấu **VietinBank tròn 35 tuổi** với sự trưởng thành, kiên cường và đẩy bản lĩnh. Tôi tin tưởng rằng với sự kế thừa và phát huy những thành tựu, kết quả đạt được qua các thời kỳ, triển khai quyết liệt các chủ điểm kinh doanh và chủ điểm nền tảng trên cơ sở đoàn kết, đồng lòng trong toàn hệ thống, VietinBank sẽ vượt qua khó khăn thử thách; đổi mới, sáng tạo toàn diện trên tất cả các lĩnh vực hoạt động để tăng trưởng bứt phá, an toàn, bền vững, hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông và người lao động.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo VietinBank, Tôi bày tỏ lời tri ân sâu sắc tới các Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và tập thể người lao động VietinBank đã luôn tin tưởng, hợp tác, đồng hành với VietinBank, đóng góp quan trọng trong suốt quá trình xây dựng và phát triển Ngân hàng. Tôi hy vọng và tin tưởng rằng chúng ta sẽ tiếp tục hợp tác, gắn bó chặt chẽ vì một VietinBank ngày càng vươn cao, vươn xa với **KHÁT VỌNG TẦM CAO MỚI!**

Trân trọng!

**BÍ THƯ ĐẢNG ỦY
CHỦ TỊCH HĐQT VIETINBANK**

TRẦN MINH BÌNH

01

Giới thiệu VietinBank

- 1 Thông tin chung
- 2 Mô hình tổ chức
- 3 Giới thiệu nhân sự
- 4 Định hướng phát triển
- 5 Công tác quản lý rủi ro



Trụ sở đầu tiên của VietinBank tại số 16 Phan Đình Phùng, Hà Nội

1 - THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

TÊN GIAO DỊCH TIẾNG VIỆT

**Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần
Công Thương Việt Nam**

TÊN GIAO DỊCH QUỐC TẾ

**Vietnam Joint Stock Commercial
Bank For Industry And Trade**

TÊN VIẾT TẮT

VietinBank

MÃ GIAO DỊCH SWIFT:

ICBVVNVX

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

số 13/GP-NHNN ngày 17/06/2022 do NHNN cấp đổi mới, thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP số 142/GP-NHNN ngày 03/07/2009 và các quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank từ năm 2017 đến năm 2021

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp: 0100111948

Do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/2009.

Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021

Xếp hạng tín nhiệm

FitchRatings

Ngắn hạn	B
Dài hạn	BB
Triển vọng	Tích cực
Thời điểm	01/12/2022



MOODY'S

Ngắn hạn	
Dài hạn	Ba2
Triển vọng	Tích cực
Thời điểm	22/09/2022



VỐN ĐIỀU LỆ

48.057.506.090.000 đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU

(tại thời điểm ngày 31/12/2022)

108.167.657.000.000 đồng

TỔNG SỐ CỔ PHẦN

(tại thời điểm ngày 31/12/2022)

4.805.750.609 cổ phần

mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

MÃ CỔ PHIẾU

CTG

ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội, Việt Nam

SỐ ĐIỆN THOẠI (84-24) 3942 1030

SỐ FAX (84-24) 3942 1032

WEBSITE

www.vietinbank.vn

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

1 - THÔNG TIN CHUNG

Ngành nghề kinh doanh

VietinBank thực hiện các hoạt động nghiệp vụ:



Huy động vốn

Nhận tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá, vay vốn của các TCTD, NHNN



Cấp tín dụng

Cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán trong nước, các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật



Cung ứng dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

Mở tài khoản, cung ứng các phương tiện thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế, dịch vụ thu chi hộ, các dịch vụ thanh toán khác do pháp luật quy định



Cung ứng dịch vụ ngoại hối

Trên thị trường trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật



Cung ứng các sản phẩm phái sinh

Giá cả hàng hóa theo quy định của NHNN



Cung ứng dịch vụ lưu ký chứng khoán

Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Địa bàn kinh doanh

Mạng lưới trong nước

TRỤ SỞ CHÍNH

VietinBank có Trụ sở chính đặt tại 108 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam

155 CHI NHÁNH

trải dài trên 63 tỉnh, thành phố trên cả nước

1 TRUNG TÂM KHÁCH HÀNG PHÍA NAM

2 VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng

8 ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Trung tâm Tài trợ Thương mại, Trung tâm Thẻ, Trường Đào tạo & Phát triển Nguồn Nhân lực, 5 Trung tâm Quản lý Tiền mặt

957 PHÒNG GIAO DỊCH

MIỀN BẮC

Trụ sở chính và 73 chi nhánh

MIỀN TRUNG

29 chi nhánh

MIỀN NAM

53 chi nhánh

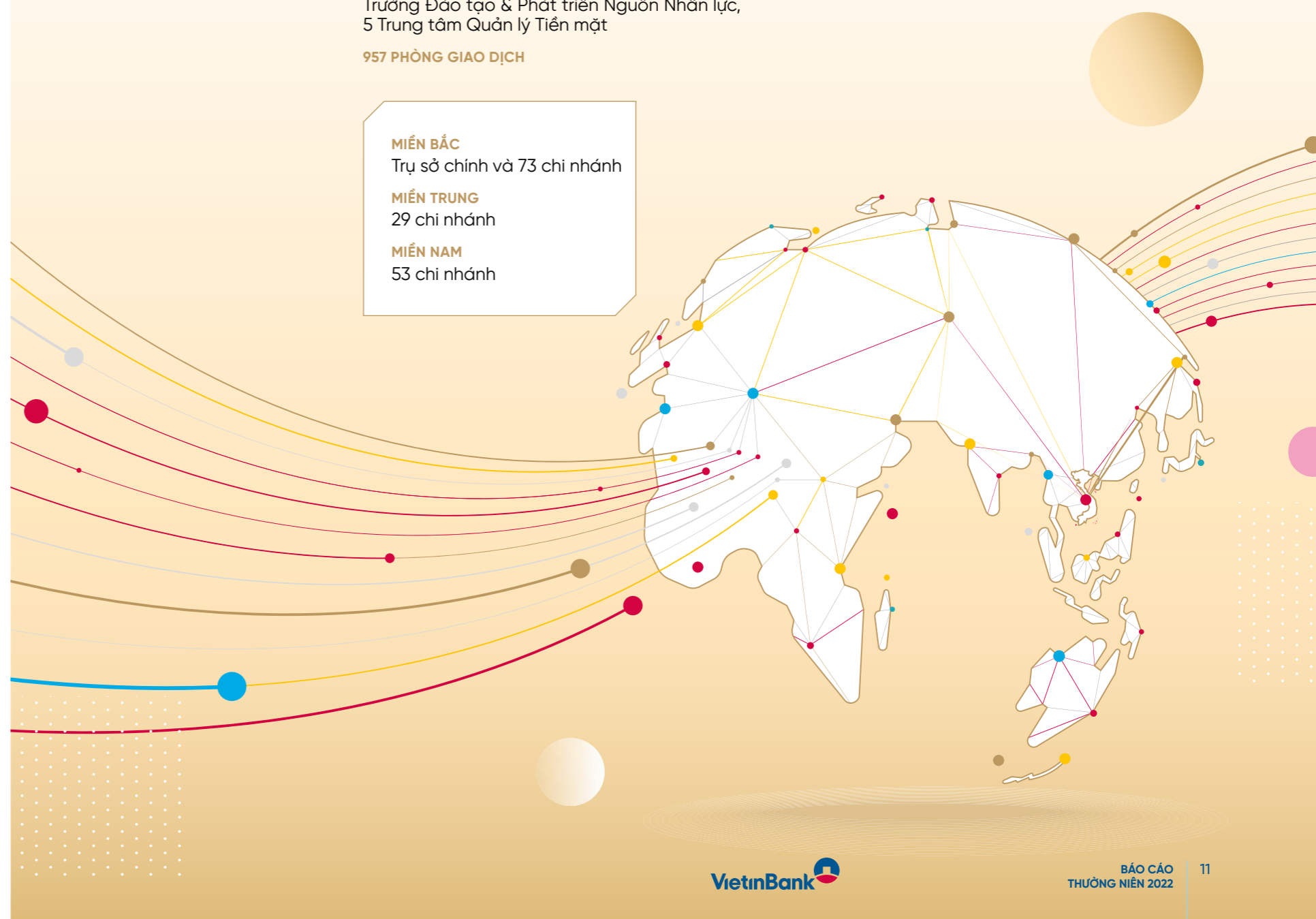
Mạng lưới quốc tế

2 CHI NHÁNH TẠI ĐỨC

1 NGÂN HÀNG CON TẠI LÀO

1 VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI MYANMAR

Ngoài ra, VietinBank còn có quan hệ với **TRÊN 1.000 NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ** tại hơn 90 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.



1 - THÔNG TIN CHUNG

Mốc lịch sử quan trọng

1988

VietinBank (khi đó có tên gọi là Ngân hàng Công Thương) được thành lập trên cơ sở tách ra từ NHNN theo Nghị định số 53/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.



1990

VietinBank là ngân hàng đầu tiên tham gia với ngân hàng nước ngoài thành lập NHTD Indovina.



2008

- Ra mắt thương hiệu mới VietinBank tháng 4/2008.
- Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ được nâng cấp thành Trường Đào tạo và Phát triển Nguồn nhân lực VietinBank tháng 9/2008.
- Thực hiện thành công phiên đấu giá phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) tháng 12/2008.

2009

Chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên HOSE với mã chứng khoán CTG



Chủ tịch Hội đồng Quản trị VietinBank Phạm Huy Hùng đánh chuông mở đầu phiên đấu giá phát hành cổ phiếu lần đầu (IPO) ngày 25/12/2008

2011

- Bán 10% vốn điều lệ cho đối tác chiến lược nước ngoài IFC, là NHTMCP Nhà nước đầu tiên có đối tác chiến lược nước ngoài.
- Khai trương CN tại Frankfurt, Đức.

2012

- Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thành công 250 triệu USD trái phiếu quốc tế.
- Khai trương CN tại Thủ đô Viêng Chăn, Lào.

2013

Bán 19,73% cổ phần cho NĐT chiến lược nước ngoài MUFG Bank (Nhật Bản), trở thành NHTMCP Nhà nước có cơ cấu cổ đông mạnh nhất Việt Nam tại thời điểm đó.



VietinBank có cơ cấu cổ đông mạnh nhất hệ thống ngân hàng Việt Nam tại thời điểm đó

2014

Xây dựng chiến lược bán lẻ lấy khách hàng làm trung tâm, mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam.



2015

Nâng cấp CN VietinBank tại thủ đô Viêng Chăn, Lào thành Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (ngân hàng con), đánh dấu bước phát triển mới, nâng cao vị thế của VietinBank tại thị trường Lào

2017

Chuyển đổi thành công hệ thống Core Banking (SunShine), đưa VietinBank trở thành ngân hàng sở hữu nền tảng công nghệ bậc nhất Ngành Ngân hàng Việt Nam.

2020

- Hoàn thành tốt Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 tại VietinBank và MTBP 2018 - 2020.
- Xây dựng Chiến lược phát triển VietinBank giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến 2045, MTBP giai đoạn 2021 - 2023.

2021

Tăng vốn điều lệ thành công từ 37.234 tỷ đồng lên 48.058 tỷ đồng, tạo tiền đề để VietinBank nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị rủi ro, chủ động phát huy tối đa vị thế, tiềm năng, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ hiện đại, phát triển dịch vụ, kiện toàn mạng lưới; tạo đà tăng trưởng bền vững; góp phần gia tăng lợi ích cho khách hàng và thúc đẩy kinh tế - xã hội đất nước.



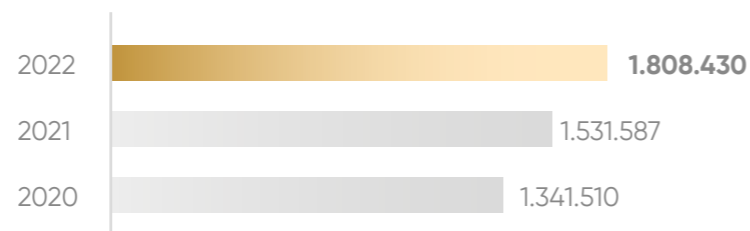
1 - THÔNG TIN CHUNG

Các chỉ số tài chính cơ bản giai đoạn 2018 - 2022

TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)

1.808.430

↑ **18,1%**
so với năm 2021



TỔNG DƯ NỢ TÍN DỤNG (tỷ đồng)

1.279.823

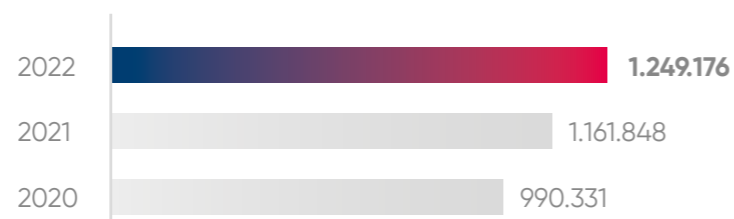
↑ **12,1%**
so với năm 2021



TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG (tỷ đồng)

1.249.176

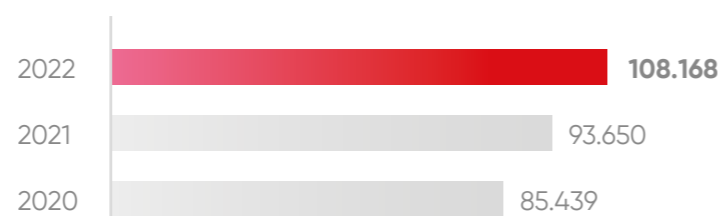
↑ **7,5%**
so với năm 2021



VỐN CHỦ SỞ HỮU (tỷ đồng)

108.168

↑ **15,6%**
so với năm 2021



Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2018
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
TTS	Tỷ đồng	1.808.430	1.531.587	1.341.510	1.240.711	1.164.290
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	108.168	93.650	85.439	77.355	67.316
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	48.058	48.058	37.234	37.234	37.234
Tiền gửi khách hàng	Tỷ đồng	1.249.176	1.161.848	990.331	892.785	825.816
Tổng dư nợ tín dụng	Tỷ đồng	1.279.823	1.141.454	1.027.541	953.178	888.216
Tổng thu nhập HĐKD	Tỷ đồng	64.117	53.157	45.357	40.519	28.446
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	11.549	9.573	8.359	7.888	5.964
Tổng chi phí hoạt động	Tỷ đồng	(19.007)	(17.186)	(16.069)	(15.735)	(14.084)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng RRTD	Tỷ đồng	45.109	35.971	29.288	24.785	14.361
Chi phí dự phòng RRTD	Tỷ đồng	(24.163)	(18.382)	(12.168)	(13.004)	(7.803)
LNTT	Tỷ đồng	20.946	17.589	17.120	11.781	6.559
Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	4.111	(3.374)	(3.335)	(2.304)	(1.281)
LNST	Tỷ đồng	16.835	14.215	13.785	9.477	5.277
CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ						
ROA	%	1,3%	1,2%	1,3%	1,0%	0,6%
ROE	%	16,7%	15,9%	16,9%	13,1%	8,1%
CHỈ TIÊU AN TOÀN						
Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng	%	1,08%	1,14%	0,95%	1,20%	1,60%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	Tuần thủ	Tuần thủ	Tuần thủ	Tuần thủ	Tuần thủ
CỔ PHIẾU						
Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu	4.805.750.609	4.805.750.609	3.723.404.556	3.723.404.556	3.723.404.556
Giá cổ phiếu (thời điểm cuối năm)	Đồng/cổ phiếu	27.250	33.900	34.550	20.900	19.300
Giá trị vốn hóa thị trường	Tỷ đồng	130.957	162.915	128.644	77.819	71.862
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/cổ phiếu	3.491	2.510	3.678	1.966	1.454
P/E	Lần	7,81	13,5	9,39	10,63	13,27

Ghi chú:
 - Số liệu tại cột 31/12/2018 và 31/12/2020 đã được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.
 - Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng tại cột 31/12/2021 và 31/12/2022 được tính toán theo qui định tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 của NHNN.
 - Chỉ tiêu EPS năm 2021 được trình bày lại theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022.

1 - THÔNG TIN CHUNG

Những dấu ấn nổi bật

01

Hỗ trợ phát triển kinh tế, tiên phong thực hiện các chính sách của Chính phủ và NHNN



02

Đổi mới công tác quản trị điều hành, nâng cao vai trò, trách nhiệm giám sát của các cấp



03

Kiến tạo mô hình tổ chức gắn với triển khai chủ động, đồng bộ các giải pháp về tinh gọn, nâng cao hiệu quả nguồn nhân lực



04

Triển khai hiệu quả các chủ điểm kinh doanh trọng tâm trong năm 2022, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu thu nhập, tăng trưởng CASA tích cực so với thị trường, tăng trưởng thị phần phân khúc KHCN

05

Tăng trưởng tín dụng chọn lọc gắn liền với tăng trưởng theo ngành nghề, địa bàn có tiềm năng



1 - THÔNG TIN CHUNG

Những dấu ấn nổi bật

06

Quản lý rủi ro hiệu quả, đẩy mạnh thu hồi nợ xấu, nợ XLRR với quy mô cao nhất từ trước tới nay



07

Quản trị tài chính hiệu quả, thực hành tiết kiệm và quản trị chi phí



08

Triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số toàn diện HĐKD và quản trị, nâng cao trải nghiệm của khách hàng



09

Khẳng định vị thế và uy tín thương hiệu VietinBank, xếp hạng tín nhiệm quốc tế được cải thiện



10

Tiếp tục đóng góp tích cực và đi đầu trong công tác an sinh xã hội, gắn kết cộng đồng



1 - THÔNG TIN CHUNG

Giải thưởng và danh hiệu tiêu biểu

Brand Finance®

TOP 500 THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG CÓ GIÁ TRỊ NHẤT THẾ GIỚI

VietinBank nằm trong TOP 500 Thương hiệu ngân hàng có giá trị nhất thế giới; TOP 10 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam theo Bảng xếp hạng của Brand Finance. Theo đó, VietinBank có Giá trị thương hiệu đạt 1,064 tỷ USD và Sức mạnh thương hiệu (BSI) là 83,7, xếp loại AAA-.

Forbes

TOP 2000 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT THẾ GIỚI

Năm thứ 10 liên tiếp, VietinBank giữ vững vị trí trong TOP 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới theo Bảng xếp hạng của Forbes.



Vietnam Value

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

VietinBank là “Thương hiệu Quốc gia” năm 2022 do Bộ Công Thương xét chọn. Đây là lần thứ 7 liên tiếp VietinBank được lựa chọn và vinh danh.



TOP 10 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG

VietinBank nằm trong TOP 10 Doanh nghiệp bền vững năm 2022 trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ do Hội đồng Doanh nghiệp Phát triển Bền vững Việt Nam và VCCI xét chọn. Đây là giải thưởng uy tín hàng đầu hiện nay tại Việt Nam trong lĩnh vực phát triển bền vững. VietinBank vinh dự 2 lần hiện diện trong TOP 10 của Chương trình này.

THE ASIAN BANKER

STRATEGIC BUSINESS INTELLIGENCE FOR ASIA'S FINANCIAL SERVICES COMMUNITY

CÁC GIẢI THƯỞNG DO THE ASIAN BANKER TRAO TẶNG

VietinBank được vinh danh và trao tặng tới 4 giải thưởng gồm: Giải thưởng Ngân hàng số sáng tạo nhất Châu Á - Thái Bình Dương; Giải thưởng Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam; Giải thưởng Ngân hàng Tài trợ Thương mại tốt nhất Việt Nam và Giải thưởng Ngân hàng mở tốt nhất Việt Nam. 4 giải thưởng danh giá do The Asian Banker trao tặng đã ghi nhận và khẳng định uy tín, chất lượng của các sản phẩm, dịch vụ xuất sắc do VietinBank cung cấp trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.



1 - THÔNG TIN CHUNG

Giải thưởng và danh hiệu tiêu biểu

**GIẢI THƯỞNG SAO KHUÊ**

3 sản phẩm công nghệ của VietinBank đã được tôn vinh Giải thưởng Sao Khuê - giải thưởng thường niên vinh danh những SPDV và giải pháp phần mềm, CNTT tiêu biểu, xuất sắc nhất Việt Nam do Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) tổ chức. Cụ thể: Ứng dụng "all in one" - VietinBank iPay Mobile dành cho khách hàng cá nhân; Dịch vụ Ngân hàng số (VietinBank eFAST) và Dịch vụ Kết nối ERP (VietinBank ERP-Connect) dành cho KHDN đã chiến thắng vang dội tại Giải thưởng Sao Khuê. Đặc biệt, VietinBank eFAST vinh dự góp mặt vào TOP 10 Sao Khuê năm 2022.

**NGÂN HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ NGOẠI HỐI TỐT NHẤT VIỆT NAM 2022**

5 năm liên tiếp VietinBank tự hào nhận Giải thưởng "Ngân hàng cung cấp Dịch vụ Ngoại hối Tốt nhất Việt Nam 2022" do tạp chí uy tín thế giới Global Finance công bố thường niên. Giải thưởng được thực hiện khảo sát, đánh giá tại 113 quốc gia và vùng lãnh thổ dựa trên các tiêu chí về khối lượng giao dịch, thị phần, phạm vi phủ sóng toàn cầu, dịch vụ khách hàng, giá cả cạnh tranh, công nghệ tiên tiến và tham khảo ý kiến chuyên gia từ các nhà phân tích trong ngành, các giám đốc điều hành, chuyên gia công nghệ... Đặc biệt năm qua, Global Finance đánh giá cao tầm quan trọng của các đối tác đã có những giải pháp về ngoại hối trong hoàn cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt đoạn. Sự công nhận và trao giải của tạp chí uy tín Global Finance là minh chứng cho thành công của VietinBank trong mảng Dịch vụ Ngoại hối.

ASIAMONEY**NGÂN HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI TỐT NHẤT VIỆT NAM 2022**

VietinBank nhận Giải thưởng Ngân hàng cung cấp dịch vụ Tài trợ Thương mại tốt nhất Việt Nam 2022 (Best Services for Trade Finance in Vietnam 2022) do tạp chí Asiamoney trao tặng. Giải thưởng được xây dựng và trao tặng sau khi khảo sát 10.714 ngân hàng, định chế tài chính, tổ chức, doanh nghiệp và độc giả trên toàn cầu. Giải thưởng là sự ghi nhận khách quan, có ý nghĩa và giá trị trọng đại về tài chính quốc tế đối với những thành tích nổi trội, uy tín và chất lượng sản phẩm, dịch vụ đa dạng, hướng tới khách hàng của VietinBank.

**TOP 100 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM**

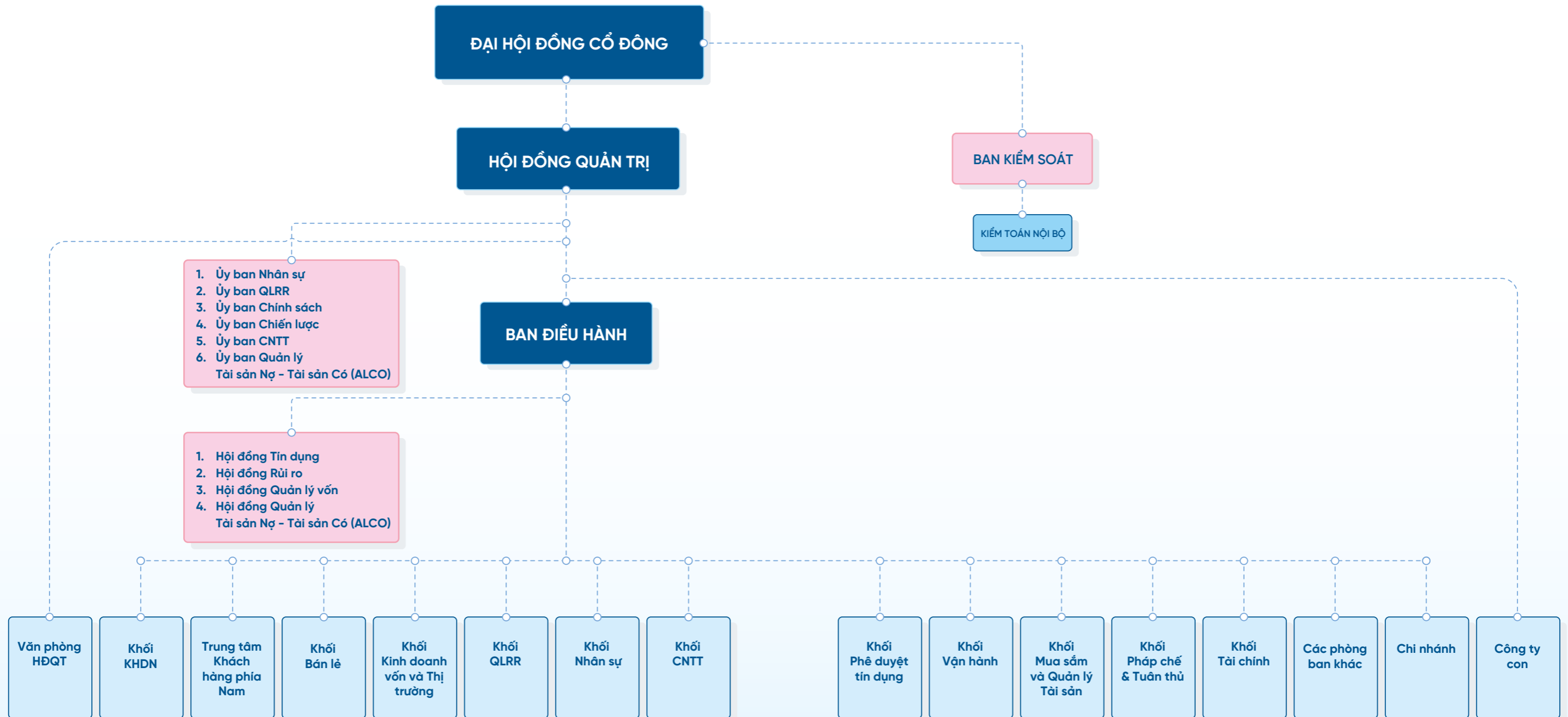
VietinBank được vinh danh TOP 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2022 và TOP 50 Doanh nghiệp Việt có Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn năm 2022 theo xếp hạng của Anphabe - Công ty tư vấn tiên phong về giải pháp thương hiệu nhà tuyển dụng và môi trường làm việc hạnh phúc. Đây là sự ghi nhận thành quả của việc đầu tư trọng điểm vào yếu tố con người, nhằm duy trì môi trường phát triển nghề nghiệp tốt nhất tại VietinBank.

**TOP 10 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT 3 NĂM LIÊN TIẾP**

VietinBank tiếp tục được xướng tên trong TOP 10 Báo cáo Thường niên tốt nhất tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết lần thứ 15, năm 2022 do UBCKNN, HOSE, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Dragon Capital tổ chức. Đây là năm thứ 3 liên tiếp, VietinBank được bình chọn TOP10 Doanh nghiệp niêm yết có Báo cáo Thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa lớn. VietinBank cũng là NHTMCP có vốn Nhà nước duy nhất được vinh danh nhờ sự đầu tư kỹ lưỡng và liên tục cải tiến cả về hình thức và nội dung cho Báo cáo Thường niên 2021.



2 - MÔ HÌNH TỔ CHỨC



Ghi chú: Thông tin cập nhật tại ngày 31/03/2023

3 - GIỚI THIỆU NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị VietinBank, có toàn quyền nhân danh VietinBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của VietinBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Ông Trần Minh Bình	Chủ tịch HĐQT	3.104	0,000065%	TV không điều hành
2	Ông Trần Văn Tấn	TV HĐQT	0	0%	TV không điều hành
3	Ông Lê Thanh Tùng	TV HĐQT	0	0%	TV không điều hành
4	Bà Trần Thu Huyền	TV HĐQT	51.844	0,00108%	TV không điều hành
5	Ông Nguyễn Thế Huân	TV HĐQT	0	0%	TV không điều hành
6	Bà Phạm Thị Thanh Hoài	TV HĐQT	118	0,000002%	TV không điều hành
7	Ông Nguyễn Đức Thành	TV HĐQT	0	0%	TV không điều hành
8	Ông Masahiko Oki	TV HĐQT kiêm Phó TGD	0	0%	TV điều hành
9	Ông Masashige Nakazono	TV HĐQT	0	0%	TV không điều hành
10	Bà Nguyễn Thị Bắc	TV độc lập HĐQT	0	0%	TV độc lập

Ghi chú: số lượng cổ phiếu trong bảng này chưa bao gồm đại diện phần vốn Nhà nước.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM 2022

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/thôi nhiệm
1	Ông Nguyễn Đức Thành	TV HĐQT	Bổ nhiệm TV HĐQT theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2022 số 25/NQ-ĐHCĐ ngày 29/04/2022.

Ông TRẦN MINH BÌNH

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1974.

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Công tác tại VietinBank từ năm 1999.

Được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 - 2024 từ ngày 07/09/2021.

Hiện là Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng Thê, Giám đốc Trung tâm Thê, Trưởng phòng Đầu tư VietinBank, Giám đốc VietinBank Nguyễn Trãi, Phó Giám đốc rồi Giám đốc VietinBank TP. Hà Nội, Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và Thị trường VietinBank kiêm Chủ tịch Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào, Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và Thị trường kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt Tín dụng VietinBank, Quyền TGD VietinBank, TV HĐQT kiêm TGD VietinBank.



3 - GIỚI THIỆU NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị

**Ông TRẦN VĂN TÂN**

Thành viên HĐQT

Sinh năm 1968.

Thạc sỹ Kinh tế.

Được bầu vào HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 - 2024 từ ngày 23/04/2019.

Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, TV HĐQT VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Thị trường và Bảo lãnh, Trưởng phòng Thị trường và Bảo lãnh, Trưởng phòng Tín dụng - Vụ Tín dụng NHNN; Trưởng phòng Tín dụng Ngành Nông nghiệp, Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng các Ngành Kinh tế - NHNN.

Ông LÊ THANH TÙNG

Thành viên HĐQT

Sinh năm 1978.

Tiến sỹ Kinh tế.

Được bầu vào HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 - 2024 từ ngày 03/11/2021.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo VietinBank, Phó phụ trách Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO VietinBank, Trưởng phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO VietinBank, GD Khối QLRR VietinBank, Phó TGD kiêm GD Khối QLRR kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cho thuê Tài chính VietinBank; Chánh Văn phòng NHNN, Vụ trưởng - Tr� lý Thống đốc NHNN; Vụ trưởng - Thư ký rồi Tr� lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương.

**Bà TRẦN THU HUYỀN**

Thành viên HĐQT

Sinh năm 1977.

Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Công tác tại VietinBank từ năm 2001.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 24/07/2014.

Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, TV HĐQT kiêm GD Khối Nhân sự VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo VietinBank.

**Ông NGUYỄN THẾ HUÂN**

Thành viên HĐQT

Sinh năm 1974.

Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật; Cử nhân Ngoại ngữ.

Công tác tại VietinBank từ năm 1995.

Được bầu vào HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 - 2024 từ ngày 23/04/2019.

Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, TV HĐQT VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Trưởng Phòng KHDN Lớn, Trưởng phòng Khách hàng DNNVV, VietinBank Ba Đình; Phó phòng Xây dựng và Quản lý ISO, Phó phòng KHCN, TSC VietinBank; PGĐ VietinBank Bắc Giang; Phó Ban KTKSNB, Phó Phòng Kiểm toán Tuần thủ, Phó phòng CTNB, Trưởng BKS VietinBank.

**Bà PHẠM THỊ THANH HOÀI**

Thành viên HĐQT

Sinh năm 1978.

Thạc sỹ Tài chính.

Công tác tại VietinBank từ năm 2003.

Được bầu vào HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019-2024 từ 23/04/2019.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, TV HĐQT VietinBank, kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng Chế độ tín dụng - đầu tư, Phó Phòng Đầu tư, Phó Phụ trách phòng Đầu tư, Trưởng Phòng Kinh doanh vốn, Trưởng Phòng KHDN FDI và Nguồn vốn quốc tế; Chủ tịch HĐQT Công ty Cho thuê tài chính VietinBank (kiêm nhiệm).

3 - GIỚI THIỆU NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị



ÔNG NGUYỄN ĐỨC THÀNH

Thành viên HĐQT

Sinh năm 1970.

Thạc sỹ Kinh tế.

Công tác tại VietinBank từ năm 2010.

Được bầu vào HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019-2024 từ 29/04/2022.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, TV HĐQT VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Tùy viên thương mại - Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ả Rập Ai Cập; Phó Vụ trưởng - Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại, Phó Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh kiêm Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại, Phó Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công Thương; Trưởng phòng Định chế Tài chính VietinBank, đồng GD VietinBank - CN Đức, Phó TGD VietinBank, Chủ tịch HĐTV Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (kiêm nhiệm), GD Khối Kinh doanh vốn và thị trường (kiêm nhiệm).

Ông MASAHIKO OKI

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Sinh năm 1971, quốc tịch Nhật Bản.

Cử nhân Kinh doanh và Thương mại.

Được bầu vào HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 - 2024 từ ngày 23/05/2020; kiêm nhiệm Phó TGD VietinBank từ ngày 26/05/2020.

Bắt đầu làm việc tại Ngân hàng Sanwa Bank, Ltd., (Nhật Bản) từ năm 1994 (Ngân hàng này sau đó đã sáp nhập với Ngân hàng UFJ Bank, Ltd. (Nhật Bản) vào năm 2002, và tiếp tục sáp nhập với Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi, Ltd. (Nhật Bản) vào năm 2006 để trở thành ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. (Nhật Bản), trước khi đổi tên thành Ngân hàng MUFG Bank hiện nay.

Từng giữ các chức vụ: Trưởng Phòng, Bộ phận Phát triển Kinh doanh Ngân hàng Bán lẻ của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản; GD Điều hành, Trưởng Văn phòng Chiến lược Ngân hàng Bán lẻ của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản; GD Điều hành, Trưởng Văn phòng Chiến lược Ngân hàng Bán lẻ Châu Á của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản và GD Điều hành & Phó Trưởng Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản.

Ông MASASHIGE NAKAZONO

Thành viên HĐQT

Sinh năm 1975, quốc tịch Nhật Bản.

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Được bầu vào HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 - 2024 từ ngày 16/04/2021.

Bắt đầu làm việc tại Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi, Ltd. (Nhật Bản) vào năm 1998. Ngân hàng này sau đó được đổi tên thành Ngân hàng MUFG Bank hiện nay.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng và sau đó là GD, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư dành cho Châu Mỹ, Nhóm Chứng khoán hóa của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd., Chi nhánh New York, Hoa Kỳ; GD, Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd., Tokyo, Nhật Bản; GD Điều hành, Trưởng Phòng Kế hoạch Toàn cầu, Bộ phận Kế hoạch Doanh nghiệp của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Tokyo, Nhật Bản; GD Điều hành, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Chi nhánh Singapore, Singapore; GD Điều hành, Phòng Kế hoạch Chiến lược, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Tokyo, Nhật Bản.

Hiện ông là GD Điều hành, PGD Khối Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Tokyo, Nhật Bản.

Bà NGUYỄN THỊ BẮC

Thành viên độc lập HĐQT

Sinh năm 1953.

Cử nhân Luật Đại học tổng hợp Humboldt - Berlin - CHDC Đức, Thạc sỹ Luật.

Được bầu đảm nhận vị trí TV độc lập HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 - 2024 từ ngày 23/05/2020.

Từng giữ các chức vụ: Kiểm sát viên cao cấp Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao; Vụ trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội khóa XI; Luật sư Đoàn Luật sư TP. Hà Nội; Thành viên độc lập HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2009 - 2014; Giám đốc Khối QTRR Ngân hàng TNHH Indovina.

3 - GIỚI THIỆU NHÂN SỰ

Ban kiểm soát

BKS là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ VietinBank đối với HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành VietinBank; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, BKS được sử dụng các quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ VietinBank. BKS có vai trò thực hiện KTNB, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Lê Anh Hà	Trưởng BKS	4.006	0,000083%
2	Bà Nguyễn Thị Anh Thư	TV BKS	1.337	0,000028%
3	Bà Phạm Thị Thơm	TV BKS	0	0%

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2022

Trong năm 2022, Ban kiểm soát VietinBank không có sự thay đổi thành viên.



BÀ LÊ ANH HÀ

Trưởng BKS

Sinh năm 1973.

Thạc sỹ Kinh tế và Quản lý công.

Công tác tại VietinBank từ năm 1995.

Được bầu vào BKS VietinBank nhiệm kỳ 2019 - 2024 từ 23/04/2019.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Trưởng BKS VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng Quản lý Tín dụng, Trưởng Phòng Quản lý và Khai thác nguồn vốn, Trưởng Phòng QLRR tín dụng, đầu tư, Trưởng Phòng KHCVN, TSC VietinBank; Phó Giám đốc Trưởng Đào tạo và Phát triển Nguồn Nhân lực VietinBank; Trưởng Phòng KTKSNB, Phó Giám đốc Khối QLRR kiêm Trưởng Phòng KTKSNB VietinBank.



BÀ NGUYỄN THỊ ANH THƯ

Thành viên BKS

Sinh năm 1976.

Cử nhân Tài chính Ngân hàng; Cử nhân Tiếng Anh.

Công tác tại VietinBank từ năm 1998.

Được bầu vào BKS VietinBank nhiệm kỳ 2019 - 2024 từ 23/04/2019.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng Tổng hợp, Trưởng Phòng Tổng hợp tiếp thị, Trưởng Phòng QLRR, Trưởng Phòng KHDN Lớn, VietinBank Hoàn Kiếm; Phó Phòng Kiểm toán tuân thủ, Phó Phòng Kiểm soát giải ngân, Phó Phòng Phê duyệt Tín dụng, Phó Phòng QLRR Tín dụng, Trưởng Phòng KTNB TSC VietinBank.



BÀ PHẠM THỊ THƠM

Thành viên BKS

Sinh năm 1969.

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng.

Được bầu vào BKS VietinBank nhiệm kỳ 2019 - 2024 từ 16/04/2021.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng Kế toán, Trưởng Phòng Kế toán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nội; Phó Phòng, Trưởng Phòng Chế độ, Vụ Kế toán - Tài chính, NHNN; TV BKS VietinBank từ tháng 07/2009 và nhiệm kỳ 2014 - 2019 (kiêm nhiệm).

3 - GIỚI THIỆU NHÂN SỰ

Ban điều hành

BĐH chịu trách nhiệm điều hành HĐKD hằng ngày của VietinBank theo Điều lệ VietinBank và Quy chế Tổ chức và hoạt động BĐH. BĐH chịu sự lãnh đạo, quản lý và giám sát toàn diện của HĐQT. BĐH chịu trách nhiệm trước HĐQT và báo cáo công tác theo quy định với HĐQT.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Phó TGD phụ trách BĐH	1.321	0,000027%
2	Ông Masahiko Oki	TV HĐQT kiêm Phó TGD	0	0%
3	Ông Trần Công Quỳnh Lân	Phó TGD	0	0%
4	Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó TGD	0	0%
5	Bà Lê Như Hoa	Phó TGD	35.741	0,000744%
6	Ông Lê Duy Hải	Phó TGD	20.000	0,000416%
7	Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Phó TGD	3	0,00000006%
8	Ông Hoàng Ngọc Phương	Phó TGD	0	0%
9	Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó TGD	112	0,0000023%
10	Ông Nguyễn Hải Hưng	Kế toán trưởng	24.894	0,000518%

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BĐH TRONG NĂM 2022

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/thời nhiệm
1	Ông Lê Duy Hải	Phó TGD	Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ ngày 09/05/2022 theo Quyết định số 669/QĐ-HĐQT-NHCT1.2 của HĐQT VietinBank.
2	Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Phó TGD	Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ ngày 12/05/2022 theo Quyết định số 8888/QĐ-HĐQT-NHCT1.2 của HĐQT VietinBank.
3	Ông Hoàng Ngọc Phương	Phó TGD	Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ ngày 12/05/2022 theo Quyết định số 1299/QĐ-HĐQT-NHCT1.2 của HĐQT VietinBank.
4	Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó TGD	Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ ngày 11/10/2022 theo Quyết định số 6666/QĐ-HĐQT-NHCT-NS2 của HĐQT VietinBank.

Ông NGUYỄN HOÀNG DŨNG

Phó TGD phụ trách BĐH

Sinh năm 1962.

Thạc sỹ Kinh tế.

Công tác tại VietinBank từ tháng 12/1988.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 3/2011, giao nhiệm vụ phụ trách BĐH VietinBank kể từ ngày 07/09/2021.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng Kiểm soát, Trợ lý GD, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính VietinBank tỉnh Minh Hải; Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng phòng Phòng Giao dịch Thành phố, PGD, GD VietinBank Cà Mau; Phó TGD.



3 - GIỚI THIỆU NHÂN SỰ

Ban điều hành

**Ông MASAHIKO OKI**

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Sinh năm 1971, quốc tịch Nhật Bản.

Cử nhân Kinh doanh và Thương mại.

Được bầu vào HĐQT VietinBank từ ngày 23/05/2020; kiêm nhiệm Phó TGD VietinBank từ ngày 26/05/2020.

Bắt đầu làm việc tại Ngân hàng Sanwa Bank, Ltd., (Nhật Bản) từ năm 1994 (Ngân hàng này sau đó đã sáp nhập với Ngân hàng UFJ Bank, Ltd. (Nhật Bản) vào năm 2002, và tiếp tục sáp nhập với Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi, Ltd. (Nhật Bản) vào năm 2006 để trở thành ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. (Nhật Bản), trước khi đổi tên thành Ngân hàng MUFG Bank hiện nay).

Từng giữ các chức vụ: Trưởng Phòng, Bộ phận Phát triển Kinh doanh Ngân hàng Bán lẻ của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản; GD Điều hành, Trưởng Văn Phòng Chiến lược Ngân hàng Bán lẻ của Ngân hàng Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản; GD Điều hành, Trưởng Văn phòng Chiến lược Ngân hàng Bán lẻ châu Á của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản và GD Điều hành & Phó Trưởng Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản.

**Ông NGUYỄN ĐÌNH VINH**

Phó TGD

Sinh năm 1980.

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Công tác tại VietinBank từ năm 2002.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 07/2015.

Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy VietinBank, Chủ tịch Công đoàn VietinBank, Phó TGD VietinBank; kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng, Phó phụ trách Phòng KHDN Lớn VietinBank; Phó Giám đốc VietinBank Quang Trung; Giám đốc VietinBank Hải Dương; Trưởng phòng Quản lý Nợ có vấn đề VietinBank; Giám đốc VietinBank TP. Hà Nội; Giám đốc Khối QLRR VietinBank.

**Ông TRẦN CÔNG QUỲNH LÂN**

Phó TGD

Sinh năm 1979.

Thạc sĩ CNTT.

Công tác tại VietinBank từ tháng 5/2012.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 03/2015.

Hiện là Phó TGD kiêm Giám đốc Khối CNTT VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Trợ lý Giám đốc Ngân hàng OCBC Singapore, Trợ lý Phó Chủ tịch Ngân hàng OCBC Singapore, Phó Chủ tịch phụ trách CNTT - Ngân hàng Bán lẻ, Quản lý kênh phân phối điện tử và đầu tư Ngân hàng OCBC Singapore; Giám đốc Trung tâm CNTT VietinBank.

**Bà LÊ NHƯ HOA**

Phó TGD

Sinh năm 1969.

Thạc sỹ Tài chính, Ngân hàng và Bảo hiểm.

Công tác tại VietinBank từ năm 1990.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 08/2016.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó TGD VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó Phòng Kế toán Tài chính, Trưởng Phòng Kế toán Tài chính, Trưởng Phòng Kế toán giao dịch, Phó Phòng Kinh doanh VietinBank Phúc Yên; Trưởng Phòng Tổ chức hành chính, Phó Giám đốc VietinBank TP. Hà Nội; Trưởng Phòng Quản lý Kế toán Tài chính VietinBank; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý VietinBank (kiêm nhiệm).

3 - GIỚI THIỆU NHÂN SỰ

Ban điều hành



Ông LÊ DUY HẢI

Phó TGD

Sinh năm 1977.

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Công tác tại VietinBank từ năm 2007.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 5/2022.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó TGD VietinBank; kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó phụ trách phòng KHDN lớn, Trưởng phòng KHDN lớn, PGĐ Khối KHDN VietinBank, PGĐ VietinBank - Ba Đình; GD Khối KHDN VietinBank, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Indovina (kiêm nhiệm).



Ông HOÀNG NGỌC PHƯƠNG

Phó TGD

Sinh năm 1984.

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Công tác tại VietinBank từ năm 2012.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 5/2022.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó TGD VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng quản lý HĐKD, Phó phòng KHDN lớn, PGĐ VietinBank - Chi nhánh TP. Hà Nội, GD VietinBank - Sông Nhuệ; PGĐ Khối QLRR, GD Khối Vận hành.



Ông ĐỖ THANH SƠN

Phó TGD

Sinh năm 1976.

Tiến sỹ Tài chính ngân hàng.

Công tác tại VietinBank từ năm 1999.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 10/2022.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó TGD VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng KHDN rồi Trưởng phòng KHDN VietinBank - Bình Phước, PGĐ VietinBank - Bình Phước, PGĐ rồi GD VietinBank - CN 11 TP. HCM; Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (Ocean Bank).



Ông NGUYỄN TRẦN MẠNH TRUNG

Phó TGD

Sinh năm 1983.

Thạc sỹ Tài chính, Ngân hàng.

Công tác tại VietinBank từ năm 2005.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó TGD VietinBank từ tháng 5/2022.

Hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó TGD VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng QLRR & Nợ có vấn đề VietinBank - CN Đống Đa; Quyền Trưởng phòng Quản lý HĐKD - Khối KHDN VietinBank; PGĐ Khối KHDN VietinBank, GD VietinBank - TP. Hà Nội.



Ông NGUYỄN HẢI HUNG

Kế toán trưởng

Sinh năm 1972.

Cử nhân Kinh tế.

Công tác tại VietinBank từ năm 1991.

Được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng VietinBank từ tháng 06/2011.

Hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Kế toán trưởng VietinBank.

Từng giữ các chức vụ: Phó phòng, Trưởng Phòng Kế toán Thanh toán VietinBank.

4 - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

**Tầm nhìn**

"Ngân hàng đa năng, hiện đại, hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam, nằm trong Top 20 ngân hàng mạnh nhất Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; là ngân hàng mạnh và uy tín nhất Việt Nam, hàng đầu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và uy tín cao trên thế giới".

**Sứ mệnh**

"Là ngân hàng tiên phong trong phát triển đất nước trên cơ sở mang lại giá trị tối ưu cho khách hàng, cổ đông và người lao động".

**5 giá trị cốt lõi****Khách hàng là trung tâm**

Lấy nhu cầu của khách hàng là mục tiêu phục vụ của Ngân hàng. Lắng nghe tiếng nói của khách hàng và chia sẻ với các bên liên quan để đưa ra giải pháp/tư vấn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đồng thời, đảm bảo an toàn cho khách hàng nội bộ, khách hàng bên ngoài.

Đổi mới sáng tạo

Luôn thể hiện sự sáng tạo trong mọi hoạt động; liên tục đổi mới có sự kế thừa để tạo ra những giá trị tốt nhất cho hệ thống, khách hàng và đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

Chính trực

VietinBank luôn nhất quán trong suy nghĩ và hành động đảm bảo sự tuân thủ, kỷ luật, kỷ cương, trung thực, minh bạch và giữ vững đạo đức nghề nghiệp.

Tôn trọng

Thể hiện thái độ và hành động lắng nghe, chia sẻ, quan tâm, ghi nhận đối với khách hàng, đối tác, cổ đông, lãnh đạo, đồng nghiệp và tôn trọng bản thân.

Trách nhiệm

Thể hiện tinh thần, thái độ và hành động của toàn hệ thống, của từng bộ phận, từng cán bộ VietinBank có trách nhiệm cao đối với khách hàng, đối tác, cổ đông, lãnh đạo, đồng nghiệp và cho chính thương hiệu của VietinBank. Thực hiện tốt trách nhiệm VietinBank với cộng đồng, xã hội là trách nhiệm, vai trò, vinh dự và tự hào của VietinBank.

4 - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng chiến lược phát triển trung hạn

Mục tiêu trung hạn giai đoạn 2021 - 2023 của VietinBank là trở thành Ngân hàng đa năng, hiện đại, hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam, phấn đấu đến năm 2023 nằm trong Top 100 Ngân hàng mạnh nhất Khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Dựa trên 5 chủ điểm chiến lược trong giai đoạn 2021 - 2023 là:



Chuyển đổi mô hình tăng trưởng;



Thay đổi phương thức cạnh tranh;



Gắn tăng trưởng với kinh tế ngành, vùng trọng điểm;



Chuyển đổi số toàn diện hoạt động ngân hàng;



Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực thực thi nhanh.

Với triết lý kinh doanh trong thời kỳ phát triển mới, VietinBank chú trọng đầu tư nâng cao năng lực nền tảng chính - là trụ cột thúc đẩy thực thi thành công định hướng chiến lược đã đặt ra. 7 yếu tố nền tảng bao gồm:

1. Triển khai mạnh mẽ VHDN;
2. Quản trị và đo lường dữ liệu;
3. Vận hành xuất sắc;
4. Tối ưu hóa mô hình hoạt động và mạng lưới;
5. QTRR theo thông lệ tốt nhất;
6. Nhân sự xuất sắc;
7. Marketing & truyền thông chủ động, hiệu quả.

Trong đó, xác định công nghệ thông tin là yếu tố then chốt, nguồn nhân sự có chất lượng tốt là yếu tố quyết định trong thực thi thành công chiến lược.

4 - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu phát triển bền vững

PTBV là một trong những chiến lược trọng tâm của VietinBank, bên cạnh mục tiêu kinh doanh hiệu quả và tăng trưởng lợi nhuận. Việc tham gia vào hệ sinh thái PTBV giúp ngân hàng có thể đóng góp tích cực vào sự phát triển nền kinh tế bền vững, xã hội công bằng của đất nước. Dưới sự lãnh đạo và định hướng của Đảng, Chính phủ trong việc cải thiện môi trường xã hội, xóa đói, giảm nghèo nhanh và bền vững, bảo vệ tài nguyên, môi trường, phát triển cơ sở hạ tầng, tăng trưởng tín dụng xanh và chống biến đổi khí hậu, VietinBank cam kết sẽ đồng hành cùng doanh nghiệp trong tìm kiếm cơ hội hợp tác để thúc đẩy việc huy động dòng tài chính xanh, chuyển giao công nghệ xanh, công nghệ các-bon thấp. Đồng thời, các hoạt động này sẽ góp phần thực hiện mục tiêu đưa mức phát thải ròng về "0", thích ứng với biến đổi khí hậu, thực hiện mục tiêu PTBV và nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Với tầm nhìn dài hạn, VietinBank sẽ xây dựng và công bố Chiến lược PTBV của Ngân hàng, đồng thời xây dựng và triển khai các bộ giải pháp tài chính, cơ chế hợp tác huy động nguồn vốn quốc tế và kế hoạch bán hàng bài bản trong lĩnh vực PTBV... Mong muốn đóng góp trong việc tạo nên một xã hội bền vững, VietinBank sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực tổng thể để triển khai mạnh mẽ các sản phẩm, dịch vụ tài chính bền vững.



5 - CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

Rủi ro về môi trường kinh doanh

Năm 2022 kinh tế thế giới phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tình bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ; cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ toàn cầu.

Trong hoàn cảnh đó, kinh tế Việt Nam đã có bước phục hồi mạnh mẽ, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2022 của Việt Nam lần đầu tiên vượt 400 tỷ USD, GDP bình quân đầu người ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021. Đặc biệt, GDP năm 2022 của Việt Nam ghi nhận mức tăng cao nhất trong vòng 12 năm qua với mức tăng **8,02%** so với năm trước. Trong đó, các lĩnh vực tiêu biểu đóng góp đáng kể vào tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế bao gồm: nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng 3,36%, đóng góp 5,11%; công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có tốc độ tăng trưởng là 8,10%, đóng góp 38,24%; dịch vụ được khôi phục và tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ tăng năm 2022 đạt 9,99%, cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022; đóng góp 56,65%.

Bên cạnh đó, xuất nhập khẩu cũng là một điểm sáng trong điều kiện nhiều thị trường lớn giảm nhu cầu và thắt chặt chi tiêu, tình chung cả năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm trước. Đây là con số kỷ lục trong nhiều năm trở lại đây. Trong đó xuất khẩu tăng 10,6%, nhập khẩu tăng 8,4%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2022 xuất siêu 11,2 tỷ USD (năm 2021 xuất siêu 3,32 tỷ USD), đồng thời là năm thứ 7 liên tiếp xuất siêu. Xuất nhập năm 2023 được dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn khi lạm phát tăng cao ở hầu hết các quốc gia, các thị trường lớn của Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến tiêu dùng các mặt hàng không thiết yếu, gây sụt giảm nhu cầu hàng hóa nhập khẩu từ các nước. Xuất khẩu cũng đối mặt với thách thức bị thu hẹp thị trường do bất ổn liên quan đến căng thẳng địa chính trị khu vực và toàn cầu, giá đầu vào nhập khẩu cao hơn và triển vọng tăng trưởng không chắc chắn ở các đối tác thương mại chính của Việt Nam cũng có thể hạn chế khả năng duy trì thặng dư cán cân thương mại do Việt Nam là nền kinh tế có độ mở lớn (trên 200%).

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với năm 2021, hoàn thành mục tiêu Quốc hội đề ra. Tuy nhiên áp lực lạm phát trong năm 2023 tương đối lớn, thể hiện qua việc các năm trước Quốc hội đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4%, nhưng năm 2023 Quốc hội đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4,5%. Áp lực tăng lạm phát năm tới đến từ việc Trung Quốc dỡ bỏ Zero COVID, nhu cầu hàng hóa tại Trung Quốc sẽ tăng mạnh, đẩy giá hàng hóa thế giới tăng cao, trong khi Việt Nam nhập khẩu hàng hóa đầu vào nhiều nên ảnh hưởng lớn tới lạm phát trong nước. Bên cạnh đó, khả năng tăng giá học phí, giá dịch vụ y tế theo lộ trình, dự kiến điều chỉnh tăng giá điện trong năm 2023, tăng lương cơ sở từ 01/07/2023 sẽ tạo thêm áp lực lạm phát cho nền kinh tế.

Trong năm 2022, NHNN đã cân đối các mục tiêu kinh tế vĩ mô trọng tâm và triển khai các giải pháp đồng bộ, linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ, ổn định tỷ giá, kiểm chế lạm phát đi với

với kiểm soát rủi ro thanh khoản, đảm bảo an toàn hoạt động cho hệ thống tài chính; các đợt tăng lãi suất của NHNN trong năm phù hợp với diễn biến toàn cầu và giảm áp lực lên tỷ giá.

Bước sang năm 2023, nền kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với những thách thức từ môi trường lãi suất cao, thanh khoản thắt chặt trong bối cảnh Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) tiếp tục chính sách tăng lãi suất để chống lạm phát. Dự báo, áp lực lãi suất vẫn còn trong nửa đầu năm 2023 do hạn chế thanh khoản từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp và nhu cầu huy động vốn của các ngân hàng tăng để đảm bảo các chỉ tiêu an toàn vốn cũng như đáp ứng nhu cầu vay tăng cao của nền kinh tế. Tuy nhiên, lãi suất tiền gửi được kỳ vọng giảm nhẹ trong nửa cuối năm 2023 nhờ: áp lực tỷ giá giảm cho phép NHNN bơm thanh khoản vào hệ thống và ổn định một bảng lãi suất, lạm phát trong nước được kiểm soát và đáp ứng mục tiêu của Chính phủ là giữ lạm phát trung bình năm 2023 dưới 4,5% và Chính phủ xem xét ban hành các chính sách hỗ trợ và củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn tiềm ẩn nhiều rủi ro và biến động, các tổ chức vẫn có những dự báo tích cực về tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt 6,2% trong năm 2023¹, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo đạt 6,5%², HSBC dự báo ở mức 5,8%³. Đây là triển vọng lạc quan so với các nước trong khu vực hay nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới.

¹ <https://www.imf.org/en/Countries/VNM>
² <https://loaodong.vn/kinh-doanh/giam-doc-quoc-gia-world-bank-du-bao-gdp-viet-nam-2023-dat-65-1140678.laod>
³ <https://vtvn/kinh-te/hsbc-nang-du-bao-tang-truong-kinh-te-viet-nam-2022122155659357.htm>

5 - CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

Rủi ro
tín dụng

Trong năm 2022, các biến động mạnh về kinh tế, chiến tranh đã ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Trước tình hình đó, với định hướng nâng cao năng lực tài chính, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nợ đảm bảo mục tiêu tăng trưởng an toàn, bền vững, hiệu quả, VietinBank luôn chủ động quản lý RRTD trên cả cấp độ danh mục và cấp độ giao dịch, nhận diện sớm các ngành/lĩnh vực/khách hàng tiềm ẩn rủi ro để kịp thời triển khai các biện pháp phân luồng thu hồi xử lý nợ, giảm thiểu tổn thất cho Ngân hàng; đồng thời triển khai các biện pháp hỗ trợ khách hàng ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh sau đại dịch COVID-19, vượt qua khó khăn như cơ cấu nợ, giải ngân mới, ưu đãi lãi suất theo quy định của NHNN. Nhờ đó, chất lượng tài sản tại VietinBank luôn được kiểm soát tốt.

Năm 2023, nền kinh tế thế giới và Việt Nam dự kiến sẽ còn nhiều biến động khó lường. Để đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững cho khách hàng, ngân hàng cũng như nền kinh tế, VietinBank tập trung kiện toàn, chuẩn hóa VBCS hướng tới thông lệ quốc tế và phát huy các thành tựu của việc chuyển đổi số trong công tác quản trị RRTD từ cấp độ tổng thể đến cấp độ giao dịch. VietinBank cũng đồng thời triển khai mạnh mẽ các biện pháp hạn chế nợ xấu mới phát sinh, tăng cường cải thiện chất lượng danh mục và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Nhằm hướng đến mục tiêu PTBV toàn xã hội, VietinBank đã ban hành và áp dụng các chính sách đánh giá tác động MT - XH trong hoạt động thẩm định, quyết định cấp tín dụng cho các dự án đầu tư. Trước khi cấp tín dụng, các dự án được rà soát việc đáp ứng các yêu cầu về MT - XH theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của VietinBank. VietinBank cũng liên tục kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ các vấn đề về MT - XH trong hoạt động của dự án và kịp thời đưa ra các biện pháp ứng xử tín dụng khi cần thiết.

Rủi ro
thị trường

Năm 2022, trước những diễn biến khó lường của thị trường tài chính trong nước và quốc tế do tác động của tăng lãi suất và lạm phát gia tăng trên toàn cầu, xung đột Nga - Ukraine, VietinBank tiếp tục chú trọng giám sát chặt chẽ và kiểm soát kịp thời RRTT trong quá trình kinh doanh.

Công tác quản lý RRTT được thiết lập gồm mục tiêu và các biện pháp kiểm soát phù hợp gắn liền với chiến lược kinh doanh trung và dài hạn của VietinBank, đảm bảo HĐKD phát triển an toàn, bền vững, tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, cam kết với đối tác chiến lược, phù hợp với với thông lệ quốc tế.

Mô hình 3 tuyến bảo vệ trong quản lý RRTT tiếp tục phát huy tốt hiệu quả trong việc nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro. Hệ thống chính sách, quy định và phương pháp luận về quản lý RRTT, QLRR tập trung trong giao dịch tự doanh được rà soát cập nhật kịp thời phù hợp với thực tiễn thị trường và HĐKD của VietinBank, đáp ứng thông lệ Basel II và các yêu cầu của cơ quan quản lý.

Để quản lý RRTT, VietinBank đã thiết lập khẩu vị và hạn mức RRTT gồm các chỉ số như: Lãi/lỗ theo giá thị trường, trạng thái, VaR (Value at Risk), hạn mức trạng thái/số dư đối với các sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ, đối tác thuộc danh mục tự doanh có rủi ro tập trung... Các chỉ số được đo lường giám sát và báo cáo hằng ngày, kịp thời cảnh báo nguy cơ rủi ro phát sinh vượt ngưỡng chấp nhận của VietinBank và có biện pháp xử lý giảm thiểu rủi ro. Bên cạnh đó, định kỳ phân tích mức tổn thất trong điều kiện căng thẳng, mức vốn yêu cầu cho RRTT và backtest các mô hình đo lường RRTT để đảm bảo đánh giá chính xác mức độ rủi ro tiềm ẩn.

Từ năm 2013, VietinBank đã triển khai hệ thống Treasury Murex nhằm thực hiện nhập, phê duyệt và quản lý giao dịch kinh doanh vốn và thị trường thông suốt cả 3 cấu phần Front Office, Middle Office, Back Office. Trong năm 2023, VietinBank sẽ tiếp tục đổi mới về hệ thống và phương pháp luận QLRR phù hợp với bối cảnh thị trường, hướng theo thông lệ tiên tiến nhằm hỗ trợ, thúc đẩy HĐKD.

5 - CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

Rủi ro hoạt động

Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều diễn biến phức tạp hơn do những tác động kép của dịch COVID-19, sự phát triển mạnh mẽ của các sản phẩm tài chính được số hóa trong và sau thời kỳ giãn cách nhằm phục vụ nhu cầu thanh toán và giao dịch của người dân đã dẫn tới những rủi ro tiềm ẩn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, an ninh mạng.

Trong 10 năm vừa qua, công tác quản lý RRHD đã liên tục được nâng cấp và hoàn thiện thông qua hệ thống chính sách và giải pháp công nghệ về QLRR, đảm bảo phát huy tính thực tiễn, hỗ trợ thúc đẩy, tăng cường hiệu quả HĐKD, phù hợp thông lệ quốc tế thông qua các hoạt động quản lý RRHD nổi bật như: (i) Nghiên cứu, xây dựng và đưa vào vận hành các công cụ quản lý RRHD đồng bộ về VBCS cũng như phát triển hệ thống công nghệ QTRR; (ii) Thực hiện đa dạng hóa, đồng bộ các hoạt động truyền thông, đào tạo nhằm nâng cao ý thức quản lý RRHD trên toàn hệ thống; (iii) Tập trung nguồn lực, tích cực phối hợp với các đơn vị tại Tuyến bảo vệ 1 thực hiện báo cáo các sự cố CNTT, triển khai các giải pháp khắc phục sự cố nghiêm trọng, thực hiện đánh giá một số hệ thống trọng yếu, sản phẩm dịch vụ công nghệ số có ảnh hưởng trực tiếp tới khách hàng, đưa ra các giải pháp giảm thiểu rủi ro trước khi đưa sản phẩm vào triển khai thực tế; (iv) Thực hiện tốt công tác đảm bảo HĐKD liên tục của ngân hàng gồm: phòng chống khủng bố, phòng ngừa cướp tiền và tài sản của ngân hàng, cảnh báo các dấu hiệu rủi ro lừa đảo qua hình thức email giả mạo (phishing email), các giải pháp phòng ngừa tội phạm công nghệ cao và đảm bảo an toàn thông tin mạng với dịch vụ nội dung số tại Việt Nam. Trong năm 2022, Sổ tay ứng phó tình huống khẩn cấp tại VietinBank cũng đã được ban hành nhằm trang bị cho các đơn vị trong hệ thống các phương án xử lý/ứng phó nhanh nhất đối với một số tình huống phát sinh trên thực tế, đảm bảo hoạt động của hệ thống VietinBank được liên tục, hiệu quả, an toàn theo các tiêu chuẩn quốc tế về QLRR.

Năm 2023, xu hướng phát triển mạnh mẽ SPDV có hàm lượng công nghệ cao cũng như tăng cường hợp tác/thuê ngoài các bên thứ ba hiện nay có thể làm gia tăng các RRHD liên quan ứng dụng công nghệ, hợp tác bên thứ ba. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, VietinBank ngày càng tập trung đẩy mạnh công tác rà soát, đánh giá rủi ro xuyên suốt các giai đoạn và chủ động đề xuất các biện pháp ứng xử phù hợp, đồng thời liên tục cải tiến nâng cấp hệ thống, tăng cường khả năng bảo mật của các giải pháp số nhằm giám sát, phát hiện sớm rủi ro gian lận cũng như ngăn chặn tội phạm an ninh mạng tấn công.

Rủi ro gian lận, phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố

Trong năm 2022, VietinBank không phát sinh sự kiện, giao dịch nào vi phạm các chương trình/danh sách cấm vận, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố của các tổ chức quốc tế, mặc dù bất ổn chính trị liên quan đến Nga và Ukraina đã khiến cho các chương trình, biện pháp trừng phạt kinh tế với các cá nhân, tổ chức liên quan đến Nga có xu hướng tăng. Điều này có được là do VietinBank đã thường xuyên theo dõi, cập nhật các chương trình cấm vận liên quan đến Nga/Ukraine lên hệ thống và có cảnh báo kịp thời đến các chi nhánh. Song song với đó, VietinBank cũng không ngừng thúc đẩy tăng cường hợp tác với các định chế tài chính, cơ quan an ninh, NHNN trong việc ngăn chặn giao dịch đáng ngờ kịp thời, đảm bảo sự ổn định của hệ thống tài chính - tiền tệ.

Đồng thời, VietinBank đã và đang triển khai chuyển đổi số toàn diện các mặt hoạt động dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, cũng như đẩy mạnh chuyển dịch các kênh giao dịch, từ đó đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Tuy nhiên, bất ổn chính trị, công nghệ phát triển dẫn tới các hành vi lừa đảo ngày một gia tăng với các thủ đoạn tinh vi, là thách thức lớn đối với hệ thống ngân hàng. Trên cơ sở bám sát các chỉ đạo của NHNN, VietinBank không ngừng xây dựng, cập nhật quy định, quy trình nội bộ mà còn tích cực ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác phòng, chống gian lận.

Trong năm 2023, VietinBank tiếp tục đẩy mạnh tiến độ xây dựng hệ thống phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và phòng, chống gian lận - giai đoạn 2 nhằm hỗ trợ giám sát phát hiện, nhận diện sớm các rủi ro, dấu hiệu bất thường của giao dịch trên tất cả các kênh, các mảng nghiệp vụ, thúc đẩy tăng trưởng gắn với an toàn, hiệu quả. Bên cạnh đó, VietinBank cũng đồng thời áp dụng đa dạng các hình thức truyền thông về những thủ đoạn, hành vi lừa đảo và biện pháp ứng xử để không những nâng cao nhận biết, cảnh giác của không chỉ cán bộ trong VietinBank mà của các khách hàng, từ đó đảm bảo an toàn cho tài sản của khách hàng và VietinBank.

5 - CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

Rủi ro thanh khoản

Năm 2022, VietinBank xây dựng chiến lược quản lý RRTK, trong đó tập trung các mục tiêu trọng yếu như:

- Đảm bảo an toàn thanh khoản, quản lý hiệu quả và ổn định nguồn vốn đáp ứng tăng trưởng kinh doanh và nhu cầu thanh toán của khách hàng;
- Duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh khoản của ngân hàng trong điều kiện hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản;
- Thiết lập và kiểm soát các chỉ tiêu KVRR và hạn mức RRTK nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, cơ quan quản lý và các mục tiêu nội bộ của VietinBank;

Mô hình 3 tuyến bảo vệ được tiếp tục phát huy hiệu quả. Tình hình cân đối vốn và các chỉ tiêu an toàn thanh khoản, hạn mức RRTK được theo dõi hằng ngày, giám sát chặt chẽ đảm bảo tuân thủ các giới hạn theo quy định của NHNN. Định kỳ hằng tháng, tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, tình hình cân đối vốn và thanh khoản, tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức rủi ro được rà soát, báo cáo và đề xuất định hướng điều hành cân đối vốn đảm bảo thanh khoản an toàn và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.

VietinBank xây dựng và vận hành hệ thống ALM quản lý tài sản Nợ - Có theo thông lệ quốc tế nhằm tự động các báo cáo cân đối vốn và báo cáo dòng tiền để tính toán trạng thái thanh khoản hằng ngày của Ngân hàng, cung cấp thông tin đa chiều, kịp thời và chính xác phục vụ công tác quản lý RRTK. Qua đó, RRTK của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo từng đồng tiền chính (VND, USD, EUR) trên cơ sở phân tích nhu cầu thanh khoản, nguồn thanh khoản của từng HĐKD; cơ cấu tài sản/nợ phải trả và dòng tiền của các khoản mục nội bảng và ngoại bảng; khả năng tiếp cận thanh khoản trên thị trường.

Trong năm 2023, VietinBank sẽ tiếp tục đổi mới, nâng cấp bộ nhận diện cảnh báo sớm rủi ro, nghiên cứu áp dụng các chỉ tiêu QLRR thanh khoản theo Basel III, phù hợp thực tiễn thị trường Việt Nam và HĐKD của Ngân hàng.

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Đối với RRLS trên Sổ ngân hàng, phát sinh do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng, VietinBank tiếp tục áp dụng chính sách quản lý tập trung tại TSC với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ tương tự như RRTK.

VietinBank định kỳ rà soát quy định, quy trình quản lý RRLS trên Sổ ngân hàng; quản lý chênh lệch kỳ định giá lại lãi suất, rà soát và cập nhật hạn mức đối với chênh lệch kỳ hạn định giá lại, thay đổi thu nhập lãi thuần (NII) và thay đổi giá trị kinh tế của VCSH (EVE) với các kịch bản lãi suất khác nhau để đánh giá một cách toàn diện các RRLS trên Sổ ngân hàng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của VietinBank phù hợp với điều kiện thị trường nhiều biến động trong năm 2022; đồng thời đẩy mạnh sử dụng các sản phẩm phái sinh phù hợp nhằm kiểm soát rủi ro ở cấp độ danh mục. Hệ thống phần mềm Quản lý tài sản Nợ - Có (ALM) và hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP cho phép VietinBank quản lý tập trung trạng thái RRLS tại TSC, cung cấp tự động các báo cáo chênh lệch kỳ hạn định giá lại, báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất... nhằm kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại, kiểm soát mức độ tác động của thay đổi lãi suất tới thu nhập lãi thuần và giá trị kinh tế VCSH của VietinBank trong phạm vi cho phép. Diễn biến lãi suất thị trường, mức độ RRLS và tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức RRLS được phân tích báo cáo BLEĐ tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO hằng tháng nhằm kịp thời điều chỉnh chiến lược đầu tư, cho vay và huy động vốn phù hợp với xu hướng biến động lãi suất thị trường, đảm bảo thực hiện mục tiêu lợi nhuận và ổn định giá trị kinh tế VSCH của Ngân hàng.

Ở cấp độ giao dịch, VietinBank áp dụng các điều khoản phòng ngừa RRLS trong các hợp đồng tín dụng nhằm đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường; xác định lãi suất cho vay phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng, điều hành lãi suất thông qua công cụ giá mua bán vốn nội bộ (FTP) tùy theo định hướng hoạt động của Ngân hàng và diễn biến thị trường. Trong năm 2023, VietinBank sẽ tiếp tục rà soát, nâng cấp phương pháp đo lường RRLS theo các kịch bản biến động lãi suất đa dạng phù hợp thực tiễn thị trường, chuẩn mực quốc tế và định hướng HĐKD của Ngân hàng.

5 - CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

Rủi ro hệ thống CNTT

Hệ thống CNTT của VietinBank thuộc quy mô lớn, triển khai nhiều SPDV mới, có hàm lượng công nghệ cao, kết nối với hệ thống CNTT của nhiều đối tác, trên nhiều nền tảng CNTT. Quá trình số hóa hệ thống CNTT của VietinBank trong năm 2022 được triển khai mạnh mẽ với nhiều SPDV mới, cập nhật hệ thống thường xuyên hơn, kết nối với nhiều hệ thống đối tác hơn. Do đó, công tác đảm bảo an toàn bảo mật giao dịch, dữ liệu của ngân hàng luôn được coi là then chốt nhằm đem lại sự tin cậy cho khách hàng. VietinBank luôn chủ động, thường xuyên đánh giá rủi ro an ninh, an toàn trên toàn hệ thống, đồng thời triển khai nhiều biện pháp kiểm soát rủi ro như:

- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống giám sát các sự kiện bảo mật (SIEM), triển khai Trung tâm Giám sát An toàn Thông tin (SOC) trong hệ thống CNTT của VietinBank để giám sát tập trung các hệ thống bảo mật, phát hiện sớm các nguy cơ và có hành động xử lý kịp thời;
- Thực hiện đánh giá, nhận diện rủi ro bảo mật thông tin, vận hành khai thác đối với các SPDV trước khi triển khai cung cấp cho khách hàng để có biện pháp kiểm soát phù hợp, đặc biệt là tất cả các hệ thống, dịch vụ ngân hàng điện tử cũng như các hệ thống trọng yếu khác;
- Triển khai các giải pháp bảo đảm sẵn sàng của các hệ thống CNTT, đồng thời diễn tập chuyển hệ thống sang trung tâm dữ liệu dự phòng thảm họa để đảm bảo hệ thống sẵn sàng hoạt động khi xảy ra thảm họa tại trung tâm dữ liệu chính;
- Triển khai, áp dụng tiêu chuẩn bảo mật của tổ chức SWIFT theo Chương trình An ninh Khách hàng (CSP) cho hệ thống thanh toán SWIFT, triển khai và nhận chứng chỉ bảo mật quốc tế ISO27001:2013 cho hệ thống Internet Banking (ngân hàng điện tử), triển khai áp dụng Tiêu chuẩn Bảo mật Dữ liệu Thẻ Thanh toán (PCI-DSS) cho hệ thống thẻ;
- Nghiên cứu, triển khai, áp dụng giải pháp xác thực sinh trắc học trong các giao dịch tại quầy và thiết bị di động; thực hiện bảo mật ở mức cao nhất đối với các dữ liệu sinh trắc học của khách hàng, tuân thủ các quy định của Chính phủ, NHNN về quản lý dữ liệu sinh trắc học;
- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho cán bộ VietinBank;
- Thường xuyên cảnh báo khách hàng về những rủi ro bảo mật thông tin trong các dịch vụ của ngân hàng qua tổng đài, SMS, OTT, website, fanpage.

Năm 2023, ngoài những định hướng đã và đang thực hiện trên, VietinBank sẽ tập trung triển khai thêm các nội dung khác như:

- Vận hành chính thức SOC nhằm giám sát 24/24 các sự kiện bảo mật, dấu hiệu mất ATTT xảy ra trên hệ thống CNTT để xử lý kịp thời các sự kiện bất thường trên hệ thống CNTT;
- Triển khai kiện toàn và nâng cấp các hệ thống hạ tầng và bảo mật nhằm bảo đảm hiệu năng và tính sẵn sàng của các hệ thống;
- Xây dựng và triển khai diễn tập các kịch bản phòng chống tấn công chủ động.



Ra mắt thương hiệu mới VietinBank (năm 2008)

02

Tình hình hoạt động trong năm 2022

- 1 Tình hình hoạt động kinh doanh
- 2 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 3 Tình hình tài chính năm 2022
- 4 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 5 Tình hình phát hành trái phiếu năm 2022

1 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

Năm 2022, VietinBank đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, nỗ lực đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tái cấu trúc toàn diện hoạt động theo hướng chuyển đổi mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, chuyển dịch nhanh cơ cấu thu nhập, triển khai chiến lược khách hàng là trung tâm, xác định phương thức cạnh tranh theo hướng chú trọng phát triển giải pháp ngân hàng tài chính hiện đại, nâng cao năng lực tư vấn, chất lượng dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính của khách hàng. Theo đó, VietinBank đã đạt được những kết quả kinh doanh tích cực trên mọi mặt hoạt động trong năm 2022, tạo tiền đề vững chắc cho HĐKD của Ngân hàng trong giai đoạn tiếp theo. Các chỉ tiêu tài chính kinh doanh đều hoàn thành và vượt kế hoạch ĐHĐCĐ giao, hiệu quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao hơn so với tăng trưởng quy mô, cụ thể như sau:

- **TTS** của VietinBank đến ngày 31/12/2022 đạt 1,81 triệu tỷ đồng, tăng 18,1% so với năm 2021 và đạt kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra.
- **Dư nợ tín dụng** cuối kỳ đạt 1,28 triệu tỷ đồng tăng 12,1%, đạt kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra. Cơ cấu dư nợ chuyển dịch tích cực theo hướng nâng cao hiệu quả sinh lời, tỷ trọng dư nợ bán lẻ và dư nợ KHDN vừa và nhỏ tiếp tục được cải thiện, ưu tiên cấp tín dụng cho khách hàng có dự án/phương án sản xuất kinh doanh khả thi, xếp hạng tín nhiệm tốt, hiệu quả sinh lời cao.
- **Nguồn vốn** được cân đối tối ưu phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng. Nguồn vốn huy động hợp nhất đạt hơn 1,34 triệu tỷ đồng, tăng 114 nghìn tỷ đồng (+9,3%) so với năm 2021. Trong đó, đến cuối năm 2022 tiền gửi không kỳ hạn (CASA) tăng 7,1% so với năm 2021, tỷ trọng CASA đạt hơn 20%, góp phần tích cực trong việc kiểm soát chi phí vốn của ngân hàng.
- **Tỷ lệ nợ xấu** theo thông tư 11 ở mức 1,08%, được kiểm soát theo mục tiêu ĐHĐCĐ đề ra. **Tỷ lệ bao phủ nợ xấu** đạt 188%, tiếp tục cải thiện tích cực so với năm 2021 (180%). Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN.
- **Hiệu quả hoạt động** được cải thiện. **LNTT riêng lẻ** năm 2022 đạt 20.353 tỷ đồng, tăng 20,7% so với năm 2021, hoàn thành 105% kế hoạch năm. **LNTT hợp nhất** năm 2022 đạt 20.946 tỷ đồng, tăng 19,1% so với năm 2021.
 - » **Lãi thuần từ hoạt động cho vay, đầu tư** cả năm đạt 47,8 nghìn tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm 2021. Trong năm 2022, VietinBank đã thực hiện điều hành cân đối vốn linh hoạt, tận dụng tối đa các nguồn vốn có chi phí hợp lý nhất nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản.
 - » **Thu ngoài lãi** đạt 16,3 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng mạnh 43,6% so với năm 2021, góp phần cải thiện đáng kể tỷ trọng thu nhập ngoài lãi từ 21,4% trong năm 2021 lên 25,5% trong năm 2022. Trong đó, lãi thuần từ dịch vụ tăng 18,2% so với năm 2021; Hoạt động kinh doanh ngoại tệ tăng trưởng 96%, tiếp tục khẳng định vị thế của VietinBank trên thị trường. Bên cạnh đó, nhờ các biện pháp quyết liệt, kết quả thu XLRR cả năm 2022 đạt hơn 5,3 nghìn tỷ đồng, tăng 65% so với năm 2021.
 - » **Chi phí hoạt động** được kiểm soát hiệu quả, CIR chỉ ở mức 29,6%.
- Tuân thủ các chỉ tiêu an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu (hợp nhất)	31/12/2022 so với 31/12/2021				Kế hoạch ĐHĐCĐ 2022	% thực hiện kế hoạch 2022
	31/12/2022	31/12/2021	+/-	+/- %		
TTS	1.808.430	1.531.587	276.843	18,1%	Tăng trưởng từ 5 - 10%	Đạt
Nguồn vốn huy động	1.340.546	1.226.345	114.201	9,3%	Tăng trưởng từ 8% - 10%	Đạt
Dư nợ tín dụng	1.279.823	1.141.454	138.369	12,1%	Tăng trưởng theo điều hành chính sách tiền tệ của NHNN	Đạt
Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng theo Thông tư 11	1,08%	1,14%			<1,8%	Đạt
LNTT riêng lẻ	20.353	16.860	3.493	20,7%	19.451	105%
LNTT hợp nhất	20.946	17.589	3.357	19,1%		

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2022)



2 - TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2022, VietinBank không thực hiện mới các khoản đầu tư lớn, bao gồm các khoản đầu tư tài chính và đầu tư dự án.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

TÊN VIẾT TẮT	VBI
TRỤ SỞ CHÍNH	Tầng 10 - 11, Tòa nhà 126 Đội Cấn, quận Ba Đình, TP. Hà Nội
LIÊN HỆ	Điện thoại: 024 3942 5650 Fax: 024 3942 5646
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	Giấy phép thành lập và hoạt động số 21GP/KDBH ngày 12/12/2002 và GPĐC số 21/GPĐC33/KDBH ngày 03/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	Bảo hiểm phi nhân thọ
VỐN ĐIỀU LỆ (31/12/2022)	666 tỷ đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VIETINBANK	73,37%

TỔNG TÀI SẢN

(tỷ đồng)

5.623,6

↑ 26,3%

so với năm 2021

TỔNG DOANH THU

(tỷ đồng)

3.214,2

↑ 30,3%

so với năm 2021

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

(tỷ đồng)

253,8

↑ 24,5%

so với năm 2021

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 31/12/2022:

Tại 31/12/2022, TTS của Công ty đạt 5.623,6 tỷ đồng, tăng 26,33% so với 31/12/2021. Năm 2022, HĐKD của VBI tiếp tục phát triển và mở rộng. Tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 3.214,2 tỷ đồng, tăng 30,3% so với năm 2021, đứng trong Top 10 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có thị phần lớn nhất. LNTT của Công ty năm 2022 đạt 253,8 tỷ đồng, tăng 24,5% so với năm 2021, lợi nhuận của VBI tăng trưởng đứng Top 1 thị trường, là một trong 4/10 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có thị phần lớn nhất ghi nhận LNTT tăng trưởng dương. Hiệu quả kinh doanh ROE năm 2022 đạt 14,3%, tăng từ Top 6 (2021) lên Top 3 (2022). Với mức tăng trưởng doanh thu như trên, thị phần và hình ảnh của Công ty trên thị trường tiếp tục được nâng cao khi nhiều năm liên tiếp Công ty luôn thuộc Top 10 Công ty Bảo hiểm phi nhân thọ uy tín. Cụ thể, thị phần* của VBI đã liên tục được mở rộng từ 2,5% năm 2016, trên 3% năm 2019, đạt 3,7% năm 2020, 4% năm 2021 và đạt 4,5% năm 2022.

* Nguồn: Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

TÊN VIẾT TẮT	VietinBank Capital
TRỤ SỞ CHÍNH	Tầng 6, Trung tâm thương mại Chợ Cửa Nam, 34 phố Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
LIÊN HỆ	Điện thoại: 024 3938 8855 Fax: 024 3938 8500
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của UBCKNN và sửa đổi gần nhất theo GPĐC số 105/GPĐC-UBCK ngày 03/11/2022 của UBCKNN
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	Quản lý quỹ
VỐN ĐIỀU LỆ (31/12/2022)	300 tỷ đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VIETINBANK	100%

TỔNG TÀI SẢN

(tỷ đồng)

409

↓ 2%

so với năm 2021

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ, thực hiện các nghiệp vụ: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục ủy thác đầu tư; tư vấn đầu tư chứng khoán và một số nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.

KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 31/12/2022:

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 ghi nhận nhiều biến động với sự sụt giảm liên tục, do đó, Công ty chưa thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư để hiện thực hóa lợi nhuận. LNTT năm 2022 đạt 830,6 triệu đồng, trong đó: Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính đạt 38,1 tỷ đồng, giảm 40,8% so với năm 2021 và chiếm 90,2% tổng doanh thu năm 2022; Chi phí hoạt động tài chính tăng 46,3 tỷ đồng, tương đương tăng 181,4% so với cùng kỳ năm 2021 do điều chỉnh tăng khoản trích lập dự phòng với hoạt động đầu tư chứng khoán. TTS đến 31/12/2022 đạt 409 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2022, Công ty đã và đang từng bước chuyển đổi định hướng hoạt động tập trung vào nghiệp vụ lõi (dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán); tái cơ cấu toàn diện HĐKD, cơ cấu tổ chức và dịch chuyển cơ cấu doanh thu (từ hoạt động đầu tư tài chính sang thu phí dịch vụ) qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty.

2 - TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

TÊN VIẾT TẮT	VietinBank Securities
TRỤ SỞ CHÍNH	306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
LIÊN HỆ	Điện thoại: 024 6278 0012 Fax: 024 3974 1760
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	107/UBCK-GP ngày 01/07/2009 do UBCKNN cấp và GPĐC gắn nhất số 97/GPĐC-UBCK ngày 10/10/2022 của UBCKNN
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	Chứng khoán
VỐN ĐIỀU LỆ (31/12/2022)	1.487 tỷ đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VIETINBANK	75,64%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(tỷ đồng)
78,8

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, bao gồm: môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 31/12/2022:

Năm 2022, thị trường chứng khoán diễn biến bất lợi và thị trường trái phiếu có nhiều khó khăn đã tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán. Đứng trước những khó khăn và biến động lớn của thị trường, Công ty đã rất nỗ lực cố gắng, triển khai các giải pháp để vừa tăng cường công tác quản trị rủi ro, vừa thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 một cách an toàn, hiệu quả. Tổng doanh thu và thu nhập khác của công ty năm 2022 đạt 876,13 tỷ đồng (trong đó doanh thu hoạt động kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính là 876,04 tỷ đồng), giảm 17,88% so với năm 2021. LNTT năm 2022 đạt 78,8 tỷ đồng, hoàn thành 15,6% kế hoạch, trong đó: Lợi nhuận đã thực hiện đạt 209,9 tỷ đồng, tăng 41% so với mức bình quân 03 năm liền trước (2019-2021). LNST đã thực hiện năm 2022 của công ty đạt 175,974 tỷ đồng.



Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

TÊN VIẾT TẮT	VietinBank Leasing
TRỤ SỞ CHÍNH	16 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, TP. Hà Nội
LIÊN HỆ	Điện thoại: 024 3823 3045 Fax: 024 3733 3579
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101047075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/06/2022.
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	Cho thuê tài chính
VỐN ĐIỀU LỆ (31/12/2022)	1.000 tỷ đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VIETINBANK	100%

TỔNG TÀI SẢN
(tỷ đồng)
4.875
↑ 26%
so với năm 2021

TỔNG THU NHẬP
(tỷ đồng)
375
↑ 14,1%
so với năm 2021

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính đối với các doanh nghiệp, cá nhân, các tổ chức khác thuộc đối tượng cho vay vốn của TCTD.

KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 31/12/2022:

LNTT năm 2022 của Công ty là 141,3 tỷ đồng, giảm 15% so với năm 2021. Tại ngày 31/12/2022, TTS của VietinBank Leasing đạt 4.875 tỷ đồng, tăng 26% so với 31/12/2021. Tổng thu nhập đạt 375 tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm 2021, phần lớn là thu nhập từ hoạt động cho thuê tài chính đạt 373 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2021. Tổng chi phí là 234 tỷ đồng, tăng 44% so với năm 2021. Tổng dư nợ cho thuê tài chính đạt 4.614 tỷ đồng, tăng trưởng 29% so với năm 2021. Công ty có quy mô đứng thứ 2 về thị phần dư nợ cho thuê tài chính tại Việt Nam. Nợ nhóm 2 chiếm 3,3%/ tổng dư nợ cấp tín dụng; nợ xấu chiếm 0,47%/ tổng dư nợ.



2 - TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Công ty TNHH Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

TÊN VIẾT TẮT	VietinBank Gold & Jewellery
TRỤ SỞ CHÍNH	Tầng 2 Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
LIÊN HỆ	Điện thoại: 024 3942 1051 Fax: 024 3939 3502
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105011873 đăng ký lần đầu ngày 25/11/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội; thay đổi lần 9 ngày 19/12/2022
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	Kinh doanh, sản xuất gia công chế tác vàng bạc đá quý
VỐN ĐIỀU LỆ (31/12/2022)	200 tỷ đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VIETINBANK	100%

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng, bạc và các kim loại quý khác.

KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 31/12/2022:

TTS đạt 231,9 tỷ đồng, giảm 2,6% so với 31/12/2021. Trong năm 2022, mặc dù Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai HĐKD, đặc biệt trong hoạt động xuất khẩu vàng trang sức, song do tình hình kinh tế khó khăn, giá vàng trong nước và thế giới chênh lệch lớn đã gây ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty, cụ thể: Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 đạt 25,4 tỷ đồng (giảm 21,2% so với năm 2021); Tổng thu nhập đạt 38,6 tỷ đồng (giảm nhẹ 0,9% so với năm 2021) và Tổng chi phí là 33 tỷ đồng (tăng 12,2% so với năm 2021). LNTT năm 2022 đạt 6,1 tỷ đồng, giảm 39,2% so với năm 2021.



Công ty Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

TÊN VIẾT TẮT	VietinBank AMC
TRỤ SỞ CHÍNH	76 Nguyễn Văn Cừ, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP. HCM
LIÊN HỆ	Điện thoại: 028 3920 2020 Fax: 028 3920 3982
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302077030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 20/07/2010, thay đổi lần 6 ngày 12/01/2021
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	Quản lý tài sản
VỐN ĐIỀU LỆ (31/12/2022)	120 tỷ đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VIETINBANK	100%

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tiếp nhận tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, định giá tài sản bảo đảm.

KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 31/12/2022:

Là đơn vị độc lập trực thuộc VietinBank với nhiệm vụ chính là hỗ trợ cho các chi nhánh VietinBank trong công tác thẩm định giá trị tài sản bảo đảm, góp phần tích cực vào công tác QTRR trong hệ thống VietinBank. Do đó, hiệu quả hoạt động của Công ty thể hiện ở kết quả kinh doanh chung của toàn hệ thống. Kết thúc năm 2022, tổng thu nhập Công ty đạt 78,6 tỷ đồng tăng trưởng 14% so với năm 2021. Trong đó mảng nghiệp vụ kinh doanh chính là định giá tài sản đạt doanh thu 69,7 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2021 và đạt 103% chỉ tiêu VietinBank giao. Hoạt động xử lý nợ theo ủy quyền của VietinBank bắt đầu triển khai trong năm 2022 với doanh thu đạt được 3,53 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế 2022 của Công ty đạt 15 tỷ đồng, nếu không tính hoạt động xử lý nợ thì lợi nhuận đạt 18,1 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch lợi nhuận được VietinBank giao (không bao gồm hoạt động xử lý nợ).

<p>TỔNG THU NHẬP (tỷ đồng)</p> <p>78,6</p> <p>↑ 14% so với năm 2021</p>	<p>DOANH THU ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN (tỷ đồng)</p> <p>69,7</p> <p>↑ 12% so với năm 2021</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------

2 - TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

TÊN VIẾT TẮT	VietinBank Money Transfer
TRỤ SỞ CHÍNH	Tầng 3, Tòa nhà VietinBank, 126 phố Đội Cấn, quận Ba Đình, TP. Hà Nội
LIÊN HỆ	Điện thoại: 024 3942 8690 - 024 3942 8691 Fax: 024 3942 8693
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105757686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 03/01/2012, thay đổi lần 1 ngày 13/03/2015
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	Trung gian tiền tệ
VỐN ĐIỀU LỆ (31/12/2022)	50 tỷ đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VIETINBANK	100%

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ kiều hối khác theo quy định của pháp luật.

KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 31/12/2022:

Tổng thu nhập của Công ty năm 2022 đạt 69,5 tỷ đồng, trong đó thu nhập từ hoạt động dịch vụ đạt 43,2 tỷ đồng, giảm 15% so với cùng kỳ; LNTT năm 2022 của Công ty đạt 40 tỷ đồng, giảm 30% so với năm 2021, một phần do sụt giảm doanh số đáng kể từ 2 thị trường kiều hối lớn nhất của Công ty là Hàn Quốc và Nhật Bản trong năm vừa qua. Năm 2022, đồng Yên Nhật và đồng Won Hàn Quốc đã giảm giá sâu nhất trong vòng 24 năm trở lại đây (giảm 28%) khiến thu nhập và tích lũy của người lao động bị ảnh hưởng lớn, đồng thời người dân có xu hướng tích lũy chờ tỷ giá lên mới gửi kiều hối về nước.



Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào

TÊN VIẾT TẮT	VietinBank Laos
TRỤ SỞ CHÍNH	Số 268 đường Langxang, phường Hatsady, quận Chanthabouly, Thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào
LIÊN HỆ	ĐT: +856 2126 3997 Fax: +856 2126 1026
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	068/NHCHDCNDL ngày 08/07/2015 của Ngân hàng CHDCND Lào
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	Dịch vụ tài chính – ngân hàng
VỐN ĐIỀU LỆ (31/12/2022)	50 triệu USD
TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VIETINBANK	100%

TỔNG TÀI SẢN
(tỷ đồng)

5.477,12

↑ 29,22%
so với năm 2021

TỔNG DƯ NỢ
(tỷ đồng)

4.465,30

↑ 24%
so với năm 2021

LNTT
(tỷ đồng)

56,29

↑ 55%
so với năm 2021

VietinBank Lào được thành lập từ tháng 3/2012 dưới hình thức Chi nhánh trực thuộc TSC VietinBank. Đến tháng 8/2015, Chi nhánh Lào được nâng cấp lên ngân hàng con, tạo cơ hội mở rộng quy mô tại các tỉnh thành, cung ứng các SPDV tiện ích, đa năng tới khách hàng, thúc đẩy quá trình tăng trưởng mạnh mẽ tại Lào. Sau 10 năm hoạt động VietinBank Lào đang đứng vị trí thứ 8 so với tổng số các NHTM tại Lào và đứng thứ 2 so với các NHTM Việt Nam tại Lào.

KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 31/12/2022:

Năm 2022 là một năm đầy khó khăn thách thức đối với nền kinh tế Lào nói chung và HĐKD của VietinBank Lào nói riêng trong bối cảnh khủng hoảng nền kinh tế toàn cầu và căng thẳng chiến tranh Nga - Ukraina. Tuy nhiên VietinBank Lào đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch được giao. TTS của VietinBank Lào năm 2022 là 234.465,58 nghìn USD (tương đương 5.477,12 tỷ đồng, tăng 29,22% so với năm 2021). Tổng dư nợ năm 2022 là 191.151,39 nghìn USD (tương đương 4.465,30 tỷ đồng), tăng 24% so với cuối năm 2021. Tổng nguồn vốn huy động năm 2022 là 193.092,57 nghìn USD (tương đương 4.510,64 tỷ đồng), tăng 38% so với cuối năm 2021. LNTT năm 2022 là 2.409,42 nghìn USD (tương đương 56,29 tỷ đồng), tăng 55% so với cuối năm 2021. Tỷ lệ nợ xấu 1,32% ở mức thấp theo quy định của NHNN Lào (3%) và thấp hơn kế hoạch năm 2022 (2,5%), tỷ lệ bao phủ nợ xấu là 146%. Các chỉ số tài chính: ROA 0,93%, ROE 5,42% tăng so với năm 2021 (năm 2021: ROA 0,7%, ROE 3,7%).

Trong năm 2023, VietinBank dự kiến sẽ hoàn tất thủ tục tăng thêm 12 triệu USD vốn điều lệ cho VietinBank Lào. Sau khi hoàn tất thủ tục, VietinBank Lào sẽ có mức VĐL mới là 62 triệu USD, tạo tiền đề thuận lợi cho việc mở rộng HĐKD, nâng cao năng lực tài chính, tăng khả năng cạnh tranh đối với các ngân hàng khác trên thị trường, tạo tiền đề vững chắc để khẳng định thương hiệu VietinBank tại Lào.

2 - TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Ngân hàng TNHH Indovina

TÊN VIẾT TẮT	IVB
TRỤ SỞ CHÍNH	97A Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, TP. HCM
LIÊN HỆ	ĐT: 028 3942 1042 Fax: 028 3942 1043
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	Giấy phép thành lập và hoạt động NHLĐ số 101/GP-NHNN do NHNN Việt Nam cấp ngày 11/11/2019 (thay thế Giấy phép hoạt động NHLĐ số: 08/NH-GP do NHNN cấp ngày 29/10/1992)
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	Ngân hàng
VỐN ĐIỀU LỆ (31/12/2022)	193 triệu USD
TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VIETINBANK	50%

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Huy động vốn và cho vay, giao dịch ngoại hối, dịch vụ thương mại quốc tế, cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng và các dịch vụ ngân hàng khác được chấp thuận bởi NHNN.

KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 31/12/2022:

TTS của IVB tại thời điểm 31/12/2022 đạt 58,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với năm 2021. Dư nợ cho vay đạt 31,5 nghìn tỷ đồng, giảm 5% so với năm 2021, chiếm 53,7% TTS. Tổng thu nhập của Ngân hàng năm 2022 đạt 2.024 tỷ đồng, trong đó: Thu nhập lãi thuần đạt 1.717 tỷ đồng tăng 22,3% so với năm 2021. Thu thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 63 tỷ đồng, tăng 2,4% so với năm 2021. Tổng chi phí hoạt động năm 2022 là ~ 554 tỷ đồng, giảm 2,1% so với năm 2021. LNTT năm 2022 đạt 1.069 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2021.

TỔNG TÀI SẢN
(tỷ đồng)

58.600

↑ 6,8%
so với năm 2021

LNTT
(tỷ đồng)

1.069

↑ 8%
so với năm 2021

3 - TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu hợp nhất	2022	2021	% tăng giảm
Tổng tài sản có	1.808.430	1.531.587	18,1%
Nguồn vốn huy động	1.340.546	1.226.345	9,3%
Dư nợ tín dụng	1.279.823	1.141.454	12,1%
LNTT	20.946	17.589	19,1%
LNST	16.835	14.215	18,4%

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	2022	2021
1. Quy mô tài sản và nguồn vốn		
Tổng tài sản	1.808.430	1.531.587
Vốn điều lệ	48.058	48.058
Vốn chủ sở hữu	108.168	93.650
2. Hiệu quả hoạt động		
Thu nhập lãi thuần	4.779,2	4.178,8
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5.862	4.961
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng RRTD	45.109	35.971
LNTT	20.946	17.589
LNST	16.835	14.215
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM)	2,98%	3,01%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/thu nhập hoạt động (CIR)	29,6%	32,3%
Tỷ lệ lợi nhuận/vốn chủ sở hữu (ROE)	16,7%	15,9%
Tỷ lệ lợi nhuận/tổng tài sản (ROA)	1,26%	1,22%
3. Tỷ lệ nợ nhóm 2 và nợ xấu		
Tỷ lệ nợ nhóm 2/tổng dư nợ tín dụng	2,3%	1,0%
Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng theo Thông tư 11	1,08%	1,14%
4. Tỷ lệ về an toàn thanh khoản và an toàn vốn		
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	15,1%	13,3%
Tổng dư nợ cho vay/nguồn vốn huy động (LDR)	81,8%	81,9%
Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	25,7%	24,3%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	Tuần thủ	Tuần thủ

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2022 của VietinBank)

Ghi chú: chỉ tiêu NIM không bao gồm thu phí bảo lãnh.

4 - CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

(cổ phiếu)

4.805.750.609

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

(cổ phiếu)

4.805.750.609

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU DỰ TRỮ, CỔ PHIẾU QUỸ THEO TỪNG LOẠI

(cổ phiếu)

0

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

30%

Danh sách cổ đông có số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (tại thời điểm 31/12/2022):

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/ ĐKKD/ mã số giao dịch	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng
1	Cổ đông Nhà nước (NHNN) Trong đó:	15/SL	3.097.932.535	64,46%	3.097.932.535
	Ông Trần Minh Bình, Chủ tịch HĐQT, đại diện 40%:		1.239.173.013	25,78%	1.239.173.013
	Ông Trần Văn Tấn, TV HĐQT, đại diện 30%:		929.379.761	19,34%	929.379.761
	Ông Lê Thanh Tùng, TV HĐQT, đại diện 30%:		929.379.761	19,34%	929.379.761
2	Cổ đông nội bộ		142.480	0,0030%	60.409
	Hội đồng Quản trị		55.066	0,0011%	55.066
	Ban Kiểm soát		5.343	0,0001%	5.343
	Ban Điều hành		82.071	0,0017%	0
3	Công đoàn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	310/ToC- CĐNH	55.157.526	1,15%	0
4	Cổ đông chiến lược				
	MUFG Bank, Ltd.	CA6217	948.150.205	19,73%	0

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2022

Theo loại hình cổ đông lớn/cổ đông nhỏ

STT	Cổ đông (theo loại hình cổ đông lớn/cổ đông nhỏ)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% VĐL trở lên)	4.046.082.740	84,19%
1.1	Cổ đông Nhà nước (NHNN)	3.097.932.535	64,46%
1.2	MUFG Bank, Ltd.	948.150.205	19,73%
2	Cổ đông nhỏ	759.667.869	15,81%
	TỔNG CỘNG	4.805.750.609	100%

Theo loại hình tổ chức/cá nhân

STT	Cổ đông (theo loại hình tổ chức/cá nhân)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông tổ chức Trong đó:	4.588.811.105	95,49%
	Cổ đông Nhà nước (NHNN)	3.097.932.535	64,46%
	Cổ đông tổ chức khác	1.490.878.570	31,03%
2	Cổ đông cá nhân	216.939.504	4,51%
	TỔNG CỘNG	4.805.750.609	100%

Theo loại hình trong nước/nước ngoài

STT	Cổ đông (theo loại hình (trong nước/nước ngoài))	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông Nhà nước (NHNN) Trong đó:	3.097.932.535	64,46%
	Ông Trần Minh Bình, Chủ tịch HĐQT, đại diện 40%:	1.239.173.013	25,78%
	Ông Trần Văn Tấn, TV HĐQT, đại diện 30%:	929.379.761	19,34%
	Ông Lê Thanh Tùng, TV HĐQT, đại diện 30%:	929.379.761	19,34%
2	Công đoàn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	55.157.526	1,15%
3	Cổ đông khác	1.652.660.548	34,39%
3.1	Cổ đông trong nước	316.272.339	6,58%
	Tổ chức trong nước	102.934.848	2,14%
	Cá nhân trong nước	213.337.491	4,44%
3.2	Cổ đông nước ngoài	1.336.388.209	27,81%
	Tổ chức nước ngoài	1.332.786.196	27,73%
	Cá nhân nước ngoài	3.602.013	0,07%
	TỔNG CỘNG	4.805.750.609	100%

4 - CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2022, vốn điều lệ của VietinBank không thay đổi, giữ nguyên ở mức 48.058 tỷ đồng. Lịch sử các lần tăng vốn của VietinBank được liệt kê trong bảng dưới đây:

STT	Nội dung phát hành	Tỷ lệ (%)	Số lượng phát hành (cổ phiếu)	Ngày giao dịch không hưởng quyền	Ngày kết thúc đợt phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành (đồng)
1	Trả cổ tức năm 2017, 2018, 2019 bằng cổ phiếu	29,07	4.805.750.609	07/07/2021	21/07/2021	48.057.506.090.000
2	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2013	14,00	457.260.208	06/09/2013	14/10/2013	37.234.045.560.000
3	Phát hành chào bán cổ phần riêng lẻ cho BTMU (nay là MUFG Bank)	19,73	644.389.811	14/05/2013	14/05/2013	32.661.443.480.000
4	Trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu và Thương cổ phiếu từ nguồn thặng dư	29,60	598.782.376	30/03/2012	09/04/2012	26.217.545.370.000
5	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2011	20,00	337.162.027	29/11/2011	28/12/2011	20.229.721.610.000
6	Phát hành chào bán cổ phần riêng lẻ cho IFC	10,00	168.581.013	10/03/2011	10/03/2011	16.858.101.340.000
7	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2010	28,00	315.083.238	06/09/2010	18/10/2010	15.172.291.210.000
	Trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu	6,83	76.848.603			

Lịch sử trả cổ tức bằng tiền mặt

Năm	Tỷ lệ (%)	Hình thức trả	Ngày giao dịch không hưởng quyền	Ngày thanh toán
2020	8,00	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt	14/12/2021	17/01/2022
2019	5,00	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt	17/12/2020	21/01/2021
2016	7,00	Trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt	27/09/2017	17/10/2017
2015	7,00	Trả cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt	16/01/2017	16/02/2017
2014	10,00	Trả cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt	23/06/2015	17/07/2015
2013	10,00	Trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt	21/05/2014	06/06/2014
2012	16,00	Trả cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt	06/09/2013	24/09/2013
2010	13,47	Tạm ứng cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt	14/01/2011	16/02/2011

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Năm 2022 không phát sinh giao dịch.

5 - TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU NĂM 2022

Với mục tiêu nâng cao năng lực tài chính, cải thiện tỷ lệ an toàn vốn, phát triển bền vững, hiệu quả, hoạt động phát hành trái phiếu của VietinBank, trong đó trọng tâm là trái phiếu tăng vốn cấp 2, là một chủ điểm quan trọng nằm trong kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển chung của VietinBank. Kết thúc năm 2022, VietinBank đã phát hành thành công tổng cộng **5.610** tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2.

Mặc dù, thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ ghi nhận sự trầm lắng trong phần lớn thời gian năm 2022 với khối lượng phát hành, thanh khoản giảm mạnh, VietinBank vẫn tiếp tục là một trong số 2 TCTD có quy mô phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 lớn trên thị trường. Kênh phát hành riêng lẻ được khai thác tối đa với 14 đợt phát hành. Trái phiếu riêng lẻ của VietinBank được chào bán theo nhiều kỳ hạn khác nhau (từ 8 năm đến 15 năm), và được kết hợp chào bán đồng thời theo 2 mức lãi suất là cố định và thả nổi. Đối với lãi suất thả nổi lãi suất trái phiếu được xác định theo lãi suất tham chiếu (là bình quân lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng gồm Vietcombank, BIDV, Agribank và VietinBank) cộng với dải biên độ lãi suất dao động từ 0,9% - 1,2%/năm, đáp ứng đa dạng nhu cầu và khẩu vị đầu tư của khách hàng, đặc biệt là các định chế tài chính lớn trên thị trường.

Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 153 về chào bán trái phiếu riêng lẻ ban hành ngày 16/9/2022 đã có những thay đổi trong hành lang pháp lý, giúp tăng cường tính an toàn, minh bạch, bền vững của thị trường trái phiếu riêng lẻ. VietinBank đang rà soát lại các quy định hiện hành nhằm đáp ứng đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành đối với hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ cùng với việc chào bán thành công khối lượng lớn trái phiếu ra công chúng, VietinBank đã trở thành NHTM đầu tiên tại Việt Nam sớm có được chấp thuận niêm yết của Sở GDCK Hà Nội đối với trái phiếu ra công chúng ngay sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định mới của Luật Chứng khoán năm 2019 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021. Theo đó, trái phiếu do VietinBank phát hành ra công chúng năm 2021 chính thức được niêm yết và giao dịch kể từ ngày 10/01/2022.

Với các kết quả nổi bật đã đạt được từ hoạt động phát hành trái phiếu trong một năm có nhiều biến động lớn trên thị trường trái phiếu, VietinBank tiếp tục khẳng định uy tín và thương hiệu trên thị trường tài chính, là ngân hàng tiên phong trong số các TCTD trong nước trong việc tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán, đồng thời thể hiện mạnh mẽ các cam kết của VietinBank với thị trường nhằm cung cấp các sản phẩm tài chính an toàn, hiệu quả, minh bạch, có tính thanh khoản cao cho các nhà đầu tư.



Hà Nội, ngày 8 tháng 7 năm 2009



Lễ ra mắt Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (2009)

03

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

- 1 Tình hình vĩ mô và Ngành Ngân hàng năm 2022
- 2 Kết quả kinh doanh nổi bật của VietinBank năm 2022
- 3 Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2023
- 4 Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán
- 5 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

1 - TÌNH HÌNH VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG NĂM 2022



1

Năm 2022, tiến trình phục hồi sau dịch COVID-19 của thế giới đã đối mặt với nhiều thách thức; tình hình kinh tế toàn cầu và khu vực có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường; nhiều diễn biến chưa từng có tiền lệ xảy ra như xung đột quân sự tại Nga - Ucraina; lạm phát cao kỷ lục tại nhiều quốc gia; thiên tai kéo dài trên diện rộng tại nhiều khu vực... Trước tình hình đó, các nước lớn đã điều chỉnh chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt, áp dụng mọi biện pháp để bảo đảm an ninh năng lượng..., từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Trong bối cảnh nhiều nền kinh tế suy giảm tăng trưởng, kinh tế Việt Nam đã có bước phục hồi mạnh mẽ, đạt kết quả tích cực và toàn diện. Tăng trưởng GDP năm 2022 đạt 8,02%, là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại đây và vượt mục tiêu đề ra là 6 - 6,5%. Các cân đối lớn luôn được đảm bảo, nền tảng vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định.

2

GDP
NĂM 2022

ĐẠT

8,02%

3

DƯ NỢ TÍN DỤNG
TOÀN NGÀNH NĂM 2022

TĂNG KHOẢNG

14,2%

Đóng góp tích cực vào thành tựu của nền kinh tế, NHNN đã cân đối các mục tiêu kinh tế vĩ mô trọng tâm và triển khai đồng bộ, linh hoạt các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, ổn định tỷ giá, kiểm chế lạm phát, bảo đảm an toàn hoạt động cho hệ thống tài chính. Dự nợ tín dụng toàn ngành năm 2022 tăng khoảng 14,2%, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế. Đồng thời, NHNN tiếp tục định hướng, chỉ đạo các NHTM sử dụng chi phí hợp lý, chú trọng chuyển đổi số, nỗ lực giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau giai đoạn dịch bệnh kéo dài, đồng thời chủ động, tích cực triển khai các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

2 - KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT CỦA VIETINBANK NĂM 2022

A KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

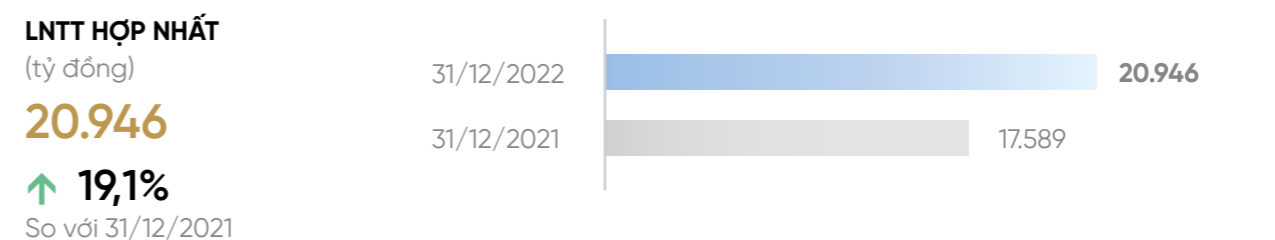
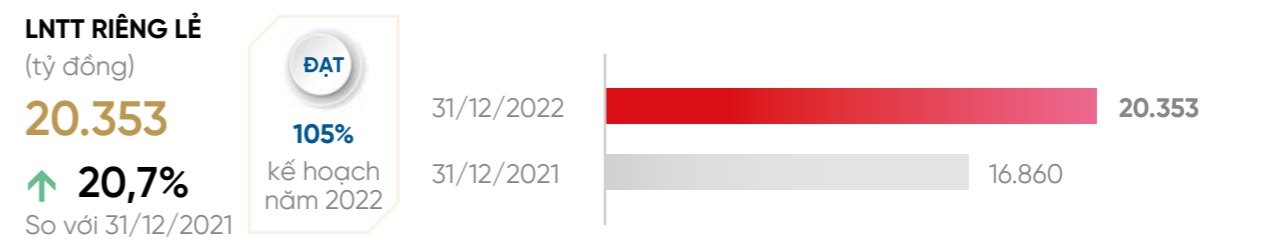
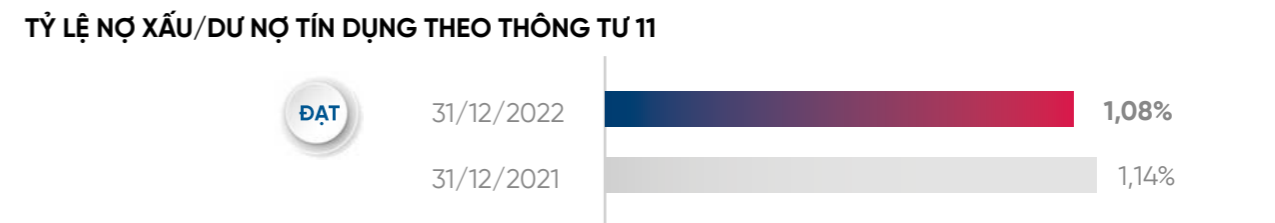
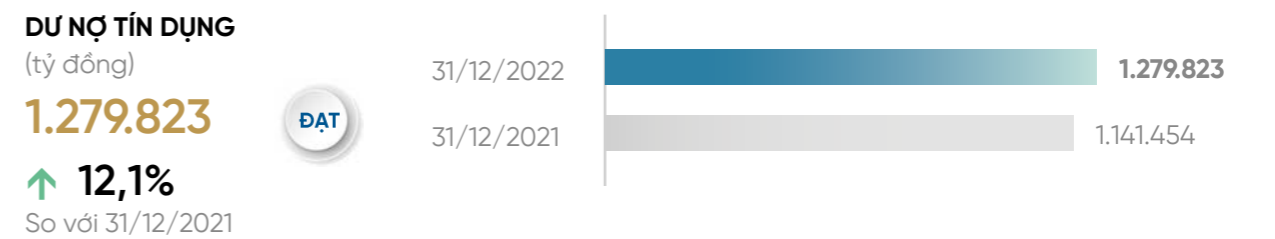
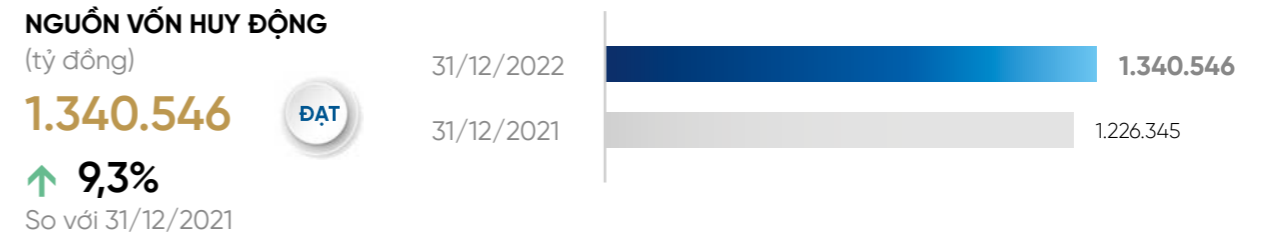
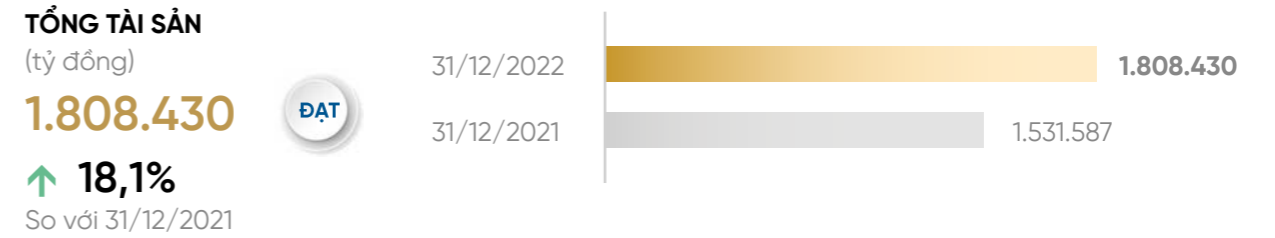


VietinBank đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, đi đầu trong việc thực thi các chính sách, định hướng của Đảng và Nhà nước, nỗ lực đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tái cấu trúc toàn diện hoạt động theo hướng chuyển đổi mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, chuyển dịch nhanh cơ cấu thu nhập, triển khai chiến lược khách hàng là trung tâm, xác định phương thức cạnh tranh theo hướng chú trọng phát triển giải pháp ngân hàng tài chính hiện đại, nâng cao năng lực tư vấn, chất lượng dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính của khách hàng. Theo đó, **VietinBank đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kế hoạch ĐHCĐ giao với những kết quả ấn tượng trong năm 2022, tạo tiền đề vững chắc cho HĐKD của ngân hàng trong giai đoạn tiếp theo.**

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2022 so với 31/12/2021		Kế hoạch ĐHCĐ năm 2022	So kế hoạch năm 2022
			+/-	+/- %		
Tổng tài sản	1.531.587	1.808.430	276.843	18,1%	Tăng trưởng từ 5 - 10%	Đạt
Nguồn vốn huy động	1.226.345	1.340.546	114.201	9,3%	Tăng trưởng từ 8 - 10%	Đạt
Dư nợ tín dụng	1.141.454	1.279.823	138.369	12,1%	Tăng trưởng theo điều hành chính sách tiền tệ của NHNN	Đạt
Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng theo Thông tư 11	1,14%	1,08%			<1,8%	Đạt
LNTT riêng lẻ	16.860	20.353	3.493	20,7%	19.451	105%
LNTT hợp nhất	17.589	20.946	3.357	19,1%		

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2022)



2 - KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT CỦA VIETINBANK NĂM 2022

1 QUY MÔ TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG, CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN ĐƯỢC CẢI THIỆN

- **Tổng tài sản** hợp nhất đạt 1,81 triệu tỷ đồng, tăng 18,1% so với 2021.
- **Dư nợ tín dụng** hợp nhất đạt 1,28 triệu tỷ đồng, tăng 12,1% so với 2021; tỷ trọng dư nợ KHCN và KHDN NVV tiếp tục tăng trưởng giúp phân tán RRTD và nâng cao khả năng sinh lời của danh mục tín dụng.
- **Huy động vốn** được cân đối phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn thanh khoản. Nguồn vốn huy động hợp nhất đạt hơn 1,34 triệu tỷ đồng, tăng 9,3% so với năm 2021.
- **Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 11** được kiểm soát ở mức 1,08%, tuân thủ hạn mức kế hoạch NHNN và ĐHĐCĐ giao.
- **Tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu** cho vay và trái phiếu nội bảng ở mức 188%, cao hơn năm 2021.

2 LỢI NHUẬN TĂNG TRƯỞNG, HOÀN THÀNH VƯỢT KẾ HOẠCH, CƠ CẤU THU NHẬP CHUYỂN DỊCH TÍCH CỰC

- **Tổng thu nhập hoạt động** tăng 20,6% so với năm 2021.
- **Thu nhập ngoài lãi** tăng trưởng 43,6% so với năm 2021, cơ cấu thu ngoài lãi trong tổng thu nhập của ngân hàng năm 2022 nâng cao, đạt mức 25,5%, trong đó:
 - **Thu thuận dịch vụ** tăng 18,2% so với năm 2021.
 - **Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ** tăng 96,2% so với năm 2021; VietinBank tiếp tục đứng top đầu về cả doanh số và thị phần kinh doanh ngoại tệ trên thị trường.
 - **Thu XLRR** tăng 65,3% so với năm 2021.
- **Tối ưu hiệu quả sử dụng, quản trị chi phí**, ưu tiên phân bổ chi phí vào các hoạt động thúc đẩy kinh doanh, các dự án trọng điểm của VietinBank. Tỷ lệ CIR ở mức 29,6%.
- Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và quốc tế có nhiều khó khăn, thách thức, với nỗ lực, quyết tâm của toàn hệ thống VietinBank, lợi nhuận trước trích dự phòng rủi ro năm 2022 đã tăng 9,1 nghìn tỷ đồng, tương đương tăng 25,4% so với năm 2021, **LNTT riêng lẻ đạt 20.353 nghìn tỷ đồng, tăng 20,7% so với năm 2021 - hoàn thành 105% mục tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ giao, LNTT hợp nhất đạt 20.946 tỷ đồng, tăng 19,1% so với năm 2021.**

3 THỰC THI CÓ HIỆU QUẢ ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC CUNG ỨNG VỐN CHO NỀN KINH TẾ, TIẾP TỤC ĐỒNG HÀNH HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH BỆNH, ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG VÀO SỰ PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC

- Trong năm 2022, VietinBank đã tiếp tục chủ động tiết giảm chi phí và quản lý tốt chất lượng tài sản, tạo điều kiện tăng trưởng tín dụng và các SPDV ngân hàng hiện đại, triển khai các chương trình ưu đãi giảm LSCV, giúp khách hàng được tiếp cận nguồn vốn tín dụng và các SPDV ngân hàng với chi phí thấp, đáp ứng tối ưu nhu cầu tài chính của nền kinh tế.
- VietinBank định hướng tăng trưởng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các ngành nghề, doanh nghiệp có lợi thế và tiềm năng phát triển, thuộc đối tượng được Chính phủ, NHNN ưu tiên khuyến khích; Phân bổ nguồn lực vào các khu vực kinh tế trọng điểm, đồng hành cùng các vùng và các địa phương để thúc đẩy kinh tế vùng, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước; Kiểm soát chặt tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.
- Đi đầu trong việc triển khai HTLS theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP và Thông tư 03/2022/TT-NHNN theo chỉ đạo của Chính phủ, NHNN.
- Tuân thủ việc cấp tín dụng theo đúng quy định pháp luật. Trong đó, tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng hạn chế cấp tín dụng quy định tại Khoản 1 Điều 127 Luật các TCTD tính đến thời điểm 31/12/2022 là 1.699 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,20% vốn tự có của VietinBank.



2 - KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT CỦA VIETINBANK NĂM 2022

B CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

Bám sát định hướng, chỉ đạo của Chính phủ và NHNN cũng như diễn biến thị trường, VietinBank đã triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành chủ động, thống nhất xuyên suốt từ TSC đến các đơn vị kinh doanh, linh hoạt điều chỉnh theo môi trường kinh doanh. Cụ thể:

01

TRIỂN KHAI QUYẾT LIỆT TÁI CẤU TRÚC DANH MỤC TÍN DỤNG THEO HƯỚNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ SINH LỜI VÀ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN.



03

LINH HOẠT ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC CÂN ĐỐI VỐN VÀ CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT, TỐI ƯU HÓA HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TRONG BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG CÓ NHIỀU DIỄN BIẾN PHỨC TẠP.



02

TIẾP TỤC TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC TÀI CHÍNH, NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TỪ CÔNG TÁC LẬP KẾ HOẠCH, GIÁM SÁT VÀ ĐIỀU HÀNH TÀI CHÍNH, KIỂM SOÁT CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG.

04

CHÚ TRỌNG CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ, TẬP TRUNG CẢI THIỆN MẠNH MỀ SPDV CÓ HÀM LƯỢNG CÔNG NGHỆ CAO NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG.



05

KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG VÀ TĂNG CƯỜNG QTRR.



06

ĐẨY MẠNH THU HỒI NỢ XẤU, NỢ XLRR.



07

KIỆN TOÀN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG BỘ MÁY TỔ CHỨC MẠNG LƯỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ, TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG, CẢI TIẾN CÁC CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, ĐÃI NGỘ, NHÂN SỰ; THÚC ĐẨY THỰC THI VHDN.

Với những SPDV nổi trội và kết quả kinh doanh ấn tượng trong thời gian qua, vị thế, thương hiệu của VietinBank không ngừng được khẳng định với nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế. Trong quý II và quý III/2022, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's và Fitch Ratings đã liên tục nâng xếp hạng tín nhiệm của VietinBank, thể hiện sự nâng cao đánh giá của các tổ chức này về khả năng, vị thế, uy tín của VietinBank.

3 - ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Năm 2023, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng dự báo vẫn còn tiềm ẩn nhiều thách thức, rủi ro. Trên cơ sở nền tảng vĩ mô ổn định thu hút các NĐT nước ngoài và chất lượng tăng trưởng đã được tạo lập trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam dự kiến vẫn có nhiều khởi sắc. Theo Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 17/01/2023, các công cụ chính sách tiền tệ sẽ tiếp tục được điều hành linh hoạt nhằm ổn định tỷ giá, kiểm soát lạm phát đồng thời đảm bảo thanh khoản, an toàn hệ thống ngân hàng, cung ứng vốn hiệu quả cho nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các TCTD.

Trên cơ sở phân tích tiềm năng, động lực tăng trưởng của nền kinh tế và những kết quả đã đạt được năm 2022, VietinBank đã xác định các chủ điểm trọng tâm trong hoạt động năm 2023, tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp điều hành, thúc đẩy kinh doanh bám sát định hướng, chỉ đạo của Chính phủ và NHNN cũng như diễn biến thị trường nhằm tạo ra sự PTBV trong giai đoạn mới, mang lại giá trị cho người dân, doanh nghiệp và các cổ đông.

Bảng dưới đây trình bày một số chỉ tiêu cơ bản năm 2023 VietinBank đã trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đang được xem xét. Chỉ tiêu cụ thể sẽ được thực hiện theo phê duyệt cuối cùng của ĐHĐCĐ thường niên 2023.

Chỉ tiêu	Dự kiến năm 2023
Tổng tài sản	Tăng trưởng từ 5% - 10%.
Dư nợ tín dụng	Thực hiện theo hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN phê duyệt và định hướng chính sách điều hành tín dụng của NHNN trong từng thời kỳ.
Nguồn vốn huy động	Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các chỉ số an toàn thanh khoản.
Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng	< 1,8%
LNTT riêng lẻ	Theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (VietinBank tiếp tục cải thiện mạnh mẽ hiệu quả kinh doanh, thực hiện tốt vai trò ngân hàng chủ lực, trụ cột và chủ đạo của nền kinh tế).
Cổ tức	Tỷ lệ chi trả cổ tức và cơ cấu chi trả cổ tức (tiền mặt, cổ phiếu) thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật.
Các tỷ lệ an toàn hoạt động	Tuân thủ quy định của NHNN.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ ĐẠO TRIỂN KHAI HĐKD TRONG NĂM 2023 NHƯ SAU:



01 Tổ chức triển khai các giải pháp về tiền tệ, tín dụng, ngoại hối, thực hiện triển khai phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu theo định hướng chỉ đạo của NHNN.

02

Tiếp tục tăng trưởng quy mô bền vững, tăng tỷ trọng các sản phẩm có hiệu quả cao và rủi ro trong hạn mức quy định, đa dạng hóa khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính ngân hàng cho nền kinh tế.



03

Quản trị hiệu quả cân đối vốn, tập trung nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng nguồn vốn đảm bảo an toàn thanh khoản; đặc biệt chú trọng tăng trưởng nguồn CASA và các nguồn vốn có chi phí thấp.

04

Tăng tỷ trọng thu ngoài lãi (trọng tâm là thu dịch vụ, thu kinh doanh ngoại tệ); cải thiện mạnh mẽ, toàn diện chất lượng SPDV.



05

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, số hóa trong mọi mặt hoạt động, bám sát kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng theo định hướng của Chính phủ và NHNN.

3 - ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

06 Đẩy mạnh công tác thu hồi và xử lý nợ xấu, nợ XLRR.



07 Tăng cường công tác QTRR, bảo đảm sự tuân thủ, an toàn trong hoạt động, phát triển kinh doanh gắn liền với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng.

08 Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính, quản trị chi phí hiệu quả, tiếp tục kiểm soát tốc độ tăng của chi phí thấp hơn tốc độ tăng thu nhập, duy trì tỷ lệ CIR ở mức phù hợp.



09 Kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực.

Trong năm 2023, dựa trên nền tảng tiềm lực và những thành tựu đã đạt được từ giai đoạn trước, Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ VietinBank quyết tâm nắm bắt những cơ hội, thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, tập trung cao độ hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh, tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế của VietinBank, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành Ngân hàng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4 - GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

5 - BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Về trách nhiệm môi trường, năm 2022, VietinBank đã ban hành và triển khai đề án "Thực hành sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả" nhằm tiết giảm chi phí hoạt động trên cơ sở gắn với mục tiêu hoạt động của VietinBank cũng như đặc điểm và điều kiện thị trường. Kết quả triển khai thực hiện các biện pháp tiết kiệm sử dụng năng lượng hiệu quả mang lại giá trị rất lớn. VietinBank vinh dự là đơn vị ngân hàng duy nhất được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội trao tặng danh hiệu "**Công trình xây dựng sử dụng năng lượng xanh 4 sao**" dành cho tòa nhà TSC tại số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.



VietinBank vinh dự nhận danh hiệu "Công trình xây dựng sử dụng năng lượng xanh 4 sao" dành cho tòa nhà TSC tại số 108 Trần Hưng Đạo

- Về chính sách đối với người lao động, năm 2022 trong bối cảnh thị trường lao động bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch COVID-19, VietinBank luôn đảm bảo việc làm cùng với chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động; bổ sung, sửa đổi, nâng cao các chế độ phúc lợi - đãi ngộ cho người lao động để tăng cường mức độ gắn kết, cống hiến, giữ chân và thu hút các cán bộ có năng lực, trình độ cao. VietinBank xây dựng và thúc đẩy văn hóa học tập chủ động trên toàn hệ thống. Đội ngũ cán bộ VietinBank được liên tục đào tạo nâng cao trình độ với phương pháp, hình thức đào tạo đổi mới, đa dạng theo hướng tăng trải nghiệm cho học viên và tăng hiệu quả đào tạo. Cán bộ, người lao động VietinBank được đảm bảo tiếp cận các cơ hội phát triển nghề nghiệp. Năm 2022, VietinBank đặc biệt đổi mới toàn diện công tác nhận diện, xây dựng lộ trình đào tạo và phát triển, tạo nguồn cán bộ cho các vị trí quản lý cán bộ cấp trung và cán bộ chiến lược của Ngân hàng, qua đó, đảm bảo lựa chọn được các nhân sự đáp ứng chiến lược HĐKD của Ngân hàng.
- Bên cạnh phát triển HĐKD, VietinBank luôn là ngân hàng đi đầu trong các hoạt động ASXH nhằm góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân tại các địa phương khó khăn với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội. Trong năm 2022, VietinBank dành nguồn lực hỗ trợ cho công tác ASXH với tổng số tiền hơn 306 tỷ đồng tập trung vào các lĩnh vực xây dựng nhà ở cho người nghèo, xây dựng các trường học, công trình y tế, các công trình hạ tầng tại các địa bàn khó khăn, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai bão lụt, hỗ trợ an ninh quốc phòng.
- Chi tiết báo cáo đánh giá về các nội dung trên được trình bày tại Phần 6 - Báo cáo phát triển bền vững.

LỄ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC VÀ HỢP ĐỒNG HỢP TÁC TOÀN DIỆN GIỮA VIETINBANK VÀ BANK OF TOKYO-MITSUBISHI UFJ

Signing Ceremony
Strategic Investment Agreement and Comprehensive Cooperation Agreement
between VietinBank and BTMU

Hanoi, December 7th 2012

04

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của VietinBank

- 1 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của VietinBank năm 2022
- 2 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban điều hành
- 3 Định hướng trọng tâm hoạt động năm 2023
- 4 Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023



VietinBank có cơ cấu cổ đông mạnh nhất hệ thống ngân hàng Việt Nam (năm 2012)

1 - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK NĂM 2022

Với vai trò là một ngân hàng thương mại chủ lực, trụ cột của nền kinh tế, năm 2022, VietinBank đã tiên phong trong việc hỗ trợ khách hàng khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau dịch bệnh; tập trung nguồn lực cho các chủ điểm kinh doanh trọng tâm; tăng cường QTRR, tái cơ cấu danh mục tín dụng và đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Theo đó, VietinBank đã đạt được những kết quả kinh doanh tích cực trên mọi mặt hoạt động; tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong giai đoạn tiếp theo. Cụ thể, HĐQT đánh giá về các mặt hoạt động của VietinBank năm 2022 như sau:

01 TỐI ƯU HÓA CÁC NGUỒN LỰC, TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ CÁC CHỦ ĐIỂM KINH DOANH TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2022



Năm 2022, VietinBank đã đạt được những thành tích đáng khích lệ, quy mô tổng tài sản tăng **18,1%**, các tỷ lệ hiệu quả hoạt động đều được cải thiện, lợi nhuận thực hiện đạt kế hoạch trên cơ sở đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động và quản trị chất lượng tài sản chặt chẽ và thực chất. Thành quả trên có được là nhờ tích cực triển khai hiệu quả các chủ điểm trọng tâm kinh doanh:

- **Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu thu nhập** thông qua các giải pháp tài chính toàn diện, trọn gói, cải thiện chất lượng SPDV đặc biệt các sản phẩm phi tín dụng cho các nhóm khách hàng trọng tâm, mở rộng tệp khách hàng xuất nhập khẩu, khách hàng SME trong hệ sinh thái... Các mảng thu nhập phi tín dụng như phí tài trợ thương mại, lợi nhuận mua bán ngoại tệ... đều tăng trưởng đột phá. Thu nhập ngoài lãi đóng góp **25,5%** tổng thu nhập hoạt động, tăng mạnh so với mức hơn **21,4%** năm 2021.
- **Tăng trưởng nguồn vốn hiệu quả, điều hành cơ cấu vốn theo hướng tối ưu:** Trong năm, VietinBank đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm quản trị hiệu quả cân đối vốn, tăng trưởng nguồn vốn huy động ổn định, bền vững, khai thác linh hoạt và đa dạng các nguồn vốn trong và ngoài nước. Nguồn vốn huy động hợp nhất đạt **1,34 triệu tỷ đồng**, tăng 9,3% so với năm 2021. Nguồn vốn **CASA** được cải thiện, **tăng 7,1%** so với cuối năm 2021, tỷ lệ CASA trên tổng nguồn vốn huy động tiếp tục duy trì ở mức **20%** trong bối cảnh cạnh tranh CASA giữa các ngân hàng ngày càng quyết liệt, qua đó hỗ trợ tích cực trong việc kiểm soát chi phí vốn của VietinBank.
- **Tăng trưởng tín dụng có chọn lọc gắn liền với tăng trưởng theo ngành nghề, địa bàn có tiềm năng:** Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu danh mục tín dụng theo định hướng đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ phân khúc KHBL và KHDN NVV, theo đó tỷ trọng dư nợ bình quân 2 phân khúc tăng từ **58,6%** năm 2021 lên **63,1%** tổng dư nợ năm 2022. Đồng thời, VietinBank cũng tập trung tăng trưởng dư nợ các ngành, lĩnh vực có tiềm năng phát triển tốt, phục hồi nhanh sau dịch COVID-19 và các lĩnh vực/đối tượng được Chính phủ, NHNN ưu tiên khuyến khích như: lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tín dụng "xanh", hỗ trợ tăng trưởng bền vững; xây dựng các cơ chế, chính sách theo địa bàn nhằm khai thác tối đa tiềm năng, gắn tăng trưởng của Ngân hàng với các ngành kinh tế chủ lực, các vùng kinh tế trọng điểm là động lực tăng trưởng của đất nước.

Nhìn chung, trong năm 2022, với việc tiếp tục chủ động tái cơ cấu mọi mặt hoạt động, chuyển đổi mạnh mẽ mô hình kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu dư nợ, gia tăng thu nhập ngoài lãi, kiểm soát tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và chi phí hoạt động của ngân hàng. **LNTT hợp nhất** năm 2022 đạt **20.946 tỷ đồng**, tăng **19,1%** so với năm 2021, **LNTT riêng lẻ** đạt **20.353 tỷ đồng**, tăng **20,7%** so với năm 2021 và đạt **105%** kế hoạch ĐHCĐ giao, tạo nguồn lực tài chính vững mạnh để VietinBank tiếp tục phát huy tốt vai trò NHTM Nhà nước chủ lực, trụ cột của nền kinh tế, đóng góp lớn vào ngân sách Nhà nước và sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước trong thời gian tới.

02 TRIỂN KHAI MẠNH MỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN HĐKD VÀ QUẢN TRỊ, NÂNG CAO TRẢI NGHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG



Bám sát các mục tiêu trong Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, VietinBank đã thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số cho giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2030 và dự kiến triển khai toàn diện chiến lược Chuyển đổi số trong giai đoạn 3 - 5 năm tới.

Năm 2022, VietinBank đã tích cực triển khai các SPDV tài chính trên nền tảng công nghệ hiện đại, liên tục cập nhật, đáp ứng tối ưu các nhu cầu tài chính của khách hàng; thúc đẩy hoạt động hợp tác mang lại lợi ích lớn (hợp tác với Grab; Manulife...); tăng cường trải nghiệm khách hàng, đẩy mạnh chuyển đổi số thông qua tự động hóa quy trình, ứng dụng BigData, tăng cường giao dịch Online (eFAST, iPay...); thúc đẩy bán chéo, chuyển dịch kênh phân phối, phân tích dữ liệu và áp dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý điều hành, phát triển kinh doanh với mục tiêu xây dựng hệ sinh thái đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

VietinBank tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong quy trình hoạt động để nâng cao năng lực thực thi nhanh ở mọi vị trí công tác, ứng dụng các công nghệ mới như: công nghệ sinh trắc học giúp tự động nhận diện và hỗ trợ KH giao dịch tại quầy, giúp giảm thời gian tác nghiệp lên tới 30%; công nghệ tự động hóa quy trình RPA (robotics process automation) giúp tiết kiệm tới 65% thời gian xử lý hồ sơ vay cầm cố bằng sổ thẻ tiết kiệm cho khách hàng...

Đến nay, tại VietinBank, **63%** nghiệp vụ ngân hàng trọng yếu đã có thể thực hiện hoàn toàn trên kênh số, vượt mục tiêu theo Kế hoạch chuyển đổi số đến 2025 của Ngành Ngân hàng. Đồng thời trên **80%** số lượng giao dịch của các KHDN và **97%** số lượng giao dịch của KHBL được thực hiện hoàn toàn thông qua kênh số. Bên cạnh đó, VietinBank cũng tự động hóa nhiều quy trình nội bộ phục vụ cho công tác quản trị, bao gồm ứng dụng công nghệ số vào hoạt động quản trị điều hành, tăng cường quản lý rủi ro, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tạo chatbot hỗ trợ kinh doanh...

63%

NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG TRỌNG YẾU THỰC HIỆN TRÊN KÊNH SỐ

80%

GIAO DỊCH KHDN

97%

GIAO DỊCH KHBL

THỰC HIỆN TRÊN KÊNH SỐ

1 - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK NĂM 2022

03 KIẾN TOÀN MÔ HÌNH TỔ CHỨC GẮN VỚI TRIỂN KHAI CHỦ ĐỘNG, ĐỒNG BỘ CÁC GIẢI PHÁP VỀ TINH GỌN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGUỒN NHÂN LỰC



Năm 2022, VietinBank tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp trong công tác tổ chức, nhân sự nhằm đảm bảo hỗ trợ kịp thời hoạt động kinh doanh, chuẩn hóa, chuyên môn hóa theo thông lệ và nâng cao hiệu quả phối hợp.

VietinBank tiếp tục kiện toàn, tối ưu hóa mô hình tổ chức các đơn vị tại Trụ sở chính và chi nhánh; kiện toàn mô hình một số đơn vị để nâng cao hiệu quả, thành lập các đơn vị mới theo yêu cầu kinh doanh và thúc đẩy tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị trong hệ thống: thành lập Khối Mua sắm & Quản lý Tài sản, Khối CNTT, Banca Unit; chuyển đổi mô hình Khối Tài chính, Trung tâm Thê; thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động các đơn vị mới thành lập như Trung tâm Khách hàng phía Nam, Trung tâm Phát triển giải pháp tài chính khách hàng; nghiên cứu, hoàn thiện mô hình Trung tâm xử lý nợ, Hub bán lẻ online để đưa vào triển khai trong thực tế trong năm 2023.

VietinBank cũng triển khai đồng bộ các giải pháp để kiện toàn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các cấp thông qua: (i) Tăng cường nhân sự cấp cao và cấp trung để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua bổ nhiệm/trình bổ nhiệm nhân sự cấp cao gồm 1 TV HĐQT và 4 Phó Tổng giám đốc; luân chuyển bổ nhiệm nhân sự cấp trung gồm 6 Giám đốc Khối và 3 Phó Giám đốc Khối; (ii) Triển khai nghiêm túc công tác luân chuyển/chuyển đổi đối với các vị trí; (iii) Tiếp tục đổi mới, minh bạch hóa trong thi tuyển, bố trí cán bộ, tạo cơ hội thăng tiến công bằng cho các cán bộ; (iv) Triển khai đánh giá năng lực đối với các cán bộ quản lý; (v) Thực hiện đánh giá hiệu quả và triển khai các giải pháp tinh gọn nhân sự; Kiểm soát tăng trưởng định biên toàn hàng, dịch chuyển cơ cấu nhân sự theo hướng tập trung nhân sự cho các hoạt động kinh doanh và tăng năng suất lao động; (vi) Đổi mới chính sách tiền lương, cơ chế đãi ngộ; triển khai song song cơ chế khoán lương để tối ưu hóa quỹ lương, tăng cường cho bộ phận trực tiếp kinh doanh; tạo động lực gắn kết và thu hút chuyên gia, nhân sự có chất lượng cao; (vii) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với đổi mới toàn diện hệ thống chính sách về nhân sự, tiền lương; (viii) Thúc đẩy thực thi văn hóa DN, xây dựng môi trường làm việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, lan tỏa văn hóa làm việc Agile; (ix) Triển khai đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, nhận diện, đào tạo phát triển, giữ chân nhân tài.



04 NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ RỦI RO, KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN



Công tác quản trị rủi ro tiếp tục được tăng cường và tuân thủ nguyên tắc, quyết định của NHNN, chuẩn mực Basel II và phù hợp với các thông lệ tiên tiến. VietinBank đã ban hành các hạn mức rủi ro phù hợp với quy định của NHNN và khẩu vị rủi ro của VietinBank, xây dựng sớm định hướng tín dụng làm cơ sở cho các đơn vị kinh doanh tiếp cận, phát triển khách hàng ngay từ đầu năm; thường xuyên bám sát biến động địa chính trị, diễn biến thị trường và kinh tế vĩ mô, tình hình thực tiễn các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh để kịp thời nhận diện, đánh giá tác động đến danh mục tài sản của VietinBank và có giải pháp, biện pháp ứng xử phù hợp.

VietinBank tăng cường nhận diện sớm rủi ro, xây dựng và triển khai quyết liệt, có hiệu quả các biện pháp xử lý, thu hồi nợ nhóm 2, nợ xấu, nợ đã XLRR; kiện toàn mô hình xử lý nợ, đa dạng hóa các biện pháp thu hồi nợ XLRR, bước đầu triển khai xử lý tập trung đối với các khoản nợ lớn và ủy thác xử lý nợ. VietinBank cũng chủ động tăng cường trích lập dự phòng rủi ro để tăng tỷ lệ bao phủ nợ xấu, giúp gia tăng đệm dự phòng tài chính cho hoạt động của ngân hàng trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, biến động khó lường.

05 ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH, NÂNG CAO VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM GIÁM SÁT CỦA CÁC CẤP



VietinBank tiếp tục đổi mới trong công tác quản trị điều hành theo hướng chủ động, thúc đẩy tư duy quản lý linh hoạt, phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ dám làm vì lợi ích chung, đồng thời bảo đảm tính kỷ luật, kỷ cương, có giám sát chặt chẽ. Trong năm 2022, VietinBank đã văn bản hóa các quy định tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tổ chức triển khai nhiệm vụ, thúc đẩy tăng trưởng gắn với an toàn, hiệu quả; hoàn thiện các quy định về hoạt động giám sát, đặc biệt là quy chế giám sát của HĐQT theo đúng thông lệ quản trị hiện đại; đổi mới phân công trong công tác của BĐH nhằm tăng cường vai trò của các TV BĐH trong việc chỉ đạo và hỗ trợ toàn diện hoạt động tại các đơn vị được phân công phụ trách.

1 - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA VIETINBANK NĂM 2022

06 ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC VÀO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC



Với vị thế là NHTM hàng đầu Việt Nam, đóng vai trò trụ cột của nền kinh tế, đồng hành phục vụ cho sự phát triển của đất nước, bên cạnh mục tiêu kinh doanh hiệu quả và tăng trưởng lợi nhuận, VietinBank tiếp tục đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. VietinBank đã thực hiện các chính sách miễn, giảm phí để hỗ trợ khách hàng (trong đó KHBL sử dụng dịch vụ iPay được miễn phí từ đầu năm 2022); đi đầu trong công tác triển khai HTLS theo Nghị định 31 của Chính phủ, tập trung đẩy mạnh cho vay lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính phủ với dư nợ chiếm hơn **39%** tổng dư nợ của Ngân hàng.

Đồng thời, nhận thức được vai trò quan trọng và ảnh hưởng của các yếu tố MT - XH đối với sự PTBV của ngân hàng, thực hiện mục tiêu PTBV trong Chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, VietinBank đã chủ động xây dựng các chính sách, sản phẩm tạo cơ chế linh hoạt trong tài trợ các dự án xanh, đồng thời luôn ưu tiên nguồn lực để tài trợ các dự án đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và PTBV. Năm 2022, tỷ trọng tài trợ dự án xanh trong tổng dư nợ tín dụng của VietinBank đã tăng lên **6,05%** (từ mức **1,47%** năm 2018). Tổng số lượng khách hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng là trên 1.000 khách hàng, trong đó lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất là năng lượng tái tạo. Ngoài ra, VietinBank tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, xây dựng thói quen thân thiện với môi trường cho khách hàng, phát triển các kênh giao dịch điện tử qua eFAST, iPay, các dịch vụ, phương thức thanh toán mới trên nền tảng công nghệ hiện đại; theo đó, các giao dịch thanh toán trên kênh số năm 2022 tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ khoảng 92% so với cùng kỳ năm 2021, góp phần hướng tới mục tiêu xanh hóa hoạt động hệ thống ngân hàng.



2 - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



Trên cơ sở định hướng chỉ đạo của HĐQT đối với các mục tiêu chiến lược kinh doanh trung hạn (2021 - 2023), chiến lược 10 năm (2021 - 2030) và tầm nhìn đến 2045 của VietinBank, PTGD phụ trách BDH đã xây dựng, phân công triển khai nhiệm vụ đến từng TV BDH; chỉ đạo, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh doanh cụ thể tới từng đơn vị Khối/Phòng/Ban thực hiện, có báo cáo đầy đủ, kịp thời bằng văn bản đến HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Trong năm 2022, BDH đã tăng cường năng lực và nâng cao hoạt động quản trị tài chính từ công tác lập kế hoạch, giám sát và điều hành tài chính, kiểm soát chi phí hoạt động; linh hoạt điều hành công tác cân đối vốn và chính sách lãi suất, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn trong bối cảnh thị trường có nhiều diễn biến phức tạp, thách thức; chú trọng công tác chuyển đổi số, tập trung cải thiện mạnh mẽ SPDV có hàm lượng công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng; đồng thời kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản, công tác thẩm định tín dụng, quản trị rủi ro liên tục được tăng cường và đẩy mạnh thu hồi nợ xấu, nợ XLRR. Bên cạnh đó, BDH cũng rà soát, kiện toàn hệ thống cơ chế, quy chế quản trị nội bộ, VBCS của VietinBank theo hướng tinh gọn, mạch lạc, hỗ trợ tích cực cho HĐKD, đẩy nhanh việc giải quyết khó khăn vướng mắc cho Chi nhánh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh đồng thời kiểm soát chặt chẽ các rủi ro trọng yếu.

Tại các phiên họp định kỳ hằng tháng của HĐQT, PTGD phụ trách BDH thay mặt BDH VietinBank báo cáo đầy đủ về các mảng hoạt động của VietinBank, các hoạt động nổi bật trong tháng về: (i) chính sách lãi suất, chương trình thúc đẩy tăng trưởng; (ii) SPDV; (iii) công tác hỗ trợ khách hàng; (iv) kiểm tra kiểm soát nội bộ; (v) QLRR, xử lý thu hồi nợ; và (vi) kế hoạch HĐKD trong các tháng tiếp theo. PTGD phụ trách BDH cũng báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT hoặc các báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Ủy ban trực thuộc HĐQT, báo cáo các chuyên đề theo yêu cầu của HĐQT để phục vụ hoạt động giám sát rủi ro, các biện pháp đề xuất khi (các) hạn mức có nguy cơ bị vượt hoặc nguy cơ phát sinh rủi ro trọng yếu ngoài dự kiến, các nội dung đề xuất với HĐQT.

HĐQT ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của BDH trong việc thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được ĐHCĐ thường niên 2022 giao. Các thành viên trong BDH đã phát huy tinh thần gương mẫu, trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, lan tỏa VHDN và gắn kết người lao động trong các hoạt động của Ngân hàng.

3 - ĐỊNH HƯỚNG TRỌNG TÂM HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Năm 2023, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng dự báo vẫn còn tiềm ẩn nhiều thách thức, rủi ro như xung đột địa chính trị tiếp tục diễn biến phức tạp, áp lực lạm phát tăng và ở mức cao, chính sách tiền tệ, tài khóa thắt chặt ở các nền kinh tế. Tuy nhiên, với nền tảng vĩ mô tương đối ổn định, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và liên tục tăng trưởng trong những năm qua, kinh tế Việt Nam năm 2023 còn nhiều dư địa phát triển và dự báo đạt mức **6% - 6,5%** (giảm so với mức **8,02%** năm 2022 nhưng vẫn ở mức tốt so với nhiều nền kinh tế trên thế giới). NHNN tiếp tục điều hành linh hoạt các công cụ chính sách nhằm ổn định tỷ giá, kiểm soát lạm phát đồng thời đảm bảo thanh khoản, an toàn hệ thống ngân hàng, cung ứng vốn hiệu quả cho nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các tổ chức tín dụng.

Với mục tiêu tận dụng cơ hội thị trường, khai thác mọi nguồn lực, tập trung tăng trưởng hiệu quả, an toàn, bền vững, VietinBank định hướng tập trung triển khai:

4 chủ điểm kinh doanh gồm:

- Tăng trưởng CASA;
- Tăng trưởng thu ngoài lãi;
- Khai thác hệ sinh thái và bán chéo;
- Thu hồi nợ XLRR.

5 chủ điểm nền tảng gồm:

- Quản trị tốt chất lượng nợ và rủi ro tín dụng;
- Quản trị hiệu quả cân đối vốn;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Nâng cao năng suất lao động;
- Xây dựng và triển khai chiến lược chuyển đổi số.



4 - CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023⁽¹⁾



TỔNG TÀI SẢN

Tăng trưởng từ 5% - 10%




DƯ NỢ TÍN DỤNG

Thực hiện theo hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN phê duyệt và định hướng chính sách điều hành tín dụng của NHNN trong từng thời kỳ



NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG

Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các chỉ số an toàn thanh khoản



TỶ LỆ NỢ XẤU/DƯ NỢ TÍN DỤNG

< 1,8%



CỔ TỨC

Tỷ lệ chi trả cổ tức và cơ cấu chi trả cổ tức (tiền mặt, cổ phiếu) thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật.



LNTT RIÊNG LẺ

Theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (VietinBank tiếp tục cải thiện mạnh mẽ hiệu quả kinh doanh, thực hiện tốt vai trò ngân hàng chủ lực, trụ cột và chủ đạo của nền kinh tế).



CÁC TỶ LỆ AN TOÀN HOẠT ĐỘNG

Tuân thủ quy định của NHNN

Với sự kế thừa và phát huy những thành tựu, kết quả đạt được qua các thời kỳ, triển khai quyết liệt các chủ điểm kinh doanh và chủ điểm nền tảng trên cơ sở đoàn kết, đồng lòng trong toàn hệ thống, VietinBank sẽ vượt qua khó khăn thử thách trong năm 2023; đổi mới, sáng tạo toàn diện trên tất cả các lĩnh vực hoạt động để tăng trưởng bút phá, an toàn, bền vững, hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông và người lao động. Qua đó, khẳng định vai trò là NHTM chủ lực, trụ cột, chủ đạo, đóng góp to lớn hơn vào sự phát triển của Ngành Ngân hàng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.



⁽¹⁾Cụ thể thực hiện theo phê duyệt của ĐHDCĐ thường niên 2023.

VietinBank Lao Limited

VietinBank
VietinBank

05

Quản trị Công ty

- 1 Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022
- 2 Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022
- 3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành



Nâng cấp chi nhánh VietinBank tại thủ đô Viêng Chăn, Lào thành Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào (năm 2015)

1 - HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần VietinBank của các TV HĐQT được trình bày trong bảng dưới đây (số liệu cập nhật tại ngày 31/12/2022):

STT	HỌ TÊN (bao gồm chức vụ)	TỔNG CỘNG	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Ông Trần Minh Bình - Chủ tịch HĐQT	1.239.176.117	25,7853%
	Đại diện cá nhân	3.104	0,0001%
	Đại diện vốn Nhà nước	1.239.173.013	25,7852%
2	Ông Trần Văn Tấn - TV HĐQT	929.379.761	19,3389%
	Đại diện cá nhân	0	0 %
	Đại diện vốn Nhà nước	929.379.761	19,3389%
3	Ông Lê Thanh Tùng - TV HĐQT	929.379.761	19,3389%
	Đại diện cá nhân	0	0%
	Đại diện vốn Nhà nước	929.379.761	19,3389%
4	Bà Trần Thu Huyền - TV HĐQT	51.844	0,0011%
5	Ông Nguyễn Thế Huân - TV HĐQT	0	0%
6	Bà Phạm Thị Thanh Hoài - TV HĐQT	118	0,000002%
7	Ông Nguyễn Đức Thành - TV HĐQT	0	0%
8	Ông Masashige Nakazono - TV HĐQT	0	0%
9	Ông Masahiko Oki - TV HĐQT kiêm Phó TGD	0	0%
10	Bà Nguyễn Thị Bắc - TV độc lập HĐQT	0	0%
TỔNG CỘNG		3.097.987.601	64,4642%

- Tính đến ngày 31/12/2022, có 1 TV HĐQT VietinBank đang nắm giữ chức vụ quản lý tại công ty khác là bà Phạm Thị Thanh Hoài - kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào.
- TV độc lập HĐQT: Tại thời điểm ngày 31/12/2022, VietinBank có 1 TV độc lập HĐQT là bà Nguyễn Thị Bắc.
- Thay đổi TV HĐQT trong năm 2022: Xin xem phần Giới thiệu nhân sự - Trang 26

CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VietinBank có 3 Ủy ban trực thuộc HĐQT là UBNS, Ủy ban QLRR và UBNS. Việc thành lập các Ủy ban đảm bảo tuân thủ theo quy định của NHNN và các quy định của pháp luật. HĐQT đánh giá trong năm 2022, các Ủy ban đã phối hợp chặt chẽ với các Phòng/Ban, Bộ phận có liên quan để thực hiện đầy đủ, kịp thời, có kết quả các chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban do HĐQT ban hành. Qua đó, các Ủy ban thuộc HĐQT đã giúp HĐQT tăng cường hiệu quả quản trị, hiệu quả hoạt động giám sát của HĐQT đối với các đơn vị, cá nhân chịu sự giám sát của HĐQT trong hệ thống VietinBank. Các kết quả đạt được cụ thể như sau:

- UBNS:** là cơ quan tham mưu, giúp việc HĐQT đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT về xây dựng chính sách nhân sự, tuyển chọn và bố trí các chức danh nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT;

giúp HĐQT thực hiện giám sát việc triển khai cơ chế, chính sách nhân sự và các hoạt động quản lý nhân sự của VietinBank. Về thành phần, Chủ tịch HĐQT VietinBank đồng thời là Chủ nhiệm UBNS, 1 TV HĐQT kiêm GD Khối Nhân sự là Phó Chủ nhiệm UBNS, 2 TV còn lại của UBNS là TGD/Phó TGD phụ trách BDH và Trưởng phòng Phát triển Nhân sự. Trong năm 2022, UBNS đã tham mưu giúp việc HĐQT trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các cấp, bao gồm: (i) Kien toàn nhân sự cấp cao (bổ sung 01 Thành viên HĐQT và 04 Phó TGD); luân chuyển bổ nhiệm các chức danh Giám đốc/Phó Giám đốc Khối; kiện toàn các chức danh Người đại diện vốn, Thành viên HĐQT/Thành viên HĐTV đối với các Công ty con của VietinBank theo hướng chuyên trách để tăng cường kiểm soát HĐKD và phát triển hệ sinh thái của VietinBank; (ii) Phát triển năng lực đội ngũ, minh bạch hóa trong thi tuyển, bố trí cán bộ, tạo cơ hội thăng tiến công bằng cho các cán bộ, đặc biệt với đội ngũ cán bộ quản lý nòng cốt; (iii) Thực hiện quy hoạch các cấp và đẩy mạnh luân chuyển cán bộ quản lý giữa Trụ sở chính và chi nhánh nhằm gia tăng kinh nghiệm thực tiễn. Về mô hình tổ chức: UBNS đã tham mưu, giúp việc HĐQT trong việc tiếp tục chuyển đổi mô hình theo định hướng tinh gọn, chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị: (i) Đề xuất và triển khai thành lập Khối CNTT, Khối Tài chính, Khối Mua sắm & Quản lý tài sản, chuyển đổi mô hình Trung tâm Thê; (ii) Nghiên cứu/triển khai các mô hình thúc đẩy chiến lược kinh doanh, hỗ trợ các bộ phận phát triển sản phẩm, kinh doanh trực tiếp; (iii) Đổi mới chính sách tiền lương, đãi ngộ nhằm sử dụng có hiệu quả quỹ lương, ghi nhận đúng và chi trả xứng đáng với đóng góp của người lao động trực tiếp tạo ra sản phẩm và hiệu quả. Trong năm 2023, UBNS sẽ tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, tham mưu HĐQT về chiến lược quản trị nhân sự tiên tiến, hiện đại, theo thông lệ quốc tế, đảm bảo hỗ trợ triển khai chiến lược kinh doanh hiệu quả, an toàn, bền vững.

- Ủy ban QLRR:** Cơ cấu nhân sự của Ủy ban QLRR bao gồm: 1 TV HĐQT là Chủ nhiệm Ủy ban; các TV trong Ủy ban hiện là TV độc lập HĐQT, Phó TGD phụ trách Khối QLRR, Giám đốc Khối QLRR, PGD Khối Pháp chế & Tuân thủ kiêm Trưởng phòng Quản lý Tuân thủ, PGD Khối Nhân sự kiêm Trưởng phòng Phát triển nhân sự và Trưởng phòng KTKSNB. Trong năm 2022, Ủy ban QLRR đã chủ động tham mưu HĐQT nhiều chủ trương, chính sách, chỉ đạo về hoạt động QLRR như: định hướng tin dụng; kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ khẩu vị rủi ro và trần tăng trưởng tín dụng của NHNN trong đó bao gồm kiểm soát cấp tín dụng kinh doanh bất động sản, đánh giá danh mục tín dụng bán lẻ và đề xuất tham mưu các biện pháp QLRR phù hợp; tăng cường các biện pháp kiểm soát giao dịch tiềm ẩn rủi ro trong các nghiệp vụ lõi, đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng; bổ sung các biện pháp kiểm soát các rủi ro công nghệ; rà soát bổ sung công cụ kiểm soát các giao dịch liên quan đến cấm vận, lệnh trừng phạt Nga; nghiên cứu và triển khai các phương pháp QLRR



1 - HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

theo thông lệ trong khu vực và quốc tế... Ngoài ra, trên cơ sở giám sát diễn biến trạng thái rủi ro tại VietinBank, Ủy ban QLRR đã đề xuất, kiến nghị HĐQT nhiều nội dung quan trọng về công tác QLRR, bảo đảm HĐKD của VietinBank an toàn, hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn do tác động bởi dịch bệnh COVID-19, xung đột Nga – Ukraine và biến động thị trường trái phiếu, chứng khoán, bất động sản. Bên cạnh đó, Ủy ban QLRR đã tham mưu HĐQT triển khai các dự án trọng điểm liên quan tới hoạt động QLRR, giúp giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận, hướng tới tăng trưởng kinh doanh an toàn, hiệu quả và bền vững. Trong thời gian tới, Ủy ban QLRR sẽ tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao vai trò tham mưu HĐQT trong triển khai các sáng kiến nhằm hướng tới thông lệ quốc tế tiên tiến về QLRR; tăng cường giám sát việc thực hiện các nội dung chỉ đạo của Ủy ban QLRR bảo đảm triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa rủi ro, ứng phó kịp thời và duy trì HĐKD an toàn và hiệu quả trước những biến động của nền kinh tế.

- UBCS:** Thực hiện vai trò tham mưu, giúp việc HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến hệ thống VBCS của VietinBank. Về thành phần, 1 TV HĐQT là Chủ nhiệm UBCS, Phó TGD phụ trách Khối QLRR là Phó Chủ nhiệm; ngoài ra có các thành viên trong Ủy ban là Trưởng các Phòng Quản lý Tuân thủ, KTKSNB, QLRR Tín dụng, Đầu tư, Pháp chế, Chế độ Kế toán, Trung tâm Phát triển Giải pháp Tài chính KHDN, Phát triển sản phẩm bán lẻ, Chính sách nhân sự và Phát triển tổ chức và một số đơn vị nghiệp vụ khác được triệu tập theo từng chủ đề họp. Tiếp tục thực hiện định hướng của Ban chỉ đạo triển khai tái cấu trúc hệ thống VBCS, các tháng đầu năm 2022, UBCS đã tập trung chỉ đạo các đơn vị đầu mối ban hành/quản lý VBCS tổng rà soát toàn bộ hệ thống VBCS kết hợp tham khảo hệ thống văn bản của các TCTD khác để nhận diện các vấn đề còn tồn tại làm cơ sở đề xuất và được HĐQT phê duyệt phương án tái cấu trúc hệ thống VBCS theo nguyên tắc tinh gọn số lượng, tinh gọn nội dung, nâng cao chất lượng văn bản, hướng tới người sử dụng, đặc biệt là hướng tới khách hàng. Trong năm 2022, bên cạnh việc kiểm soát cây thư mục VBCS, tiến độ thực hiện cũng như chất lượng ban hành của các đơn vị đầu mối quản lý văn bản để có ý kiến chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo phương án tái cấu trúc thực hiện theo đúng tiến độ và định hướng đã được phê duyệt, UBCS cũng đồng thời nhận diện các vấn đề tồn tại khác của hệ thống VBCS liên quan đến việc điều chỉnh hệ thống văn bản khi quy định pháp luật có sự thay đổi; việc xây dựng, quản lý bộ mẫu Hợp đồng VietinBank ký kết với khách hàng... để có ý kiến chỉ đạo kịp thời góp phần hướng tới một hệ thống VBCS đầy đủ và đồng bộ. Dự kiến năm 2023, UBCS sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc giám sát các đơn vị trong việc thực hiện phương án tái cấu trúc nhằm xây dựng một hệ thống văn bản tinh gọn, đầy đủ. Bên cạnh đó, UBCS cũng tăng cường yêu cầu các đơn vị tự nhận diện các vấn đề còn tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện văn bản để có đề xuất điều chỉnh phù hợp, vừa thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhưng vẫn tuân thủ quy định pháp luật.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Trong năm 2022, HĐQT VietinBank đã tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ hằng tháng để đánh giá kết quả kinh doanh, đưa ra các định hướng, chỉ đạo hoạt động và trao đổi về các nội dung, chuyên đề phục vụ công tác quản trị và phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản, cụ thể như sau:

STT	TV HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Ngày không còn là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Trần Minh Bình	Chủ tịch HĐQT	07/09/2021		306/306	100%	
2	Ông Trần Văn Tấn	TV HĐQT	23/04/2019		305/306	99,67%	Đi công tác
3	Ông Lê Thanh Tùng	TV HĐQT	03/11/2021		306/306	100%	
4	Bà Trần Thu Huyền	TV HĐQT	24/07/2014		305/306	99,67%	Đi công tác
5	Ông Nguyễn Thế Huân	TV HĐQT	23/04/2019		306/306	100%	
6	Bà Phạm Thị Thanh Hoài	TV HĐQT	23/04/2019		306/306	100%	
7	Ông Nguyễn Đức Thành (1)	TV HĐQT	29/04/2022		218/218	100%	
8	Ông Masahiko Oki	TV HĐQT kiêm Phó TGD	23/05/2020		306/306	100%	
9	Ông Masashige Nakazono	TV HĐQT	16/04/2021		306/306	100%	
10	Bà Nguyễn Thị Bắc	TV độc lập HĐQT	23/05/2020		306/306	100%	

Ghi chú:

- (1) Tham gia họp HĐQT trực tiếp và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản kể từ ngày 29/04/2022 (bắt đầu là TV HĐQT)
- Tổng số cuộc họp trong năm 2022 của HĐQT là **306** cuộc, gồm **11** phiên họp trực tiếp hằng tháng và **295** lần lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung và kết quả biểu quyết của các cuộc họp được trình bày cụ thể tại Phụ lục 01, Báo cáo Quản trị Công ty năm 2022 đã được CBTT trên trang web Quan hệ NĐT của VietinBank tại đường link: <https://investor.vietinbank.vn/Handlers/DownloadAttachedFile.ashx?NewsID=86338>
 - Ông Masahiko Oki: Là TV HĐQT cư trú, (i) tham gia tất cả các phiên họp HĐQT trực tiếp và (ii) lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.
 - Ông Masashige Nakazono: Là TV HĐQT không cư trú, (i) tham gia một số phiên họp HĐQT trực tiếp và (ii) lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.
 - Từ 01/01/2022 đến 29/04/2022: HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 - 2024 có **9** TV gồm ông Trần Minh Bình - Chủ tịch HĐQT, ông Trần Văn Tấn - TV HĐQT, ông Lê Thanh Tùng - TV HĐQT, bà Trần Thu Huyền - TV HĐQT, ông Nguyễn Thế Huân - TV HĐQT, bà Phạm Thị Thanh Hoài - TV HĐQT, ông Masahiko Oki - TV HĐQT kiêm PTGD, ông Masashige Nakazono - TV HĐQT và bà Nguyễn Thị Bắc - TV độc lập HĐQT.
 - Từ 29/04/2022 đến 31/12/2022: HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019-2024 có **10** TV gồm ông Trần Minh Bình - Chủ tịch HĐQT, ông Trần Văn Tấn - TV HĐQT, ông Lê Thanh Tùng - TV HĐQT, bà Trần Thu Huyền - TV HĐQT, ông Nguyễn Thế Huân - TV HĐQT, bà Phạm Thị Thanh Hoài - TV HĐQT, **ông Nguyễn Đức Thành - TV HĐQT**, ông Masahiko Oki - TV HĐQT kiêm Phó TGD, ông Masashige Nakazono - TV HĐQT và bà Nguyễn Thị Bắc - TV độc lập HĐQT.

1 - HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Từ ngày 23/05/2020 đến nay, HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 - 2024 có 1 TV độc lập HĐQT là bà Nguyễn Thị Bắc.

Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của TV độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành và hệ thống cơ chế, quy chế quản trị nội bộ VietinBank, TV độc lập HĐQT VietinBank đã tham gia đầy đủ vào các hoạt động của HĐQT VietinBank, tuân thủ quy định của Điều lệ VietinBank, pháp luật và phân công của Chủ tịch HĐQT, cụ thể:

- **Về thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định:**
 - Tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, đưa ra ý kiến/ biểu quyết đối với các nội dung được thảo luận với ý thức bảo đảm phù hợp quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ và trên tinh thần xây dựng VietinBank phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững.
 - Về những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT được biểu quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: đã nghiên cứu, xem xét đầy đủ toàn diện hồ sơ kèm theo Phiếu lấy ý kiến và đưa ra ý kiến nhận xét/ biểu quyết một cách độc lập, bảo đảm đúng pháp luật, chính sách nội bộ của VietinBank và đảm bảo tiến độ, cụ thể:
 - > Tham gia biểu quyết ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, nhân sự, quản trị và hoạt động của VietinBank và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.
 - > Tham gia ý kiến/ biểu quyết phê duyệt các vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT.
 - > Tham gia ý kiến/ biểu quyết chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ và công tác triệu tập họp ĐHĐCĐ.
 - > Ngoài ra, đã nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với một số quy định nội bộ từ giai đoạn dự thảo như: dự thảo Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng của VietinBank; dự thảo Quy chế làm việc của BĐH, GĐ Khối VietinBank; dự thảo Quy định về Quy trình thu hồi nợ qua hòa giải ngoài Tòa án, tham gia tố tụng và thi hành án dân sự trong hệ thống VietinBank.
- **Thực hiện nhiệm vụ TV độc lập HĐQT:**
 - Đã thực hiện giám sát việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến TV HĐQT đối với toàn bộ các hồ sơ thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt, bảo đảm chuẩn xác đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ VietinBank và ký đầy đủ vào các Biên bản kiểm phiếu.
 - Thực hiện việc lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng quy định tại Điều lệ VietinBank.

- **Về tham gia giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực pháp chế theo phân công của HĐQT:** Thực hiện xây dựng các báo cáo và đưa ra ý kiến tham gia một cách có trách nhiệm, bảo đảm đúng pháp luật đối với những vấn đề được giao hoặc được đề nghị tư vấn, hỗ trợ pháp lý.
- **Về thực hiện nhiệm vụ là TV Ủy ban QLRR trực thuộc HĐQT:** Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ủy ban QLRR và đưa ra ý kiến độc lập về các nội dung thảo luận; Tham gia đầy đủ và đảm bảo tiến độ những ý kiến đối với các nội dung mà Ủy ban QLRR yêu cầu, tích cực đóng góp trong việc xây dựng chiến lược, chính sách, quy trình QLRR của VietinBank.
- **Tham gia đầy đủ các khóa đào tạo liên quan đến quản trị công ty mà các TV HĐQT, TV BKS, BĐH đã tham gia trong năm 2022.**



VỚI TÍNH CHẤT ĐỘC LẬP KHI THAM GIA HĐQT, VAI TRÒ CỦA TV ĐỘC LẬP TRONG HĐQT VIETINBANK ĐÃ GÓP PHẦN TÍCH CỰC TRONG VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, TÍNH KHÁCH QUAN, MINH BẠCH CỦA CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT.



1 - HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

VietinBank luôn xác định vai trò quan trọng của quản trị công ty đối với hiệu quả HĐKD cũng như mục tiêu phát triển an toàn, bền vững.

Trong năm 2022, Ban Lãnh đạo VietinBank cùng các lãnh đạo phòng/ban/đơn vị tại Trụ sở chính và các Chi nhánh đã tham dự các khóa học, chương trình hội nghị, hội thảo, tọa đàm do các đơn vị trong nước và quốc tế, các đối tác chiến lược tổ chức bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến để cập nhật, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về quản trị công ty, triển khai các dự án, hoạt động nâng cao năng lực quản trị rủi ro, quản trị nhân sự, quản trị tài chính, phát triển hoạt động thanh toán, ứng dụng công nghệ số vào mọi hoạt động của ngân hàng, vv... Do vậy, Ban Lãnh đạo VietinBank và các cấp quản lý của VietinBank đã liên tục cập nhật các kiến thức mới và chuẩn mực quản trị công ty theo thông lệ quốc tế nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao công tác quản trị điều hành HĐKD của VietinBank.



Một số khóa học, chương trình tiêu biểu Ban Lãnh đạo và các cấp quản lý của VietinBank đã tham dự trong năm 2022 được liệt kê dưới đây:

STT	Tên khóa học	Thời lượng khóa học	Số lượng lãnh đạo cấp cao tham gia
1	Chứng nhận thành viên HĐQT (cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên môn về quản trị công ty, thông lệ quản trị công ty tốt trong khu vực và trên thế giới, đồng thời cập nhật khả năng lãnh đạo trong môi trường làm việc đầy thách thức cho các TV HĐQT).	3 buổi	1 người
2	Kiểm toán nội bộ trong hoạt động Ngân hàng	2 buổi	1 người
3	Lãnh đạo toàn cầu (chương trình đào tạo dài hạn từ tháng 10/2022 đến tháng 3/2023)	Dài hạn	3 người
4	Phương pháp quản lý mới, quản lý linh hoạt	1 buổi	5 người
5	Quản trị nhân sự	1 buổi	3 người
6	Quản lý sự thay đổi	1 buổi	1 người
7	Đào tạo áp dụng phương pháp cải tiến lean six sigma	2 buổi	3 người
8	Trải nghiệm khách hàng xuất sắc	4 buổi	1 người
9	Tọa đàm: Tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp	1 buổi	1 người
10	Hội thảo về chủ đề Thị trường vốn	1 buổi	1 người
11	Hội thảo kinh tế quốc tế và triển vọng kinh tế Việt Nam 2023 (ngày 13-14/12/2022)	1 buổi	Tất cả TV HĐQT và BDH

Trong thời gian tới, VietinBank sẽ tiếp tục nghiên cứu triển khai các khóa học về quản trị công ty do UBCKNN và các đơn vị đào tạo có uy tín trên thế giới tổ chức; đẩy mạnh tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm dành cho Ban Lãnh đạo và các cấp quản lý của VietinBank nhằm nâng cao kiến thức về quản trị, xây dựng và quản trị chiến lược, hướng đến xây dựng VietinBank là một trong những ngân hàng hàng đầu của Việt Nam, phát triển an toàn, bền vững, chủ động hội nhập quốc tế.



2 - HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Trong năm 2022, BKS đã tổ chức 15 phiên họp để triển khai công việc, thảo luận và cho ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi công việc, trách nhiệm và quyền hạn của BKS. Tỷ lệ tham dự họp đạt 100%, cụ thể:

TT	TV BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Anh Hà	15/15	100%	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Anh Thu	15/15	100%	100%	
3	Bà Phạm Thị Thơm	15/15	100%	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2022, BKS đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ VietinBank và Quy chế về tổ chức và hoạt động của BKS. Hoạt động của BKS được triển khai thông qua các nội dung chính sau:

- Giám sát HĐQT, TGD trong việc quản trị và điều hành VietinBank (bao gồm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực của báo cáo đánh giá công tác quản trị của HĐQT);
- Giám sát cấp cao đối với kiểm toán nội bộ;
- Thẩm định BCTC 06 tháng đầu năm và hằng năm của VietinBank (bao gồm kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính);
- Cập nhật danh sách cổ đông lớn và NCLQ của TV HĐQT, TV BKS, TV BDH của VietinBank;
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với NCLQ thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHCĐ.

Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH VIETINBANK

BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ của ngân hàng trong quản trị, điều hành để thực hiện theo định hướng và mục tiêu tài chính năm 2022 của VietinBank đã được ĐHCĐ thông qua. Căn cứ kết quả giám sát cho thấy về cơ bản HĐQT, TGD đã chỉ đạo, điều hành HĐKD của VietinBank theo đúng mục tiêu, tuân thủ các quy định của Luật các TCTD và Điều lệ ngân hàng. BKS đã thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục thông qua các hoạt động cụ thể sau:



i. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, cập nhật thông tin, tình hình HĐKD của VietinBank, tham gia và phát biểu ý kiến tại cuộc họp HĐQT, BDH:

BKS thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ, tham dự và phát biểu ý kiến tại các cuộc họp thường kỳ của HĐQT, họp giao ban của BDH. Tại cuộc họp HĐQT và BDH, BKS đã đưa ra ý kiến, quan điểm độc lập về dữ liệu HĐKD (so sánh với các chỉ tiêu ĐHCĐ giao); ghi nhận các tồn tại, rủi ro trong HĐKD, công tác quản trị điều hành, QLRR của VietinBank. Từ đó, BKS kiến nghị các giải pháp giúp HĐQT, BDH hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ giao, kiến nghị/khuyến nghị những nội dung cần triển khai để khắc phục những hạn chế, tồn tại. Đồng thời, đối với các nội dung cần lưu ý, tăng cường kiểm soát, BKS đều đưa ra những ý kiến cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

ii. Rà soát VBCS, xem xét các nghị quyết của HĐQT:

BKS đã phân công TV BKS rà soát các Nghị quyết của HĐQT gửi cho BKS, rà soát một số VBCS của HĐQT/TGD ban hành mang tính trọng yếu, có tác động toàn diện tới hoạt động ngân hàng. Kết quả rà soát cho thấy cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT tuân thủ quy định tại Điều lệ VietinBank và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT; nội dung thông qua phù hợp quy định pháp luật, đúng thẩm quyền và đạt được sự nhất trí cao của các TV HĐQT. Việc đánh giá tính tuân thủ, phù hợp của VBCS được thực hiện cụ thể thông qua hoạt động KTNB.

iii. Kiểm soát dữ liệu, kết quả KTNB:

Trên cơ sở báo cáo định kỳ và báo cáo kết quả từng cuộc KTNB, BKS xem xét, đánh giá các vấn đề ghi nhận qua hoạt động kiểm toán, nhận diện các vấn đề trọng yếu, truyền tải vào nội dung báo cáo gửi HĐQT, TGD tại các cuộc họp thường kỳ.

CHỈ ĐẠO VÀ GIÁM SÁT CẤP CAO ĐỐI VỚI KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Trong năm 2022, BKS thường xuyên chỉ đạo và giám sát hoạt động KTNB theo chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch KTNB đã được phê duyệt. BKS đã chỉ đạo phòng KTNB thực hiện kiểm toán theo đơn vị và chuyên đề, đánh giá việc tuân thủ quy định Pháp luật, cơ chế/chính sách/quy định nội bộ về giám sát cấp cao, kiểm soát nội bộ và QLRR, xác định tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Qua đó, BKS đề xuất, kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền để xử lý các tồn tại, hạn chế. Công tác giám sát cấp cao đối với KTNB được triển khai thông qua vai trò người phụ trách đoàn KTNB, qua đó, kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cũng như đánh giá điểm đạt được/hạn chế của KTNB để rút kinh nghiệm kịp thời qua mỗi đoàn kiểm toán.

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, BKS đã thành lập Tổ thẩm định để thẩm định BCTC năm 2021, BCTC soát xét 6 tháng 2022. Thông qua thẩm định, BKS đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC. Kết quả thẩm định cho thấy BCTC của VietinBank đã được lập và được soát xét phù hợp với quy định của pháp luật, phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của VietinBank.

2 - HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

CẬP NHẬT DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Việc cập nhật danh sách những NCLQ của TV HĐQT, TV BKS, TV BĐH và cổ đông sở hữu tối thiểu 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của VietinBank đã được BKS thực hiện định kỳ trên cơ sở phối hợp, trao đổi thông tin với Ban Thư ký HĐQT và Quan hệ cổ đông. Kết quả theo dõi, cập nhật cho thấy so với thời điểm cuối năm 2021, danh sách những NCLQ của VietinBank trong năm 2022 có một số thay đổi do có sự thay đổi TV HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019-2024 tại ĐHĐCĐ thường niên 2022, bổ sung nhân sự cấp cao cho BĐH và thay đổi Người phụ trách quản trị công ty. Cụ thể:

- Bầu bổ sung TV HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 đối với ông Nguyễn Đức Thành - PTGD VietinBank kể từ ngày 29/04/2022;
- Bổ nhiệm chức vụ PTGD VietinBank đối với ông Lê Duy Hải - Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp VietinBank kể từ ngày 09/05/2022;
- Bổ nhiệm chức vụ PTGD VietinBank đối với ông Nguyễn Trần Mạnh Trung - Giám đốc VietinBank chi nhánh TP Hà Nội kể từ ngày 12/05/2022;
- Bổ nhiệm chức vụ PTGD VietinBank đối với ông Hoàng Ngọc Phương - Giám đốc Khối Vận hành VietinBank kể từ ngày 12/05/2022.
- Tiếp nhận, bổ nhiệm chức vụ PTGD VietinBank đối với ông Đỗ Thanh Sơn - Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương kể từ ngày 11/10/2022.
- Miễn nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị công ty đối với ông Dương Văn Quân, nguyên Chánh Văn phòng HĐQT, Giám đốc VietinBank - Chi nhánh Thành phố Hà Nội kiêm Trợ lý Chủ tịch HĐQT VietinBank kể từ ngày 18/10/2022.
- Bổ nhiệm ông Đồng Xuân Hùng - Quyền Chánh Văn phòng HĐQT VietinBank giữ chức vụ Người phụ trách quản trị công ty kể từ ngày 18/10/2022.

Danh sách này đã được BKS cập nhật kịp thời và lưu giữ đầy đủ theo quy định.



RÀ SOÁT HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong năm 2022, BKS rà soát các hợp đồng giữa VietinBank và NCLQ là tổ chức (công ty con, công ty liên kết, cổ đông lớn). Qua rà soát cho thấy việc ký kết, triển khai thực hiện hợp đồng có cơ sở pháp lý, được HĐQT phê duyệt phù hợp thẩm quyền và được CBTT theo quy định.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp định kỳ của HĐQT, cuộc họp giao ban hàng tháng của BĐH; tham gia với tư cách khách mời trong cuộc họp của một số Ủy ban thuộc HĐQT, Hội đồng thuộc BĐH. BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BĐH trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ, trao đổi thông tin 2 chiều trên nguyên tắc tuân thủ quy định Pháp luật, quy định nội bộ của VietinBank. Trên cơ sở kết quả giám sát, KTNB, BKS đã có những khuyến nghị, lưu ý cụ thể mang tính chất tư vấn về công tác quản trị điều hành của HĐQT, PTGD phụ trách BĐH; hỗ trợ HĐQT, PTGD phụ trách BĐH có thêm thông tin tham khảo trong việc ra quyết định, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiên cứu, triển khai các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng theo đúng định hướng chiến lược, đồng thời, vẫn kiểm soát rủi ro có hiệu quả. Mặt khác, HĐQT, BĐH cũng đã tạo điều kiện cho BKS thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy định. Các kiến nghị, khuyến nghị của BKS, KTNB đã được HĐQT, BĐH ghi nhận và chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện theo lộ trình.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS đã có những khuyến nghị, lưu ý cụ thể mang tính chất tư vấn về công tác quản trị điều hành của HĐQT, Phó TGD phụ trách BĐH; hỗ trợ HĐQT, PTGD phụ trách BĐH có thêm thông tin tham khảo trong việc ra quyết định. Bên cạnh đó, thông qua ý kiến phát biểu tại các cuộc họp của Ủy ban thuộc HĐQT, Hội đồng thuộc BĐH, BKS đã đưa ra những ý kiến tư vấn về QLRR, những mảng hoạt động nghiệp vụ mà BKS nhận diện, phân tích cần có biện pháp ứng xử tăng cường trong công tác QLRR và kiểm soát nội bộ.



3 - CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

HĐQT, BĐH, BKS được hưởng lương, thù lao, thưởng và các quyền lợi khác theo cơ chế lương, thưởng và các chế độ phúc lợi tại quy định hiện hành của VietinBank. Trong đó, tiền lương của các TV HĐQT, TV BĐH, TV BKS chuyên trách nằm trong quỹ tiền lương của Người Quản lý VietinBank và được trả theo vị trí, chức danh công việc gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Năm 2022, tỷ lệ thù lao thực tế chi trả đối với TV HĐQT, TV BKS là **0,16%** lợi nhuận sau thuế (phù hợp với Điều 5, NQ ĐHCĐ thường niên 2022 số 25/NQ-ĐHCĐ ngày 29/04/2022 phê duyệt mức thù lao đối với HĐQT và BKS năm 2022 tối đa bằng 0,28% lợi nhuận sau thuế năm 2022). Chi tiết về nội dung này được trình bày tại Phần 7 - BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán - Thuyết minh số 43 về Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2022, không phát sinh giao dịch của cổ đông nội bộ đối với cổ phiếu CTG của VietinBank.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Không phát sinh trong năm 2022.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

VietinBank luôn tuân thủ các quy định về quản trị công ty; thực hiện đầy đủ và kịp thời việc CBTT đúng hạn Báo cáo quản trị công ty 6 tháng/cả năm và Báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/10/2022, HĐQT VietinBank đã ban hành Nghị quyết số 356/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 về việc thay đổi Người phụ trách Quản trị công ty. Theo đó HĐQT VietinBank miễn nhiệm chức vụ Người phụ trách Quản trị công ty đối với ông Dương Văn Quán, nguyên Chánh Văn phòng HĐQT, Giám đốc VietinBank – Chi nhánh Thành phố Hà Nội kiêm Trợ lý Chủ tịch HĐQT VietinBank và bổ nhiệm ông **Đông Xuân Hùng** - Quyền Chánh Văn phòng HĐQT VietinBank giữ chức vụ Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều 278 và Điều 281, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Thông tin này đã được công bố trên website Quan hệ NĐT của VietinBank tại đường link: <https://investor.vietinbank.vn/Handlers/DownloadAttachedFile.ashx?NewsID=86307>.

Mùa Xuân cho em
LẦN THỨ 15
Chữ đề: Vì ngày mai tươi sáng

06

Báo cáo phát triển bền vững

- 1 Thực hành tiết kiệm và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- 2 Hoạt động kinh doanh hướng đến môi trường và xã hội
- 3 Trách nhiệm với khách hàng
- 4 Trách nhiệm với cổ đông và nhà đầu tư
- 5 Trách nhiệm với người lao động
- 6 Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội



VietinBank trao tặng Chương trình "Mùa Xuân cho em" 2 tỷ đồng

1 - THỰC HÀNH TIẾT KIỆM VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM

Triển khai chương trình hành động của Chính phủ và ngành Ngân hàng về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, trong những năm qua VietinBank đã nghiêm túc thực hiện việc tuyên truyền, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hệ thống. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của VietinBank đã đạt được những kết quả tích cực:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

+ Việc tổ chức học tập, quán triệt và triển khai Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí của Chính phủ/Chương trình hành động tiết kiệm, chống lãng phí của ngành Ngân hàng tiếp tục được duy trì và thực hiện xuyên suốt toàn hệ thống từ TSC đến các CN/đơn vị thành viên, đồng bộ ở các cấp tại các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên với hình thức, phương pháp tuyên truyền, phổ biến đều gắn kết với thực tế hoạt động của từng đơn vị/vị trí làm việc. Thông qua đó, người lao động VietinBank đã tăng cường hiểu biết, nâng cao nhận thức, có những hành động, việc làm cụ thể tạo sự chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Trong năm 2022, VietinBank đã ban hành các văn bản liên quan tiết kiệm chống lãng phí trong đó có đề án "Thực hành sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả" nhằm tiết giảm chi phí hoạt động trên

cơ sở gắn với mục tiêu hoạt động của VietinBank cũng như đặc điểm và điều kiện thị trường.

Các nội dung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện tiết kiệm chống lãng phí đều cụ thể về nội dung công việc, tiến độ, mục tiêu, chế độ kiểm tra giám sát và báo cáo đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện.

- Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

+ Kết quả triển khai thực hiện các biện pháp tiết kiệm sử dụng năng lượng hiệu quả mang lại giá trị rất lớn: (i) Lượng điện năng tiết giảm trung bình hàng năm đạt trên **2%**, đã góp phần vào việc bảo tồn nguồn năng lượng sơ cấp của quốc gia, giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường và ứng phó với hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu; (ii) Giảm chi phí sử dụng nước sạch bình quân **2%** năm, góp phần tiết kiệm nguồn nước sạch quốc gia. Năm 2022, VietinBank là đơn vị ngân hàng duy nhất được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội trao tặng danh hiệu "**Công trình xây dựng sử dụng năng lượng xanh 4 sao**" dành cho tòa nhà TSC tại số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

+ VietinBank đã thực hiện mua sắm, sửa chữa đúng quy định của pháp luật, quy trình, quy định, đánh giá, lựa chọn quy mô, nội dung, hình thức đầu tư hiệu quả. Các hạng mục mua sắm, sửa chữa đúng chủng loại, chất lượng, tiến độ được giao. Tổng số các gói thầu mua sắm, sửa chữa đã thực hiện năm 2022 là: **85** gói thầu, với tổng giá trị hơn **50** tỷ đồng, thông qua quá trình thẩm định,

phê duyệt dự án, tổng dự toán, thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh và khi thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã tiết kiệm từ công tác mua sắm khoảng **1,2** tỷ đồng so với kế hoạch đặt ra.

+ Trong năm 2022, VietinBank đã triển khai xây dựng Phương án kiểm soát sử dụng xe ô tô: (i) Định mức số lượng xe ô tô phục vụ chung/01chi nhánh, đơn vị; (ii) Mức kiểm soát số lượng km vận hành của các xe ô tô (không bao gồm xe chuyển tiền). Dự kiến tiết kiệm **15** tỷ đồng/năm khi triển khai áp dụng Phương án kiểm soát này.

Về tiết kiệm và sử dụng lao động hiệu quả, song song với việc kịp thời bố trí nhân sự đảm bảo nguồn lực triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, VietinBank thường xuyên thực hiện các giải pháp cơ cấu, hoạch định nhân sự để đảm bảo các mục tiêu trung hạn về kiểm soát tăng trưởng nhân sự nhằm tinh gọn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực toàn hệ thống. Cụ thể:

• Thực hiện kiểm soát tăng trưởng định biên theo MTBP, đảm bảo nhân sự thực tế của TSC và CN năm 2022 đều không tăng so với năm 2021 và so với định biên lao động năm 2022;

• Tiếp tục cải thiện năng suất lao động toàn hàng, năng suất lao động năm 2022 tính theo LNTT bình quân đầu người tăng **18%** so với năm 2021;

• Dịch chuyển cơ cấu lao động theo hướng giảm nhân sự TSC và bộ phận hỗ trợ để tập

trung tăng nhân sự cho bộ phận trực tiếp kinh doanh và nhân sự CN. Tỷ lệ nhân sự CN và tỷ lệ nhân sự nhóm kinh doanh năm 2022 tương ứng là **84,8%** và **73,6%**.

Nhờ những biện pháp thực hành tiết kiệm, quản trị chi phí hiệu quả trên, tỷ lệ CIR lũy kế của VietinBank năm 2022 đạt **29,6%**, cải thiện so với mức 32,3% năm 2021.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

VietinBank luôn tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường cụ thể như Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ hàng năm, VietinBank ký kết các hợp đồng dịch vụ với các đơn vị chuyên môn để thực hiện quan trắc nước thải và quan trắc môi trường lao động định kỳ, ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại các tòa trụ sở theo quy định của pháp luật. Đồng thời, VietinBank cũng ban hành và phổ biến trên toàn hệ thống Hướng dẫn thực hiện các Quy định về công tác An toàn, vệ sinh lao động.

Số lần bị phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

GIẢM CHI PHÍ SỬ DỤNG NƯỚC SẠCH BÌNH QUÂN
2%/NĂM

LƯỢNG ĐIỆN NĂNG TIẾT GIẢM
TRUNG BÌNH HÀNG NĂM
ĐẠT TRÊN **2%**

NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG NĂM 2022
TÍNH THEO LNTT BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI
TĂNG SO VỚI NĂM 2021 **18%**

TỶ LỆ NHÂN SỰ CHI NHÁNH
84,8%

73,6% TỶ LỆ NHÂN SỰ
NHÓM KINH DOANH

2 - HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HƯỚNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG XANH TÀI TRỢ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG; CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG TÀI TRỢ CHO CÁC DỰ ÁN TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG

Sau cam kết mạnh mẽ của Việt Nam về lộ trình trung hòa Carbon, định hướng Net Zero vào năm 2050 tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc lần thứ 26 tổ chức năm 2021 (COP 26), năm 2022, Chính phủ Việt Nam đang tích cực xây dựng kế hoạch hành động và bước đầu triển khai các hành động bản lề cho mục tiêu này. Nhằm góp phần hiện thực hóa cam kết của Việt Nam tại COP 26, VietinBank đã tích cực đóng góp sáng kiến cho PTBV thông qua việc tham gia tài trợ các dự án xanh, đóng góp ý kiến vào các văn kiện của cơ quan Nhà nước liên quan đến các lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, với sự định hướng của NHNN, sự hỗ trợ và tiếp sức từ các ngân hàng thuộc hệ sinh thái ngân hàng đối tác của VietinBank như MUFG, Danamong, Krungsri..., lực lượng nhân sự nòng cốt của VietinBank đã thường xuyên được đào tạo và cập nhật các xu hướng đầu tư và chính sách liên quan đến dự án xanh trên thế giới, đồng thời lên kế hoạch xây dựng chiến lược PTBV tổng thể của VietinBank và cây sản phẩm mục tiêu dành cho lĩnh vực PTBV.

Ngoài những chính sách chung, VietinBank ban hành các sản phẩm, chương trình ưu đãi đặc thù dành cho lĩnh vực xanh như sản phẩm đầu tư dự án điện mặt trời mái nhà, hướng dẫn tài trợ dự án điện mặt trời, hướng dẫn tài trợ dự án điện

gió... Các hành động triển khai đã giúp dư nợ đối với lĩnh vực xanh của VietinBank tăng trưởng qua các năm, tỷ trọng tài trợ dự án xanh trong tổng dư nợ tín dụng của Ngân hàng đã tăng từ 1,47% năm 2018 lên đến 6,05% năm 2022. Tổng số lượng khách hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng là trên 1.000 khách hàng, trong đó lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất là năng lượng tái tạo.

Trong giai đoạn tiếp theo, các nội dung về phát triển bền vững, biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh sẽ tiếp tục được lồng ghép trong các chương trình, dự án vay vốn tín dụng, đồng thời việc nghiên cứu, phát triển sản phẩm huy động và cho vay vốn tín dụng vào các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các-bon sẽ tiếp tục được đẩy mạnh để góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng.

Ngoài ra, nhằm tăng cường việc thu hút vốn tài trợ cho các dự án xanh, VietinBank sẽ tiếp tục kết nối với các đối tác trong khu vực, các định chế tài chính để xây dựng các cấu trúc tài trợ phù hợp, triển khai các SPDV mà Ngân hàng có lợi thế để góp phần nâng cao khả năng tiếp cận vốn tài trợ cho các lĩnh vực xanh.

HOẠT ĐỘNG NGUỒN VỐN ỦY THÁC NƯỚC NGOÀI LIÊN QUAN ĐẾN CÁC DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN, NGUỒN VỐN ODA

Những năm qua, dù xu hướng vay vốn ODA và vốn ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giảm, nguồn vốn này vẫn đóng góp tích cực vào tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế. Trong bối cảnh đó, VietinBank vẫn duy trì nằm trong nhóm các NHTM chiếm thị phần trọng yếu về huy động,

quản lý và giải ngân các dự án/Chương trình sử dụng nguồn vốn quốc tế hằng năm. Cụ thể, VietinBank tiếp tục được lựa chọn giao làm đơn vị cho vay lại và ngân hàng phục vụ, quản lý quỹ và quản lý nhiều chương trình tín dụng quốc tế. Một số dự án VietinBank đã và đang phục vụ có thể kể đến như: Dự án Đường sắt đô thị Hà Nội Tuyến số 3 Nhổn - Ga Hà Nội; Dự án Đường sắt đô thị Hồ Chí Minh Tuyến số 2 Bến Thành - Tham Lương, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình (1,2 tỷ USD), Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (673 triệu USD), Dự án Xây dựng Nhà ga hành khách quốc tế T2 Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Dự án "Thành phần 1A đoạn Tân Vạn - Nhơn Trạch thuộc đường vành đai 3 TP HCM" (trị giá 300 triệu USD); ... Đây đều là các dự án trọng điểm quốc gia được Nhà nước và Chính phủ quan tâm và đặc biệt chú trọng.

Công tác thu hút Dự án ODA và dự án vay ưu đãi nước ngoài mới được VietinBank thực hiện bài bản từ năm 2009 và chỉ sau một thời gian ngắn, VietinBank đã trở thành một trong những NHTM Nhà nước hàng đầu được giao phục vụ nhiều dự án có giá trị lớn từ các nguồn vốn nước ngoài của Chính phủ Nhật, Pháp, Đức, Hàn Quốc... và các tổ chức tài chính quốc tế như Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (EIB)...

Các dự án đã được VietinBank phục vụ, giải ngân nhanh chóng, hiệu quả và an toàn theo quy định của Nhà tài trợ, Chính phủ Việt Nam. Hoạt động giải ngân, tiêu chuẩn QTRR theo thông lệ quốc tế. Thông qua phục vụ và cho vay lại, các chương trình/dự án trên phạm vi cả nước như các dự án về cải tạo lưới điện, truyền



tải điện, giáo dục, cấp nước, vệ sinh môi trường, VietinBank đã đóng góp tích cực vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống xã hội, phát triển các ngành kinh tế trọng yếu của quốc gia.

HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Trái phiếu xanh là trái phiếu do Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp phát hành... để huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường. Trái phiếu xanh đã và đang được coi là phương tiện hữu hiệu để huy động vốn từ khu vực tư nhân cho các dự án có lợi ích về môi trường và xã hội



2 - HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HƯỚNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

nhằm hỗ trợ các mục tiêu PTBV và Hiệp định khí hậu Paris 2015. Trong những năm gần đây, sự phát triển của thị trường trái phiếu xanh đã thu hút một lượng lớn các NĐT quốc tế. Cộng đồng nhà đầu tư tổ chức (công ty quản lý quỹ hưu trí, công ty quản lý tài sản, cá nhân có tài sản lớn) với danh mục đầu tư lớn, bao gồm cả NĐT có mục tiêu liên quan đến bền vững, đang ngày càng tìm kiếm các cơ hội đầu tư xanh từ các thị trường đang phát triển.

Là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng lớn bởi thiên tai và biến đổi khí hậu hằng năm, Việt Nam xác định tăng trưởng xanh là một chiến lược quan trọng nhằm hướng đến PTBV, việc huy động được trái phiếu xanh sẽ giúp Việt Nam có nguồn vốn nâng cao khả năng thích ứng và thực hiện các mục tiêu cam kết về biến đổi khí hậu, bởi hiện nay Việt Nam xếp thứ 6 trong các nước

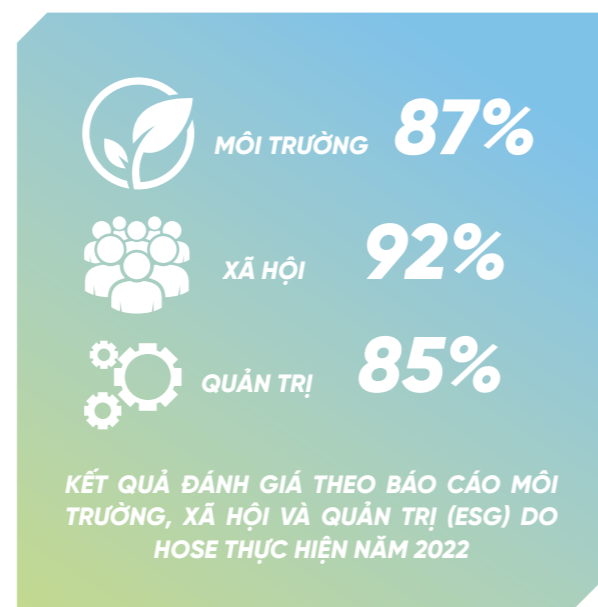
chịu ảnh hưởng lớn nhất của biến đổi khí hậu. Ngày 15-16/06/2022, UBCKNN và Cơ quan Hợp tác Phát triển

Đức GIZ đã tổ chức chương trình đào tạo về “Phát hành trái phiếu xanh tại Việt Nam” nhằm nâng cao năng lực cho các tổ chức thị trường chủ chốt.

Với tư cách là một thành viên, nhà tạo lập trên thị trường công cụ nợ, VietinBank đã và đang tham gia, phối hợp tích cực với các tổ chức tài chính lớn như Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Ngân hàng MUFG để nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội tham gia vào thị trường trái phiếu xanh đầy tiềm năng tại Việt Nam.

VietinBank cũng đã được HOSE đánh giá cao về PTBV theo báo cáo Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) trong năm 2022. Báo cáo đánh giá trên các mục tiêu chính sách, hệ thống quản lý, vai trò của các bên liên quan, công bố và minh bạch thông tin, trách nhiệm của HĐQT và môi trường kiểm soát ở các khía cạnh Môi trường, Xã hội và Quản trị. Theo kết quả đánh giá VietinBank đạt 87% (Môi trường - 87%, Xã Hội - 92% và Quản trị - 85%), các chỉ số được đánh giá cao so với trung bình ngành, đặc biệt chỉ số Môi trường của VietinBank đã có sự cải thiện rất lớn so với kết quả năm 2021.

VietinBank tin tưởng rằng, thị trường trái phiếu xanh sẽ mở ra kênh huy động vốn mới cho các dự án đầu tư dài hạn trong lĩnh vực hạ tầng, năng lượng tái tạo góp phần mở rộng nguồn vốn hỗ trợ quá trình hướng tới tăng trưởng xanh và bền vững của Việt Nam.



3 - TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG

HƠN 4.000.000
lượt khách hàng được phục vụ qua các kênh tương tác

LEADING CONTACT CENTER VIETNAM

5 NĂM LIÊN TIẾP

Dẫn đầu về dịch vụ chăm sóc khách hàng ngành ngân hàng Việt Nam

2018 - 2022

Tiếp nối năm 2020-2021, năm 2022 nền kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục đối diện với những thách thức, khó khăn từ hậu đại dịch COVID-19, xung đột quân sự Nga - Ucraina, cấm vận, khủng hoảng năng lượng và lạm phát tăng cao. Đây được đánh giá là một năm đầy sóng gió của nền sản xuất kinh doanh toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam với độ mở ngày càng lớn không nằm ngoài ảnh hưởng suy thoái của nền kinh tế thế giới. Do đó, bên cạnh các chính sách hỗ trợ từ chính phủ, VietinBank đã có các hoạt động hỗ trợ phù hợp và kịp thời dành cho khách hàng ở các phân khúc.

Với giá trị cốt lõi “Khách hàng là trung tâm”, VietinBank luôn đáp ứng đa dạng các nhu cầu của khách hàng bằng các dịch vụ gia tăng với mức giá cạnh tranh và dịch vụ tốt nhất. Đồng thời, VietinBank xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng từ khâu tiếp cận, tư vấn dịch vụ đến khâu cung cấp dịch vụ và cuối cùng là dịch vụ hậu mãi.

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG TRÊN QUY MÔ TOÀN HÀNG

Với nền tảng khách hàng lớn bao gồm cả KHDN

và KHCN, VietinBank luôn đặc biệt chú trọng và không ngừng cải thiện chất lượng hoạt động hỗ trợ và CSKH trên quy mô toàn hệ thống bằng việc ban hành các VBCS, quy định, quy trình, hướng dẫn, cẩm nang, sổ tay nghiệp vụ nhằm quản lý chất lượng dịch vụ khách hàng. Năm 2022, VietinBank đã ban hành **Bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ VietinBank trên các kênh tiếp xúc khách hàng**, đồng thời triển khai truyền thông rộng rãi đến CBNV toàn hệ thống.

Trong năm 2022, cùng với sự dịch chuyển mạnh mẽ sang các kênh giao dịch điện tử, nhu cầu được tư vấn, giải đáp, phục vụ,... qua tổng đài của khách hàng cũng gia tăng nhanh chóng. Trung tâm Dịch vụ khách hàng (Contact Center) đã nỗ lực đổi mới, cải tiến các hệ thống, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần tăng năng suất và hiệu quả hoạt động, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. Cụ thể, Contact Center đã phục vụ hơn **4.000.000** lượt khách hàng qua các kênh tương tác bao gồm: điện thoại, email, fanpage inbox và IVR; thực hiện tiếp thị, bán hàng và khảo sát đến hơn **413.000** khách hàng; giải quyết dứt điểm hơn **85.600** vướng mắc, khiếu nại, ý kiến góp ý từ khách hàng, góp phần gia tăng gắn kết, sự hài lòng của khách hàng.

3 - TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG



Song song với các hoạt động trên, để tạo tiền đề phát triển các kênh dịch vụ mới trong năm 2022, Contact Center đã và đang thực hiện triển khai hệ thống tổng đài đa kênh đồng nhất (Contact Center Omnichannel), đồng thời phát triển cơ sở trực thuộc tại cả 3 miền Bắc, Trung, Nam nhằm tiên phong trong phục vụ khách hàng mang nét đặc trưng văn hóa vùng miền. Chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, chỉ số hài lòng của khách hàng (CSI) được phục vụ tại Contact Center đạt **85%**, vượt xa tiêu chuẩn của ngành (78%), cho thấy mức độ tin tưởng và giá trị kết nối bền vững trong hành trình nâng cao trải nghiệm khách hàng của VietinBank.

Ghi nhận những nỗ lực bền bỉ và các giải pháp đồng bộ mà VietinBank đã thực hiện để cải thiện chất lượng dịch vụ, nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng trong suốt thời gian qua, tạp chí Global Banking & Finance Review đã **5 năm liên tiếp** (2018-2022) trao tặng VietinBank giải thưởng danh giá **"The Leading Contact Center of Vietnam"** và giải thưởng **"Ngân hàng đem lại sự hài lòng và hạnh phúc cho khách hàng - Banking Customer Satisfaction and Happiness"** trong năm 2022.

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Trong năm 2022, hoạt động hỗ trợ và chăm sóc KHDN được cụ thể hóa bằng các chương trình vay ưu đãi và các gói hỗ trợ lãi suất sau:

- Tiếp tục duy trì các chính sách hỗ trợ và ưu đãi đối với KHDN bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 trong 6 tháng đầu năm 2022. Căn cứ mức độ ảnh hưởng của dịch COVID-19 đối với khách hàng, VietinBank chủ động rà soát và xem xét ưu đãi đối với các KHDN: (i) Tiếp tục áp dụng các chương trình ưu đãi về lãi suất đối với các KHDN chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; (ii) Duy trì LSCV ưu đãi đang áp dụng trước thời điểm cơ cấu lại thời hạn trả nợ; miễn giảm lãi vay đối với khoản vay ngắn hạn có cơ cấu lại thời hạn trả nợ; (iii) Giảm LSCV tối đa 0,5%/năm so với mức lãi suất đang áp dụng đối với khoản vay không cơ cấu lại thời hạn trả nợ; miễn giảm lãi vay/giữ nguyên nhóm nợ do ảnh hưởng bởi COVID-19; (iv) Miễn phí duy trì dịch vụ, các phí giao dịch trên kênh eFAST, miễn giảm tối đa 100% phí thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại so với quy định tại biểu phí hiện hành; (v) Cơ cấu nợ, giữ

nguyên nhóm nợ cho các KHDN gặp khó khăn về dòng tiền thanh toán do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 theo quy định.

- HTLS cho vay theo chỉ đạo của Chính phủ theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP và Thông tư 03/2022/NHNN-TD: Chương trình HTLS 2% theo quy định từ nguồn ngân sách Nhà nước là giải pháp cho người dân, doanh nghiệp thuộc các ngành nghề, lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề sau đại dịch COVID-19 trong việc tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo nền tảng để phục hồi và tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ;

- Trong giai đoạn cuối năm 2022 và đầu năm 2023, VietinBank tiếp tục bổ sung gói ưu đãi quy mô **5.000** tỷ đồng với lãi suất thấp hơn đến **2,0%/năm** so với quy định. Mức ưu đãi lãi suất áp dụng cho cả khoản vay bằng VND và USD kỳ hạn đến 6 tháng phát sinh mới từ khi triển khai chương trình đến hết ngày 28/02/2023. Chương trình dành riêng cho các doanh nghiệp tại các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề hoặc mục đích vay vốn thuộc các ngành nghề chủ lực tại vùng đồng bằng sông Cửu Long như thủy sản, lúa gạo, nông nghiệp, vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, lâm nghiệp...

Năm 2022 là một năm khó khăn với các TCTD trong công tác kiểm soát chi phí huy động và hạn mức tăng trưởng tín dụng, mặc dù vậy VietinBank vẫn nỗ lực duy trì các chương trình tín dụng, gói tín dụng và phí ưu đãi dành cho KHDN, như:

- Chương trình Đồng hành cùng KHDN lớn; Gói tín dụng bất động sản khu công nghiệp; Chương trình cho vay trung dài hạn lãi suất cố định, cơ chế miễn giảm phí cho các khách hàng chiến lược của VietinBank; Gói ưu tiên giải ngân ngắn hạn, tập trung cung cấp tín dụng cho tiểu phân khúc vi mô và siêu vi mô (là đối tượng cần vốn tín dụng; phân tán rủi ro tín dụng cho ngân hàng);

- VietinBank triển khai đa dạng các phương thức thúc đẩy kinh doanh để tăng tính cạnh tranh, thu hút khách hàng gửi tiền như: Chương trình chi hoa hồng môi giới dành cho cá nhân, tổ chức giới thiệu khách hàng SME mới; Chương trình khuyến mại khách hàng gửi tiền có kỳ hạn "Tích lũy mùa vàng, muôn vạn quà tặng" với tổng giá trị giải thưởng lên tới 3 tỷ đồng;

- VietinBank tăng cường thúc đẩy các sản phẩm thu phí tài trợ thương mại và phí bảo lãnh, nhằm gia tăng thu phí bảo lãnh: triển khai Chương trình khuyến mại dành tặng khách hàng SME phát hành bảo lãnh "Phát hành bảo lãnh, trúng vạn lộc vàng" với nhiều phần quà giá trị đã được gửi đến khách hàng;

- VietinBank tích cực đẩy mạnh truyền thông tới khách hàng về 2 kênh giao dịch chính là eFAST và ERP. Để khuyến khích khách hàng nhanh chóng sử dụng eFAST, VietinBank đã triển khai chương trình khuyến mãi "Mở eFAST ngay, tiền triệu về tay". Chương trình đã thu hút đông đảo khách hàng quan tâm và sử dụng, góp phần gia tăng số lượng khách hàng mở mới eFAST;



3 - TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG



● VietinBank cũng tích cực nghiên cứu và ban hành các Gói sản phẩm tài chính toàn diện cho các ngành/doanh nghiệp đặc thù, các dự án trọng điểm như: Gói giải pháp tài chính dành cho nhà thầu thực hiện dự án cao tốc Bắc Nam, Gói SPDV nhà thầu sân bay Long Thành, Gói thúc đẩy nhóm khách hàng là thương nhân kinh doanh xăng dầu, Gói tín dụng dành cho khách hàng khu vực đồng bằng sông Cửu Long... VietinBank cung cấp cho KHDN các chính sách ưu đãi phù hợp với đặc điểm, đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh và mối liên hệ của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng/phân phối; mang lại giá trị gia tăng cho KHDN căn cứ trên lợi thế của ngành và liên kết chuỗi hoạt động.

Bên cạnh đó, VietinBank cung cấp các giải pháp kết nối trong nước và quốc tế nhằm hỗ trợ các KHDN tăng kết nối bạn hàng, hợp tác kinh doanh, mở rộng thị trường hoạt động. Đồng thời, cùng các công ty con, công ty liên kết trong hệ sinh thái, VietinBank cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao trong HĐKD của KHDN. Phát huy vai trò của NHTM Nhà nước lớn, VietinBank tiếp tục là đối tác tin cậy và duy trì vị thế dẫn đầu trong việc cung cấp dịch vụ tài chính cho các Tập đoàn/Tổng công ty Nhà nước và tư nhân lớn, ưu tiên nguồn vốn tài trợ cho các dự án trọng điểm của quốc gia như các dự án năng lượng tái tạo, bất động sản khu công nghiệp, giao thông đường bộ... góp phần vào sự

phát triển kinh tế của đất nước.

VietinBank tiếp tục khẳng định uy tín trên thị trường, tạo ấn tượng tốt đẹp đối với khách hàng và cộng đồng doanh nghiệp. Tháng 8/2022, VietinBank đã vinh dự nhận Giải thưởng **"Thương vụ tài trợ dự án về cơ sở hạ tầng của năm"** trong khuôn khổ Giải thưởng Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư năm 2022 của The Asian Banking & Finance. Theo đó, thương vụ được VietinBank thực hiện là tài trợ cho dự án quan trọng liên quan đến việc mở rộng một khu công nghiệp hàng đầu thuộc một khu kinh tế mới nổi trọng điểm của Việt Nam. Dự án này dự kiến thu hút lượng vốn đầu tư nước ngoài lớn và tạo ra hàng nghìn việc làm mới.

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

Với vị thế là một trong những NHTMCP có vốn Nhà nước hàng đầu tại thị trường Việt Nam, VietinBank luôn nhận được sự quan tâm hợp tác của nhiều ĐCTC trong và ngoài nước. Trong năm 2022, VietinBank không ngừng phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác toàn diện với các phân khúc khách hàng ĐCTC bao gồm các NHTM trong nước, ngân hàng nước ngoài, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty quản lý quỹ, v.v. Cụ thể, VietinBank luôn chú trọng xây

dựng chính sách đẩy bán, chính sách phê duyệt tín dụng và khẩu vị rủi ro, phát triển các SPDV dành riêng cho phân khúc khách hàng ĐCTC. Với định vị là một hệ sinh thái trung gian sẵn sàng kết nối với mọi đối tác, VietinBank tiếp tục mở rộng giải pháp thanh toán Bankpay nhằm cung ứng cho thị trường các dịch vụ thanh toán hiện đại, là nền tảng giúp cho các đối tác của VietinBank tiết kiệm chi phí, cung cấp dịch vụ thanh toán đa dạng tới khách hàng. Mặt khác, việc nâng cấp Bankpay thành bộ giải pháp thanh toán BankCasa là một bước đi chiến lược của VietinBank để mở rộng thị phần dịch vụ thanh toán, đồng thời tăng trưởng tiền gửi không kỳ hạn, thu hút nguồn vốn giá rẻ để tối ưu hóa chi phí huy động. Ngoài ra, BankCasa còn cho phép các ĐCTC chủ động vấn tin, kiểm tra số dư theo thời gian thực (real-time) và tự động tràn tài khoản đầu tư khi số dư trên tài khoản vượt quá số dư thanh toán mặc định theo các biểu lãi suất tự động. Bên cạnh việc hoàn thiện nền tảng SPDV, VietinBank liên tục cải tiến chính sách, ứng dụng số hóa vào các quy trình nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ trước và sau bán hàng, bảo đảm trải nghiệm của khách hàng là xuyên suốt trong hành trình đồng hành với VietinBank.

Trong quan hệ hợp tác với các ngân hàng đại lý, VietinBank luôn được các ngân hàng tin tưởng và cấp hạn mức lớn phục vụ cho các giao dịch liên ngân hàng, tài trợ thương mại và huy động vốn quốc tế với lãi suất cạnh tranh. VietinBank liên tục thực hiện thành công nhiều giao dịch vay hợp vốn quốc tế trong hai năm gần đây với sự tham gia thu xếp vốn của các ĐCTC hàng đầu trên thế giới. Các giao dịch huy động vốn quốc tế của VietinBank được đánh giá là lớn nhất trên thị trường tài chính Việt Nam nhằm thực hiện "mục tiêu kép" vừa hoàn thành định hướng và kế hoạch kinh doanh năm 2022, vừa đáp ứng nhu cầu vốn cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động do ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch COVID-19, nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu và xung đột chính trị Nga - Ukraine. Nhờ đó, VietinBank ngày càng củng cố được năng lực tài chính để tận dụng hiệu quả các cơ hội kinh doanh trên thị trường. Với uy tín giao dịch trong nhiều năm tại thị trường trong nước và quốc tế, VietinBank đã khẳng định được vai trò là một ĐCTC trung gian - kênh dẫn vốn cho các doanh nghiệp để tiếp cận thị trường vốn thông qua hoạt động thu xếp vốn dựa trên bảo lãnh của VietinBank, hoạt động tư vấn và bảo lãnh phát hành trái phiếu riêng lẻ, tư vấn mua bán sáp nhập.

Trong quan hệ giao dịch với các ĐCTC,

VietinBank luôn giữ vững quan điểm thận trọng, thường xuyên đánh giá, rà soát năng lực của các ĐCTC được ngân hàng cấp hạn mức giao dịch/khoản tín dụng, thực hiện QTRR ở tất cả các tuyến phòng thủ, hướng đến mục tiêu tăng trưởng bền vững và bảo đảm QTRR hiệu quả.

Trong năm 2023, với tầm nhìn trở thành "Ngân hàng đa năng, hiện đại, hiệu quả hàng đầu, uy tín nhất Việt Nam, nằm trong Top 20 ngân hàng mạnh nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương", VietinBank cam kết sẽ tiếp tục khai thác tiềm năng của phân khúc khách hàng ĐCTC về mọi mặt, đa dạng hóa quan hệ hợp tác với các ĐCTC thương mại cũng như các ĐCTC phát triển để tăng trưởng mạnh mẽ thu nhập từ phân khúc này, đồng thời khơi thông các nguồn vốn quốc tế với lãi suất ưu đãi cạnh tranh, phục vụ nhu cầu vốn của các doanh nghiệp Việt Nam một cách an toàn, hiệu quả.

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG BÁN LẺ

Với sự tư vấn nhiệt tình của các cán bộ ngân hàng, các KHCN mới được tư vấn toàn diện về hồ sơ, tính năng và lợi ích đem lại... của các sản phẩm/gói sản phẩm tài chính ngân hàng, được giải đáp các thắc mắc giúp khách hàng có được định hướng và kế hoạch tài chính tốt nhất trong tương lai. Đối với KHCN hiện hữu, VietinBank thực hiện phân nhóm khách hàng nhằm quản trị quan hệ khách hàng, chăm sóc khách hàng thường xuyên, kịp thời đáp ứng các nhu cầu của khách hàng.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ ngân hàng, với mục tiêu "luôn đồng hành và đem lại giá



VietinBank vinh dự nhận giải thưởng "Thương vụ tài trợ dự án về cơ sở hạ tầng của năm" do The Asian Banking & Finance trao tặng

3 - TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG

trị cao nhất với khách hàng”, VietinBank có nhiều kênh tiếp nhận ý kiến góp ý, đánh giá của khách hàng. Với các kênh giao dịch trực tiếp và gián tiếp, khách hàng có thể chủ động liên hệ với ngân hàng mọi lúc, mọi nơi và ngược lại VietinBank ngay lập tức có thể tư vấn sản phẩm, giải đáp thắc mắc cho khách hàng: Hotline: 1900558868/(+84)2439418868; hoặc Email: Contact@vietinbank.vn; hoặc Facebook: https://www.facebook.com/VietinBank; hoặc Website: www.vietinbank.vn; Gặp mặt trực tiếp các Chuyên viên quan hệ khách hàng tại tất cả các Chi nhánh/Phòng giao dịch của VietinBank trên toàn quốc.

Từ năm 2019 đến tháng 04/2022, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt của nền kinh tế, từ hoạt động sản xuất kinh doanh đến đời sống của người dân, VietinBank đã tích cực, chủ động triển khai kịp thời các chương trình/gói tín dụng cho KHBL, đặc biệt là các khách hàng là đối tượng được ưu tiên tiếp cận tín dụng như: gói tài chính tuyến đầu chống dịch với lãi suất, phí ưu đãi dành cho các đơn vị bệnh viện/công an/quân đội/ủy ban nhân dân; Chính sách miễn/giảm phí phạt trả nợ trước hạn, phí thu hồi ưu đãi lãi suất đối với khách hàng trả nợ trước hạn trong thời kỳ ảnh hưởng dịch COVID-19; Chính sách giải ngân qua email, fax cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi COVID-19, theo đó khách hàng được ngân hàng giải ngân tiền vay mà không cần đến chi nhánh/phòng giao dịch của ngân hàng...

Từ tháng 5/2022 đến nay, ngay khi chuyển sang giai đoạn “bình thường mới”, thực hiện chủ

trương của Chính phủ về tập trung khôi phục và phát triển kinh tế, VietinBank ưu tiên mọi nguồn lực cho vay khách hàng sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp nông thôn, ứng dụng công nghệ cao. Ngoài ra, VietinBank cũng nhanh chóng tiếp cận khách hàng để tư vấn thủ tục cho khách hàng nhận HTLS 2% từ NSNN theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ, hỗ trợ một phần tài chính cho khách hàng trong giai đoạn khó khăn sau ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

Với những hỗ trợ toàn diện về chính sách, lãi suất, phí, kênh giao dịch đa dạng..., VietinBank đã, đang và sẽ tiếp tục sát cánh cùng KHBL vượt qua khó khăn trong giai đoạn bị ảnh hưởng bởi COVID-19 đồng thời từng bước thắt chặt mối quan hệ toàn diện giữa khách hàng và VietinBank tạo nên sự gắn kết song phương bền vững.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ LÃI SUẤT CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Tính đến hết ngày 31/12/2022, tổng số lượng DNNVV có quan hệ với VietinBank là hơn 220.000 doanh nghiệp với tổng vốn giải ngân lũy kế năm đạt hơn 650.000 tỷ đồng, trong đó giải ngân vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD là gần 620.000 tỷ đồng và giải ngân vốn trung dài hạn phục vụ đầu tư là hơn 30.000 tỷ đồng. Dư nợ cho vay DNNVV tại VietinBank đến hết 31/12/2022 đạt hơn 320.000 tỷ đồng, tăng 34.000 tỷ đồng so với năm 2021, tốc độ tăng trưởng năm 2022 là **12%**, con số đáng khích lệ đóng góp lớn cho tăng trưởng tín dụng của VietinBank. Tốc độ



tăng trưởng tín dụng bình quân trong 5 năm gần đây (tính từ 2018) đạt trung bình **10%**/năm, góp phần lớn trong sự phát triển về số lượng khách hàng mới và tăng trưởng dư nợ, cải thiện các chỉ số hiệu quả kinh doanh của VietinBank.

Để thực hiện được kết quả đáng ghi nhận trên, VietinBank luôn bám sát chỉ đạo của NHNN, đồng hành cùng các DNNVV trong các các lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế. VietinBank cân đối các nguồn vốn cho vay, phối hợp với chính quyền và NHNN các tỉnh, thành phố triển khai các chương trình thúc đẩy kinh tế xã hội đối với 5 lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ, gồm xuất khẩu, nông nghiệp và nông thôn; DNNVV; công nghiệp hỗ trợ và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Hiện nay, trần LSCV ngắn hạn đối với nhóm 5 lĩnh vực ưu tiên này chỉ ở mức **5,5%**/năm. Trong đó, doanh số giải ngân phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đạt hơn **90.000** tỷ đồng.

Năm 2022, tiếp tục chuỗi đồng hành cùng cộng đồng DNNVV đặc biệt trong thời điểm NHNN

tăng cường kiểm soát tín dụng từ giữa năm, VietinBank vẫn triển khai tích cực các hoạt động nhằm hỗ trợ DNNVV phục vụ nhu cầu vay vốn sản xuất kinh doanh. Dư nợ khách hàng DNNVV được HTLS theo Nghị định 31 của Chính phủ đạt hơn 2.300 tỷ đồng (trong tổng dư nợ cho vay HTLS của VietinBank là hơn 9.200 tỷ đồng), tổng số tiền HTLS lũy kế là gần 4 tỷ đồng (trong tổng số tiền HTLS của VietinBank là gần 23 tỷ đồng).

Trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng tín dụng được NHNN kiểm soát chặt chẽ, nhằm đáp ứng nhu cầu giải ngân bổ sung của các doanh nghiệp SME, các Gói giải ngân ưu tiên cho KHDN SME đã được VietinBank triển khai với quy mô lên đến **4.000** tỷ đồng.

Trong 2 năm liên tiếp 2021 và 2022, VietinBank liên tục nhận được đánh giá cao cũng như giải thưởng danh giá “**Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam**” do The Asian Banker trao tặng. Đây là sự ghi nhận những đóng góp và phát triển nổi bật của VietinBank đối với cộng đồng DNNVV Việt Nam.

4 - TRÁCH NHIỆM VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư (IR) - Ban Thư ký HĐQT & Quan hệ Cổ đông - Văn phòng HĐQT có vai trò là cầu nối giữa VietinBank và cộng đồng NĐT, bao gồm truyền tải thông tin từ cộng đồng NĐT đến Ban Lãnh đạo VietinBank, đáp ứng quyền của cổ đông và thu hút sự quan tâm của NĐT tới cổ phiếu CTG trong khuôn khổ kế hoạch kinh doanh của VietinBank, hướng tới mục tiêu nâng cao giá trị cho cổ đông.

MINH BẠCH THÔNG TIN, ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI NHÀ ĐẦU TƯ

Là một doanh nghiệp niêm yết với số lượng cổ đông lớn, VietinBank luôn coi trọng tính minh bạch trong việc CBTT. VietinBank là ngân hàng đi đầu, chủ động CBTT định kỳ/bất thường đầy đủ, kịp thời, minh bạch bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Trong năm 2022, VietinBank đã thực hiện CBTT định kỳ và bất thường các nội dung như BCTC; báo cáo quản trị công ty; thông tin về hợp ĐHĐCĐ thường niên; thay đổi nhân sự; giao dịch với công ty con; phát hành trái phiếu.... Đặc biệt, Báo cáo thường niên 2021 của VietinBank với chủ đề **"Kiến tạo tương lai"** đã **năm thứ ba liên tiếp** được bình chọn Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất của nhóm các doanh nghiệp niêm yết có quy mô vốn hóa lớn tại Cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết (Vietnam Listed Company Awards - VLCA) năm 2022 nhờ sự đầu tư kỹ lưỡng cả về hình thức và nội dung, thể hiện vai trò của ngân hàng chủ lực, trụ cột của hệ thống kinh tế; đẩy mạnh chiến lược "Khách hàng là trung tâm"; phát triển giải pháp tài chính hiện đại, toàn diện; không ngừng nỗ lực cải thiện nâng cao năng lực hướng tới các chuẩn mực và thông lệ tốt nhất trong quản trị, điều hành;

tiên phong và tiêu biểu trong hoạt động đầu tư, phát triển công nghệ số hỗ trợ hoạt động kinh doanh. Trong nhóm ngân hàng, VietinBank là ngân hàng TMCP có vốn Nhà nước duy nhất được vinh dự nhận giải thưởng này.

Trong năm 2022, VietinBank cũng tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2022 theo hình thức trực tuyến để thông qua nhiều nội dung quan trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp. VietinBank luôn đảm bảo quyền lợi của các cổ đông thông qua việc cổ đông có quyền chất vấn (trực tiếp/gián tiếp) và đề xuất kiến nghị đối với Ban Lãnh đạo VietinBank trước khi biểu quyết các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của VietinBank. VietinBank cũng thực hiện CBTT đầy đủ các văn bản, nội dung có liên quan đến ĐHĐCĐ và đăng tải trên website Quan hệ NĐT VietinBank để đảm bảo minh bạch thông tin đến tất cả cổ đông và cộng đồng NĐT.

Đồng thời, trong năm 2022, VietinBank cũng hoàn thiện và ban hành các quy định nội bộ trong hoạt động IR để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật có liên quan cũng như đảm bảo quyền lợi, nâng cao giá trị cho cổ đông.



VietinBank xuất sắc 3 năm liền nằm trong Top 10 BCTN tốt nhất thị trường



ĐHĐCĐ thường niên 2022 được tổ chức theo hình thức trực tuyến

TĂNG CƯỜNG TẦN SUẤT TIẾP XÚC NHÀ ĐẦU TƯ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN CUNG CẤP TỚI THỊ TRƯỜNG

VietinBank không ngừng nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp của các kênh cung cấp thông tin nhằm tăng cường khả năng tiếp cận của NĐT đối với các thông tin về kết quả kinh doanh, nhận được sự đánh giá cao và ngày càng tích cực của NĐT cũng như thị trường. Bên cạnh việc quản trị có chất lượng website Quan hệ NĐT với giao diện hiện đại và chuyên nghiệp tại địa chỉ <http://investor.vietinbank.vn> giúp cung cấp thông tin phong phú, hữu ích, dễ tra cứu đến NĐT, trong năm 2022, VietinBank tiếp tục chủ động tăng cường tần suất, đa dạng hình thức, cải tiến chất lượng, chủ động cung cấp tới thị trường thông qua việc triển khai: (i) Hội nghị cập nhật kết quả kinh doanh năm 2021 và Quý II, III/2022 để cập nhật thông tin chi tiết về kết quả kinh doanh của VietinBank; (ii) Điểm tin BCTC hằng quý để cập nhật nhanh tới thị trường về kết quả kinh doanh, giải thích biến động đối với các chỉ tiêu chính sau khi CBTT BCTC; (iii) Bản tin NĐT hằng tháng nhằm thường xuyên cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động nổi bật của VietinBank theo các chủ đề NĐT quan tâm;

(iv) Tăng cường tần suất gặp gỡ trực tiếp 1-1 với các Quý đầu tư lớn trong và ngoài nước quan tâm đến cơ hội đầu tư cổ phiếu CTG...qua đó, tiếp tục khẳng định tính chuyên nghiệp và minh bạch trong việc cung cấp thông tin tới NĐT và thị trường.

Các hoạt động trên đã và đang góp phần khẳng định tính chuyên nghiệp và minh bạch trong việc CBTT của VietinBank; giúp các NĐT tiếp cận và cập nhật thông tin đầy đủ về hoạt động, kết quả kinh doanh cũng như định hướng chiến lược của VietinBank, từ đó gia tăng niềm tin của NĐT, góp phần nâng cao vị thế thương hiệu của VietinBank trên thị trường.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2023

Trong năm 2023, bên cạnh việc thực hiện tốt các công việc có tính chất thường xuyên, VietinBank sẽ tiếp tục nâng cao tần suất, cải tiến chất lượng, gia tăng mức độ tương tác với NĐT và thị trường với mục tiêu đưa hoạt động IR của VietinBank tiệm cận với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế, nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông và NĐT.

5 - TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

ĐẢM BẢO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Lao động của VietinBank đến thời điểm 31/12/2022 là **25.119** người (bao gồm cả lao động của các công ty con, đơn vị sự nghiệp, VPĐD, lao động khoán gọn). Năm 2022, trong bối cảnh thị trường lao động bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch COVID-19, toàn bộ người lao động trong toàn hệ thống VietinBank được bố trí, sắp xếp công việc phù hợp với trình độ và năng lực làm việc. Hoạt động này đảm bảo tất cả người lao động trong hệ thống đều có việc làm, được ký kết hợp đồng lao động theo Bộ Luật Lao động.

Về các chỉ tiêu liên quan đến biến động nhân sự trong năm 2022, tỉ lệ tuyển dụng mới của VietinBank là 9,3% trong khi tỉ lệ chấm dứt hợp đồng lao động là 4,4%.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỜNG

Người lao động làm việc trong hệ thống VietinBank được hưởng các chế độ tiền lương, thưởng và đãi ngộ sau:

- Hệ thống tiền lương của VietinBank được xây dựng theo thông lệ quốc tế dựa trên nguyên tắc 3Ps: Trả lương theo vị trí công việc, trả lương theo năng lực cá nhân, trả lương theo kết quả thực hiện công việc nhằm đáp ứng 3 mục tiêu chính: (i) Đảm bảo ổn định tiền lương hằng tháng, hằng quý, hằng năm của người lao động; (ii) Tạo động lực đối với người lao động để nâng cao năng suất lao động; (iii) Linh hoạt trong công tác xếp lương, nâng lương hằng năm;
- Được khẳng định năng lực để đề bạt, bổ

nhệm, được đánh giá để thưởng thành tích;

- Được cấp kinh phí đào tạo, nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn;
- Lao động nghỉ hưu: Ngoài chế độ được hưởng từ BHXH, người lao động còn được VietinBank trợ cấp 2 tháng lương trước khi nghỉ hưu và hỗ trợ kinh phí trong hoạt động hưu trí;

Năm 2022, mức tiền lương bình quân của VietinBank tăng **11,6%**, đạt giá trị tuyệt đối và tỷ lệ tăng cao nhất trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay trên cơ sở NSLĐ bình quân toàn hàng tăng vượt kế hoạch. Thông tin chi tiết về mức lương trung bình của người lao động được trình bày trong BCTC năm 2022 đã được kiểm toán tại Phần 7.

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Người lao động làm việc trong hệ thống VietinBank đều được đóng bảo hiểm theo chế độ Nhà nước quy định, được đảm bảo quyền lợi khi về nghỉ chế độ hoặc trong các trường hợp ốm đau, thai sản. Khi người lao động đủ tuổi nghỉ chế độ, VietinBank thực hiện đầy đủ các thủ tục với cơ quan bảo hiểm để người lao động được về nghỉ đúng thời gian quy định.

CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI

Năm 2022, VietinBank tiếp tục triển khai các chế độ phúc lợi, đãi ngộ chung đối với CBNV trong toàn hệ thống nhằm chăm lo đời sống, tái tạo sức lao động, tạo sự cân bằng giữa công việc, cuộc sống, tăng sự gắn kết và các chế độ phúc lợi, đãi ngộ vượt trội đối với cán bộ có thành tích

cao, cán bộ nhân tài, lãnh đạo các vị trí chủ chốt, lãnh đạo cấp cao để ghi nhận sự đóng góp, giữ chân cán bộ có năng lực, trình độ cao.

Các chế độ phúc lợi đãi ngộ VietinBank đang triển khai bao gồm:

- (i) **15 chế độ đãi ngộ phúc lợi chung** cho tất cả người lao động trong hệ thống: Hiếu, hỷ, sinh nhật, thăm hỏi ốm đau, nghỉ mát, quà các dịp Lễ/Tết, chi phí hỗ trợ đi lại các ngày Lễ/Tết, quà ngày 8/3 và 20/10, quà Tết thiếu nhi, Trung thu, khen thưởng cho con CBNV có thành tích tốt, mua bảo hiểm VBI Care cho các cán bộ có thời gian công tác đủ 12 tháng trở lên nhằm đảm bảo các đãi ngộ về chăm sóc sức khỏe...
- (ii) **4 chế độ đãi ngộ vượt trội** áp dụng đối với cán bộ có thành tích cao, các cán bộ giữ vị trí chủ chốt, các cán bộ Nhân tài tiềm năng (Top 500): Chính sách khen thưởng vượt trội, nghỉ dưỡng cao cấp, hỗ trợ học phí cho con, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ...

Trong năm 2022, nghiên cứu các thông lệ tiên tiến về phúc lợi - đãi ngộ trên thị trường, VietinBank đã ban hành Quy định về chế độ phúc lợi - đãi ngộ mới; trong đó VietinBank đã bổ sung, sửa đổi một số chế độ phúc lợi - đãi ngộ để phù hợp với tình hình kinh doanh, thực tế hoạt động của VietinBank, nâng cao chế độ phúc lợi - đãi ngộ đối với người lao động, tăng cường mức độ gắn kết, cống hiến của người lao động đối với Ngân hàng.

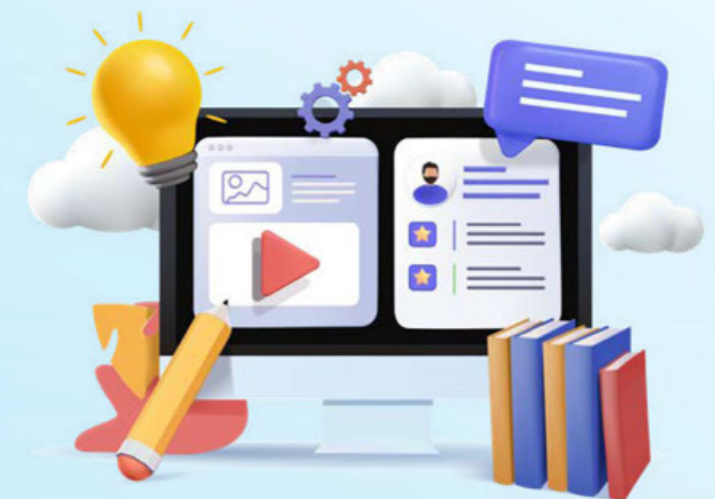
ĐÀO TẠO NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Năm 2022, VietinBank đã tổ chức 876 lớp học (không tính đào tạo tại chỗ (OJT - On-job training, Coaching, Mentoring, chương trình đào tạo nội bộ do các đơn vị/phòng/ban tự tổ chức), tăng 28% so với năm 2021. Số lượt học viên tham gia đào tạo là 119.047 lượt (gấp 2 lần so với năm 2021), với số ngày đào tạo trung bình là 4,62 ngày/người (năm 2021: 4,34 ngày/người).

876 LỚP HỌC

28% SO VỚI NĂM 2021

SỐ NGÀY ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH
4,62 NGÀY/NGƯỜI



Bảng số liệu về thời lượng đào tạo trung bình và mức độ bao phủ của các chương trình đào tạo phân loại theo đối tượng tham gia đào tạo

Phân loại theo đối tượng đào tạo	Số ngày đào tạo trung bình	Lượt đào tạo
Lãnh đạo cấp cao, Lãnh đạo cấp trung và các chức danh tương đương (TV HĐQT, ĐBH, GD/PGĐ Khối, GD/PGĐ CN, TPP TSC, GD/PGĐ ĐVSN)	5,03	7.479
Cán bộ quản lý và chức danh tương đương (TPP CN, TPP ĐVSN)	5,35	40.411
Nhân viên	3,5	71.157
Chung	4,62	119.047



5 - TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, đảm bảo tính thực tiễn và giá trị ứng dụng cao

Năm 2022, VietinBank đã quay trở lại với nhịp đào tạo tập trung sau đại dịch và cũng đã hoàn thành tốt các công tác cập nhật trang bị kiến thức, kỹ năng mới cho đội ngũ nhân sự ngân hàng. Các hoạt động đào tạo và thi nghiệp vụ hỗ trợ các Khối Kinh doanh, Vận hành, hỗ trợ nâng cao năng lực thực thi và gắn chặt chẽ với các chủ điểm năm 2022 của VietinBank như:

- Dự án chuyển đổi số (Chương trình đào tạo Smart Digital Branch, phần mềm nâng cao năng suất lao động RPA; Kỹ năng bán hàng trên nền tảng số);
- Dự án nâng cao chất lượng dịch vụ (đào tạo bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ cho giao dịch viên, cán bộ quản lý quan hệ khách hàng toàn hệ thống; Tòa đàm Hiểu nghề - Giữ nghiệp...);
- Các kỹ năng chuyên môn phục vụ cho công tác thúc đẩy bán dành cho lãnh đạo và cán bộ theo các chủ đề bám sát HKKD.

Phương pháp, hình thức đào tạo liên tục đổi mới, đa dạng các hoạt động theo hướng tăng trải nghiệm cho học viên và tăng hiệu quả đào tạo với tỷ lệ đào tạo trực tuyến là **44%**. Đặc biệt đẩy mạnh các khóa đào tạo trực tiếp tại CN (**233** lớp, tăng **32%** so với năm 2021) với các chủ đề đa

dạng, phù hợp nhu cầu, bám sát thực tiễn, giải quyết các khó khăn, vướng mắc đang gặp phải trong công việc. Số lượng cán bộ học đồng đảo, tiết kiệm chi phí đi lại và không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của CN.

Trong bối cảnh biến động 2022, VietinBank liên tục cập nhật các kỹ năng cần thiết trong quản trị điều hành và các chủ đề theo xu hướng của từng giai đoạn giúp các cấp lãnh đạo nâng cao năng lực lãnh đạo và thích ứng linh hoạt với môi trường kinh doanh. Đồng thời, bồi dưỡng cán bộ tiềm năng định vị được vai trò, trách nhiệm lộ trình công danh trong tổ chức.

Xây dựng và thúc đẩy văn hóa học tập chủ động trên toàn hệ thống

Năm 2022, VietinBank đã xây dựng và thúc đẩy văn hóa học tập chủ động trên toàn hệ thống, dưới nhiều hình thức như:

- Thực hiện các hoạt động xây dựng môi trường tự học trên hệ thống học tập trực tuyến;
- Tổ chức các kì thi nghiệp vụ, các cuộc thi minigame, gameshow hấp dẫn tạo ra môi trường học tập sôi nổi trên toàn hệ thống;
- Áp dụng KPI học tập cho các đơn vị trong hệ thống để nâng cao trách nhiệm đào tạo tại chỗ thông qua công việc của đội ngũ cán bộ quản lý.

CƠ HỘI PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP VÀ CHƯƠNG TRÌNH VIETINBANK TOP 500

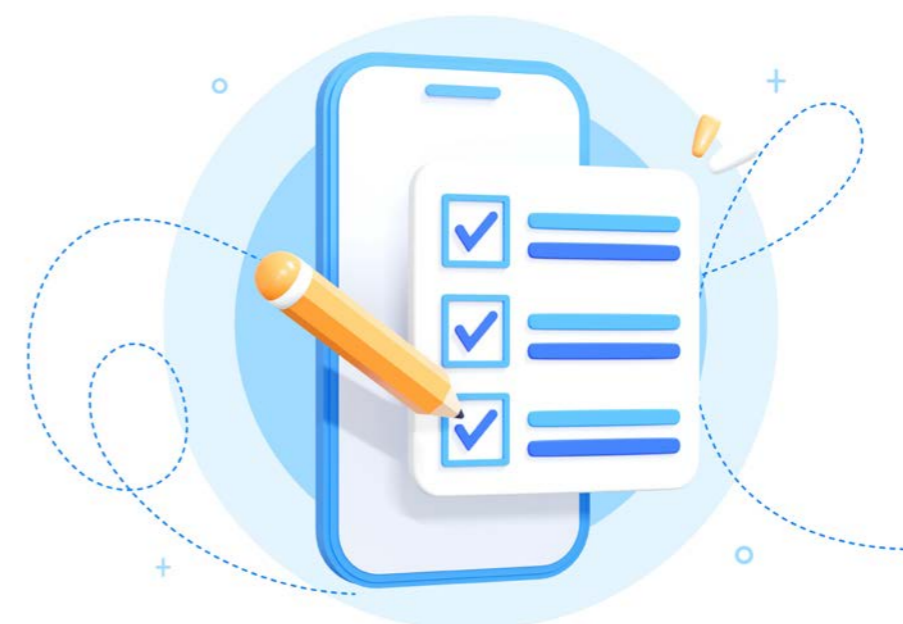
VietinBank tiếp tục đẩy mạnh công tác nhận diện sớm, xây dựng lộ trình đào tạo và phát triển toàn diện nguồn cán bộ cho các vị trí cán bộ quản lý cấp trung, cán bộ cấp chiến lược của Ngân hàng: (i) Nhận diện cán bộ tiềm năng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp trung (Top 500), tập trung vào các chương trình đào tạo về năng lực lãnh đạo, năng lực lõi cho Top 500, các hoạt động chia sẻ thực tế giữa Exco - Key Person - Hipo); (ii) Tiên phong trong các NHTMCP có vốn Nhà nước triển khai đào tạo Quản lý linh hoạt (Agile Management) cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao, cấp trung (HĐQT, BĐH, GD CN, TP/PP TSC) với mục tiêu thúc đẩy hiệu quả phối hợp giữa các cá nhân, đơn vị, trao quyền chủ động, gắn kết nhân viên, nâng cao năng suất lao động đáp ứng yêu cầu chất lượng nguồn nhân lực với năng lực thực thi nhanh; (iii) Đổi mới toàn diện công tác nhận diện, tạo nguồn cán bộ cho các vị trí cán bộ quản lý cấp trung (tổ chức thi tuyển và đánh giá công khai, minh bạch ứng viên dự thi các vị trí GD/PGĐ CN, TP/PP TSC; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá ứng viên cân bằng 2 yếu tố về năng lực và chuyên môn nghiệp vụ) đảm bảo lựa chọn ứng viên phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhân sự của VietinBank.

TĂNG CƯỜNG SỰ HÀI LÒNG VÀ GẮN KẾT NHÂN VIÊN

Tiếp nối kết quả Khảo sát mức độ hài lòng và gắn kết nhân viên năm 2019, trên cơ sở nhận diện các lĩnh vực VietinBank có điểm khảo sát cao và có tính cạnh tranh so với thị trường cũng như các lĩnh vực cần cải thiện để nâng cao mức độ gắn kết, Ban Lãnh đạo VietinBank phê duyệt triển khai Khảo sát mức độ hài lòng và gắn kết trong toàn hàng năm 2022 nhằm cải thiện và nâng cao mức độ hài lòng của nhân viên, trong đó tập trung vào 5 chủ đề chính:

- Môi trường làm việc
- Được tự chủ/trao quyền
- Đánh giá cân bằng giữa công việc/cuộc sống
- Cán bộ quản lý trực tiếp
- Các nội dung khảo sát tự do về các lĩnh vực cần cải thiện

Kết quả khảo sát về các chủ đề này được nghiên cứu, chuyển hóa thành các chương trình, giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy mức độ gắn kết, hài lòng của nhân viên, tăng cường trao quyền, nâng cao tính tự chủ trong công việc, khuyến khích ý tưởng sáng tạo, cách làm mới, hiệu quả của cán bộ, nhân viên.



5 - TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

BÌNH ĐẲNG GIỚI

Trong năm 2022, được sự quan tâm của Ban Lãnh đạo VietinBank, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ VietinBank đã thực hiện các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2021 - 2030.
- Xây dựng kế hoạch triển khai công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ năm 2022.
- Ban hành văn bản hướng dẫn đơn vị triển khai các hoạt động trong Tháng hành động năm 2022; Tổ chức phát động Tháng hành động với hình thức phù hợp, tăng cường tuyên truyền về chủ đề, thông điệp và các hoạt động của Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng và tình hình thực tế...
- Triển khai các chương trình trọng tâm đối với cán bộ, lao động nữ, phát động thi đua gắn với việc tổ chức các phong trào, hoạt động có ý nghĩa thiết thực hiệu quả, thu hút được sự tham gia đồng đều của cán bộ, đoàn viên, người lao động nữ. Bên cạnh đó, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ VietinBank đã chỉ đạo các đơn vị tăng cường làm tốt công tác chăm lo, bảo vệ quyền lợi cho lao động nữ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với lao động nữ; chủ động tham mưu, giới thiệu cán bộ nữ ưu tú cho cấp ủy Đảng, chính quyền trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ nữ... Giới thiệu lao động nữ tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, quan tâm tạo điều kiện để cán bộ nữ có cơ hội được phấn đấu, cống hiến, học tập nâng cao trình độ và tham gia các hoạt động đoàn thể nhằm phát huy năng lực trên mọi lĩnh vực công tác, góp phần làm tốt chức năng đại diện bảo vệ quyền lợi cho lao động nữ; Công tác khen thưởng luôn được quan tâm kịp thời, nhằm động viên các lao động nữ có thành tích tiêu biểu và nhân rộng gương điển hình tiên tiến nhằm thúc đẩy cán bộ nữ đoàn kết, thống nhất, nỗ lực hết mình hoàn thành tốt, xuất sắc các mục tiêu, nhiệm vụ của VietinBank...



TRIỂN KHAI MẠNH MẼ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Trong năm 2022, VietinBank tiếp tục triển khai mạnh mẽ các giải pháp xây dựng, hoàn thiện, lan tỏa các giá trị cốt lõi VietinBank, hướng tới mục tiêu tạo nên "bản sắc riêng có", "lợi thế cạnh tranh riêng biệt" của VietinBank, bao gồm:

- Phát huy vai trò nêu gương, nhất quán trong chuẩn mực hành vi, lãnh đạo của Người đứng đầu các đơn vị VietinBank; xây dựng và thúc đẩy văn hóa kỷ luật, kỷ cương, trên dưới đồng lòng thông qua Ban hành và Truyền thông Quy chế trách nhiệm Người đứng đầu là kim chỉ nam xuyên suốt định hướng tư duy, hành động của các Trưởng đơn vị;
- Tổ chức triển khai đào tạo, thi điểm và lan tỏa phương pháp Quản lý linh hoạt (Agile), nhằm hướng tới xây dựng văn hóa, môi trường làm việc cởi mở, minh bạch, thúc đẩy hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị. Thành lập các Agile Team để tăng cường đối thoại mở và trao quyền, hỗ trợ một số HĐKD trọng yếu của VietinBank;
- Đánh giá toàn diện hiện trạng VHDN VietinBank, triển khai xây dựng kế hoạch thúc đẩy thực thi VHDN các năm tiếp theo.



6 - TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI



VietinBank ủng hộ 5 tỷ đồng Quỹ Vì người nghèo và An sinh xã hội năm 2022

Tổng kinh phí VietinBank dành cho công tác an sinh xã hội từ trước đến nay là hơn



8.500 TỶ ĐỒNG

riêng năm 2022 là hơn

306 TỶ ĐỒNG

Với vai trò là một trong những doanh nghiệp Nhà nước có quy mô lớn nhất, hoạt động trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ, VietinBank luôn tích cực thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và ngành Ngân hàng về công tác ASXH nhằm góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân tại các địa phương khó khăn với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội. Năm 2022, VietinBank đã và đang thực hiện tốt các hoạt động ASXH, đến ơn đáp nghĩa thông qua tài trợ nhiều công trình, chương trình an sinh với tổng trị giá trên 306 tỷ đồng, nâng tổng kinh phí VietinBank dành cho công tác này từ trước đến nay lên trên 8.500 tỷ đồng. Hoạt động ASXH của VietinBank tập trung vào các lĩnh vực xây dựng nhà ở cho người nghèo, xây dựng các trường học, công trình y tế, các công trình hạ tầng tại các địa bàn khó khăn, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai bão lụt, hỗ trợ an ninh quốc phòng.

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI CỦA VIETINBANK TỪ TRƯỚC ĐẾN NĂM 2022 VÀ TRONG NĂM 2022:

KẾT QUẢ CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI	Từ trước đến 2022	Riêng năm 2022	Đơn vị
TỔNG SỐ TIỀN (cam kết/ đã thực hiện)	> 8.500	> 306	tỷ đồng
Một số lĩnh vực tiêu biểu			
 Tặng sổ BHXH và thẻ BHYT cho đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	6.448	6.448	sổ/thẻ
 Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người nghèo	44.787	1.318	căn nhà
 Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng, phòng tránh thiên tai	86	1	công trình
 Hỗ trợ xây dựng cầu, đường giao thông nông thôn	997	5	công trình
 Hỗ trợ xây dựng phòng học	752	8	công trình
 Hỗ trợ xây dựng trạm y tế	143	1	công trình
 Tài trợ xe ô tô cứu thương	301	6	chiếc

6 - TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI TIÊU BIỂU CỦA VIETINBANK CHUNG TAY, GÓP SỨC CHO NGƯỜI CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN



VietinBank dành 5 tỷ đồng tặng sổ BHXH và thẻ BHYT cho người có hoàn cảnh khó khăn

Với mong muốn nhận được sự chung tay, góp sức của cộng đồng xã hội, thực hiện chủ trương “BHXH, BHYT toàn dân” của Đảng và Nhà nước, với mong muốn để người dân Việt Nam, nhất là những người có hoàn cảnh khó khăn được chăm sóc y tế khi ốm đau, được bảo đảm thu nhập khi hết tuổi lao động, VietinBank đã tặng 1.806 sổ BHXH và 4.642 thẻ BHYT cho chương trình “Tặng sổ BHXH, thẻ BHYT cho người có hoàn cảnh khó khăn” hướng tới những đồng bào dân tộc thiểu số thuộc nhóm đối tượng không được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT; người chưa có thẻ BHYT thuộc diện mới thoát nghèo; người thuộc hộ cận nghèo, người có mức sống trung bình chưa tham gia BHXH, BHYT và người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế khác...

Với những ý nghĩa nhân văn, nhân đạo, cộng đồng chia sẻ của chính sách BHXH, BHYT, cuốn

sổ BHXH, tấm thẻ BHYT khi được trao tặng đến người có hoàn cảnh khó khăn không chỉ là sự chia sẻ về vật chất mà còn là sự động viên về tinh thần vô cùng to lớn. Quan trọng hơn, khi tham gia BHXH, BHYT là người dân được tham gia vào mạng lưới ASXH quốc gia, bên cạnh việc được quỹ ASXH quốc gia đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp, họ còn có cơ hội được chia sẻ lại với cộng đồng - điều tưởng như là không thể đối với những người khó khăn - những người dường như chỉ có thể đi nhận sự giúp đỡ từ xã hội thì nay đã có thể tự hào rằng mình cũng đã chia sẻ với cộng đồng - thông qua việc tham gia BHXH, BHYT. Những việc làm nghĩa tình này của VietinBank góp phần lan tỏa thương hiệu VietinBank, nâng giá trị cuộc sống trên khắp mọi miền Tổ quốc, giúp người dân còn khó khăn được tiếp cận các chính sách BHXH, BHYT của Đảng và Nhà nước, từ đó có động lực để nỗ lực, phấn đấu vươn lên trong cuộc sống.

VÌ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO CỦA TỔ QUỐC



VietinBank hỗ trợ công tác an sinh xã hội và chủ quyền biển đảo của Tổ quốc

Năm 2022, VietinBank đóng góp, hỗ trợ Quân chủng Hải quân đóng 1 xuồng máy và tài trợ thiết bị y tế thông qua Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức để tặng các Đảo thuộc quần Đảo Trường Sa và Nhà dân DK1 góp phần nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, thể phòng thủ liên hoàn, có thêm nguồn lực để bảo vệ chủ quyền biển đảo và là điểm tựa cho ngư dân vươn khơi, bám biển, khai thác thủy sản, làm ăn, xây dựng cuộc sống ấm no; tích cực tham gia cùng các lực lượng vũ trang, Quân chủng Hải quân bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới biển, đảo Tổ quốc khẳng định chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

6 - TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

CHUNG TAY VÌ NGƯỜI NGHÈO, KHÔNG ĐỂ AI BỊ BỎ LẠI PHÍA SAU



44.787
CĂN NHÀ TÌNH NGHĨA/
NHÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT



VietinBank trao 5 tỷ đồng hỗ trợ xây dựng 100 căn nhà cho hộ nghèo tại Lai Châu



1.318
CĂN NHÀ TÌNH NGHĨA/
NHÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT
(NĂM 2022)



VietinBank trao tặng 5 tỷ đồng hỗ trợ xây dựng 125 căn nhà cho hộ nghèo tỉnh Cao Bằng



VietinBank ủng hộ 1 tỷ đồng chung tay "Vi người nghèo"

Nhằm phát huy truyền thống quý báu "Lá lành đùm lá rách" của dân tộc và thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững, hưởng ứng phong trào "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau"; thời gian qua, VietinBank đã phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cấp chính quyền địa phương chăm lo cho người nghèo, thực hiện công tác giảm nghèo. VietinBank đã và đang xây dựng, sửa chữa trên 44.787 căn nhà tình nghĩa/ nhà đại đoàn kết. Riêng năm 2022 VietinBank đã hỗ trợ xây dựng 1.318 căn nhà tình nghĩa/ nhà đại đoàn kết và trao tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm cho đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo và gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn tại 63 tỉnh thành phố sớm ổn định cuộc sống.

HỖ TRỢ VỀ Y TẾ, GIÁO DỤC
TẠI NHIỀU ĐỊA PHƯƠNG



752 CÔNG TRÌNH
TRƯỜNG HỌC



8 CÔNG TRÌNH
TRƯỜNG HỌC
(NĂM 2022)



VietinBank tài trợ 5 tỷ đồng xây dựng Trường Tiểu học Hào Đức B, tỉnh Tây Ninh



VietinBank trao tặng an sinh xã hội tại Tuyên Quang

Y tế, Giáo dục là hai lĩnh vực luôn được Đảng, Nhà nước và Chính phủ đặc biệt quan tâm và dành nhiều nguồn lực để phát triển và VietinBank cũng luôn đồng hành các chương trình hỗ trợ y tế, giáo dục của nhiều địa phương. Đến hết năm 2022, VietinBank đã hỗ trợ xây dựng 752 công trình trường học, tặng học bổng và các trang thiết bị giáo dục; ủng hộ các quỹ khuyến học, khuyến tài... Riêng năm 2022, VietinBank đã hỗ trợ xây dựng 8 công trình trường học tại các tỉnh miền giúp cho các cô giáo và các em học sinh có điều kiện tốt hơn để thi đua "Dạy tốt, học tốt", các cháu có điều kiện để vui chơi, sinh hoạt, học tập, "Rèn đức, luyện tài", phát triển đầy đủ về thể chất, trí tuệ.

6 - TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI



VietinBank bàn giao 2 xe cứu thương cho Ngành Y tế tỉnh Điện Biên



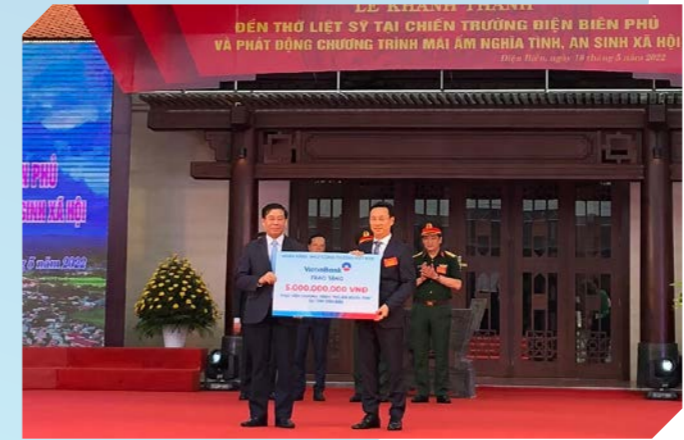
VietinBank tặng 2 xe cứu thương tại tỉnh Nam Định



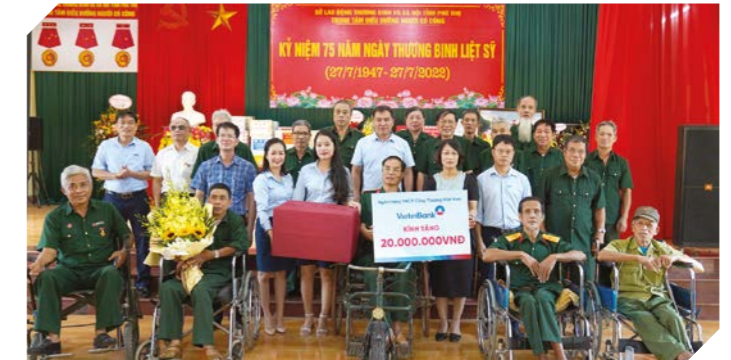
VietinBank trao tặng 1 xe cứu thương cho Bệnh viện Tim Hà Nội

Đối với lĩnh vực y tế, VietinBank xây dựng 143 trạm y tế; tặng 301 xe ô tô cứu thương; tặng trang thiết bị y tế cho các bệnh viện từ Trung ương đến địa phương. Những nỗ lực của VietinBank đã góp phần giúp đỡ các em nhỏ có cơ sở trường lớp tốt, kang trang, bền vững để vui chơi, học tập; người dân có điều kiện về y tế tốt hơn để chăm sóc sức khỏe.

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN



VietinBank trao tặng 5 tỷ đồng cho Chương trình "Mái ấm nghĩa tình, an sinh xã hội" tại Điện Biên



VietinBank tổ chức nhiều hoạt động tri ân nhân Ngày Thương binh Liệt sỹ

Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn" là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là nét đẹp văn hóa của VietinBank. Những năm qua, VietinBank luôn tích cực tham gia nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa nhằm tri ân các Anh hùng Liệt sỹ, gia đình chính sách, người có công với Cách mạng, các thương binh, bệnh binh, Mẹ Việt Nam Anh hùng. Các hoạt động này đã khích lệ, nuôi dưỡng và giáo dục thế hệ trẻ về niềm tự hào dân tộc và phát huy truyền thống của cha ông. Năm 2022, VietinBank đã tham gia hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình nhà tiếp đón người có công tại huyện Côn Đảo; tôn tạo, tu bổ một số công trình Nghĩa trang Liệt sỹ tại các tỉnh Quảng Trị, Gia Lai, Nghệ An, Thanh Hóa; tôn tạo di tích lịch sử Ngã ba Đồng Lộc (Hà Tĩnh); thăm hỏi động viên các đồng chí thương bệnh binh đang điều trị ở các tỉnh Ninh Bình, Bắc Ninh, Hà Nam, Phú Thọ... nhân dịp Ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7; thăm hỏi và tặng quà các đối tượng chính sách, người nghèo, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán...

Nỗ lực thực hiện trách nhiệm xã hội vì cộng đồng của VietinBank trong nhiều năm qua đã mang lại những thành công nhất định trong việc góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương lớn của Đảng, Chính phủ, Ngành Ngân hàng đối với công tác xóa đói, giảm nghèo và đền ơn đáp nghĩa. Nhiều huyện, xã nghèo sau khi có sự hỗ trợ của VietinBank đã từng bước thay đổi diện mạo; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của hộ nghèo và các địa phương được cải thiện và nâng cao rõ rệt; người dân có nhà để ở, có điều kiện về y tế tốt hơn để chăm sóc sức khỏe, giao thông đi lại an toàn thuận tiện, các em nhỏ có cơ sở trường lớp tốt, kang trang bền vững để vui chơi, học tập... VietinBank luôn hướng tới mục tiêu phát triển cộng đồng bền vững về mọi mặt nhằm thể hiện trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn, đóng vai trò trụ cột của nền kinh tế.

07

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán

- 1 Báo cáo của ban điều hành
- 2 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 3 Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất
- 4 Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất
- 5 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 6 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (gọi tắt là “Ngân hàng”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng của Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Minh Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Bắc	Thành viên độc lập
Bà Trần Thu Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Huân	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Hoài	Thành viên
Ông Trần Văn Tấn	Thành viên
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Ông Masahiko Oki	Thành viên
Ông Masashige Nakazono	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Anh Hà	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Anh Thư	Thành viên
Bà Phạm Thị Thơm	Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành
Ông Nguyễn Trấn Mạnh Trung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Lê Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2022)
Ông Hoàng Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 10 năm 2022)
Ông Trần Công Quỳnh Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Như Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Masahiko Oki	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Hải Hưng	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ông Nguyễn Trấn Mạnh Trung	Phó Tổng Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 699/UQ-HĐQT-NHCT18 của Chủ tịch HĐQT ngày 01 tháng 6 năm 2022)
-----------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Nguyễn Trấn Mạnh Trung
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 0953/VN1A-HN-BC

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Ngân hàng"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 31 tháng 3 năm 2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.


Khúc Thị Lan Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1**Mai Thị Thúy Loan**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3837-2021-001-1**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: Triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN			
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	11.066.956	11.330.659
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN)	6	29.727.110	23.383.443
III.	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	7	242.431.953	149.316.646
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác		222.454.660	129.799.364
2.	Cho vay các TCTD khác		19.977.293	19.517.282
IV.	Chứng khoán kinh doanh	8	1.406.183	2.475.309
1.	Chứng khoán kinh doanh		1.622.967	2.522.807
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(216.784)	(474.98)
V.	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	3.058.727	1.454.790
VI.	Cho vay khách hàng		1.245.057.876	1.104.872.665
1.	Cho vay khách hàng	10	1.274.821.709	1.130.667.767
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(29.763.833)	(25.795.102)
VII.	Chứng khoán đầu tư	12	180.312.848	177.544.548
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	178.685.028	174.973.469
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	1.696.778	2.696.832
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.4	(68.958)	(125.753)
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	3.519.441	3.290.027
1.	Vốn góp liên doanh	13.1	3.303.160	3.073.356
2.	Đầu tư dài hạn khác		234.462	240.662
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(18.181)	(23.991)
IX.	Tài sản cố định		10.202.191	10.496.152
1.	Tài sản cố định hữu hình	14	6.047.480	6.192.822
a.	Nguyên giá TSCĐ		16.190.830	15.773.302
b.	Hao mòn TSCĐ		(10.143.350)	(9.580.480)
2.	Tài sản cố định vô hình	15	4.154.711	4.303.330
a.	Nguyên giá TSCĐ		6.779.297	6.627.694
b.	Hao mòn TSCĐ		(2.624.586)	(2.324.364)
X.	Tài sản Có khác	16	81.646.479	47.423.159
1.	Các khoản phải thu	16.1	65.993.812	34.233.578
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		12.399.295	9.856.571
3.	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	338
4.	Tài sản Có khác	16.2	3.314.998	3.403.230
5.	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	16.3	(61.626)	(70.558)
TỔNG TÀI SẢN CÓ			1.808.429.764	1.531.587.398

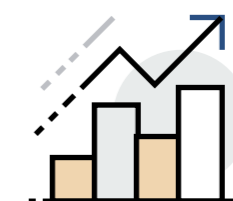
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I.	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	17	104.779.302	33.294.404
1.	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		104.779.302	33.294.404
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	18	209.429.843	138.833.846
1.	Tiền gửi của các TCTD khác	18.1	139.932.528	33.670.804
2.	Vay các TCTD khác	18.2	69.497.315	105.163.042
III.	Tiền gửi của khách hàng	19	1.249.176.034	1.161.848.113
IV.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	20	2.392.201	2.527.930
V.	Phát hành giấy tờ có giá	21	91.370.419	64.496.785
VI.	Các khoản nợ khác		43.114.308	36.936.809
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		21.587.660	16.867.319
2.	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		112	-
3.	Các khoản phải trả và công nợ khác	22	20.487.746	19.015.117
4.	Dự phòng rủi ro khác		1.038.790	1.054.373
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			1.700.262.107	1.437.937.887
VII.	Vốn và các quỹ	24	108.167.657	93.649.511
1.	Vốn của TCTD		57.868.215	57.548.112
a.	Vốn điều lệ		48.057.506	48.057.506
b.	Thặng dư vốn cổ phần		8.974.677	8.974.698
c.	Vốn khác		836.032	515.908
2.	Quỹ của TCTD		16.074.632	13.673.265
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		120.993	245.231
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.364.370	21.488.131
5.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		739.447	694.772
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			1.808.429.764	1.531.587.398



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Bảo lãnh vay vốn	39	7.692.271	3.237.485
2.	Cam kết giao dịch hối đoái	39	260.355.738	479.385.067
	Cam kết mua ngoại tệ		1.994.153	5.748.679
	Cam kết bán ngoại tệ		1.903.759	5.964.386
	Cam kết giao dịch hoán đổi		256.457.826	467.672.002
3.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	39	73.681.359	46.584.571
4.	Bảo lãnh khác	39	78.231.151	60.180.414
5.	Các cam kết khác	39	53.105.344	104.576.907
6.	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	40	8.353.544	7904.314
7.	Nợ khó đòi đã xử lý	41	116.947.615	95.202.933
8.	Tài sản và chứng từ khác	42	105.915.412	111.165.425

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt

Ngô Xuân Hải
Trưởng phòng

Nguyễn Hải Hưng
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Mạnh Trung
Phó Tổng Giám đốc

Kế toán Tài chính

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	104.664.634	84.628.302
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(56.872.679)	(42.839.837)
I.	Thu nhập lãi thuần		47.791.955	41.788.465
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		11.549.069	9.572.678
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		(5.687.120)	(4.612.172)
II.	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	5.861.949	4.960.506
III.	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	3.555.521	1.812.484
IV.	(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	29.1	(112.163)	495.864
V.	(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29.2	(30.184)	223.865
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		7.506.525	4.516.269
6.	Chi phí hoạt động khác		(969.157)	(1.118.203)
VI.	Lãi thuần từ hoạt động khác	30	6.537.368	3.398.066
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	512.244	477.382
VIII.	Chi phí hoạt động	32	(19.007.454)	(17.185.850)
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		45.109.236	35.970.782
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(24.163.177)	(18.381.626)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế		20.946.059	17.589.156
7.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	(4.110.614)	(3.412.160)
8.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(451)	38.346
XII.	Chi phí thuế TNDN		(4.111.065)	(3.373.814)
XIII.	Lợi nhuận sau thuế TNDN		16.834.994	14.215.342
XIV.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		59.920	126.582
XV.	Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu		16.775.074	14.088.760
XVI.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	34	3.491	2.510

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt

Ngô Xuân Hải
Trưởng phòng
Kế toán Tài chính

Nguyễn Hải Hưng
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Mạnh Trung
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

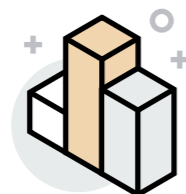
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	102.424.705	82.887.292
02.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(52.210.737)	(42.193.852)
03.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	6.015.156	4.953.100
04.	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	3.525.665	2.473.910
05.	Thu nhập/(Chi phí) khác	4.505.276	(58.016)
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro	5.362.486	3.244.952
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(17.193.419)	(16.694.320)
08.	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(1.911.799)	(4.000.535)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		50.517.333	30.612.531
Những thay đổi về tài sản hoạt động		(219.036.702)	(201.831.648)
09.	(Tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(27.273.637)	(9.749.589)
10.	Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	6.188.335	(59.249.249)
11.	(Tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(1.603.937)	(1.317.668)
12.	(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(144.153.942)	(115.334.497)
13.	(Giảm) nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất	(20.194.345)	(5.174.930)
14.	(Tăng) khác về tài sản hoạt động	(31.999.176)	(11.005.715)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		252.983.098	176.620.626
15.	Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN	71.484.898	(11.302.784)
16.	Tăng các khoản tiền gửi và đi vay các TCTD khác	70.595.997	10.314.731
17.	Tăng tiền gửi của khách hàng	87.327.921	171.516.828
18.	Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	26.873.634	4.621.215
19.	(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(135.729)	(205.321)
20.	(Giảm)/Tăng khác về công nợ hoạt động	(3.163.623)	1.675.957
I.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	84.463.729	5.401.509



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01.	Mua sắm tài sản cố định	(623.680)	(736.408)
02.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	16.841	7.371
03.	Tiền chi cho thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(2.178)	(2.877)
04.	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	6.200	-
05.	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	87.736	83.771
II.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(515.081)	(648.143)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01.	Cổ tức trả cho cổ đông	(3.844.600)	(21.267)
III.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(3.844.600)	(21.267)
IV.	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	80.104.048	4.732.099
V.	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	164.376.586	160.175.076
VI.	Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	(182.414)	(530.589)
VII.	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 35)	244.298.220	164.376.586

Người lập

Ngô Xuân Hải
Trưởng phòng
Kế toán Tài chính

Người phê duyệt

Nguyễn Hải Hưng
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Nguyễn Trần Mạnh Trung
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng"), tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (gọi tắt là "VietinBank") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam, một ngân hàng thương mại Nhà nước được thành lập dưới tên gọi Ngân hàng chuyên doanh Công thương Việt Nam theo Nghị định số 53/NĐ-HĐBT ngày 26 tháng 3 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (gọi tắt là "NHNN"), chính thức được đổi tên thành Ngân hàng Công thương Việt Nam theo Quyết định số 402/CT ngày 14 tháng 11 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và được Thống đốc NHNN ký Quyết định số 285/QĐ-NH5 ngày 21 tháng 9 năm 1996 thành lập lại theo mô hình tổng công ty Nhà nước. Ngày 25 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng Công thương Việt Nam đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng.

Ngày 03 tháng 7 năm 2009, Ngân hàng được cổ phần hóa và đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 03 tháng 7 năm 2009 của NHNN cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103038874 ngày 03 tháng 7 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mới nhất số 0100111948 sửa đổi lần thứ mười hai được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội ngày 08 tháng 9 năm 2021. Ngày 17 tháng 6 năm 2022, NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 13/GP-NHNN để cấp đổi mới, thay thế cho Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 03 tháng 7 năm 2009 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng từ năm 2017 đến năm 2021.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động ngân hàng theo Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, bao gồm nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; cấp tín dụng; mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước; mở tài khoản; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN; vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam và hướng dẫn của NHNN; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn theo tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN; góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN Việt Nam; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; lưu ký chứng khoán; kinh doanh vàng miếng; vi điện tử; cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 03 tháng 7 năm 2009 là 11.252.973 triệu VND, trong đó phần vốn Nhà nước là 10.040.855 triệu VND và vốn của nhà đầu tư bên ngoài thông qua đợt phát hành cổ phiếu lần đầu là 1.212.118 triệu VND.

Ngày 18 tháng 10 năm 2010, Ngân hàng đã hoàn tất đợt phát hành với tổng số cổ phiếu thực tế phát hành thêm là 391.931.841 đơn vị, trong đó số cổ phiếu trả cổ tức là 76.848.603 đơn vị và số cổ phiếu bán cho cổ đông là 315.083.238 đơn vị.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 10 tháng 3 năm 2011, Ngân hàng đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược với tổng số cổ phiếu thực tế phát hành thêm là 168.581.013 đơn vị.

Ngày 28 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tổng số cổ phiếu thực tế phát hành thêm là 337.162.100 đơn vị.

Ngày 13 tháng 4 năm 2012, Ngân hàng đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tổng số cổ phiếu thực tế phát hành thêm là 598.782.376 đơn vị.

Ngày 14 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu cho Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. với tổng số cổ phiếu thực tế phát hành thêm là 644.389.811 đơn vị.

Ngày 22 tháng 10 năm 2013, Ngân hàng đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tổng số cổ phiếu thực tế phát hành thêm là 457.260.208 đơn vị.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, Ngân hàng đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng số cổ phiếu thực tế phát hành thêm là 1.082.346.053 đơn vị.

Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Ngân hàng là 48.057.506 triệu VND.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có Trụ sở chính đặt tại số 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính; hai (02) Văn phòng đại diện trong nước (VPDD tại TP Đà Nẵng và VPDD tại TP Hồ Chí Minh) và một (01) văn phòng đại diện nước ngoài tại Myanmar; tám (08) đơn vị sự nghiệp bao gồm: một (01) Trường đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực, một (01) Trung tâm thẻ, một (01) Trung tâm Tài trợ thương mại, năm (05) Trung tâm quản lý tiền mặt; một trăm năm mươi bảy (157) chi nhánh và chín trăm năm mươi bảy (957) phòng giao dịch (trong đó có hai (02) chi nhánh tại nước ngoài).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có bảy (07) công ty con và một (01) ngân hàng con sở hữu trực tiếp như sau:

STT	Tên công ty/ngân hàng	Được thành lập theo	Lĩnh vực hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy phép thành lập và hoạt động số 53/1998/QĐ-NHNN5 do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 26 tháng 01 năm 1998 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0101047075/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01 tháng 6 năm 2022	Tài chính ngân hàng	100%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	Giấy phép thành lập và hoạt động số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 7 năm 2009 và Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 10 năm 2022	Hoạt động về chứng khoán	75,6%

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

STT	Tên công ty/ngân hàng	Được thành lập theo	Lĩnh vực hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
3	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302077030/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 01 năm 2021	Quản lý tài sản	100%
4	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/GP-KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 12 tháng 12 năm 2002 và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC33/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 03 tháng 3 năm 2022	Bảo hiểm phi nhân thọ	73,4%
5	Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105011873/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19 tháng 12 năm 2022	Kinh doanh, sản xuất, gia công, chế tác vàng bạc đá quý	100%
6	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 11 năm 2022	Quản lý quỹ	100%
7	Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105757686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 01 năm 2012, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 13 tháng 3 năm 2015	Hoạt động trung gian tiền tệ	100%
8	Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào	Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 068/NHCHDCNDL do Ngân hàng Trung ương CHDCND Lào cấp ngày 08 tháng 7 năm 2015	Tài chính ngân hàng	100%

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 25.119 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 25.154 người).

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu VND. Việc trình bày này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng. Riêng đối với chỉ tiêu về số lượng cổ phiếu, Ngân hàng thực hiện trình bày số liệu đến hàng đơn vị như trong Thuyết minh số 24.3.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, NHNN ban hành Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ("Thông tư 27") sửa đổi, bổ sung một số điều của hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 ("Quyết định 479") và chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 ("Quyết định 16") do NHNN ban hành. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2022.

Một số thay đổi chủ yếu trong Thông tư này có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng trong năm tài chính bao gồm:

- Sửa đổi, bổ sung một số tài khoản kế toán và nội dung hạch toán tương ứng, và thay thế một số cụm từ của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 479;
- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 16. Theo đó, một số chỉ tiêu có sự thay đổi về nội dung và cách thức lấy số liệu cần được trình bày lại số đầu năm tương ứng cho mục đích so sánh (như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 53).

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC ("Thông tư 114") bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ("Thông tư 146") ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Một số thay đổi chủ yếu trong Thông tư 114 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng trong năm tài chính bao gồm:

- Quy định việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") ngày 08 tháng 8 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Quy định việc sử dụng số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư 24") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48 hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi. Thông tư 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Ngân hàng đã áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Hướng dẫn kế toán mới đã ban hành nhưng chưa áp dụng

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Quốc hội đã ban hành Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ("Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022") quy định về tổ chức và hoạt động kinh doanh bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm; quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 thay thế Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10, Luật số 61/2010/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 trừ một số điều khoản có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.

Ban Điều hành Ngân hàng đánh giá rằng việc áp dụng Luật số 08 này không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng trong tương lai.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và báo cáo tài chính của các công ty/ngân hàng do Ngân hàng kiểm soát (gọi chung là "các công ty con") được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Ngân hàng và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Ngân hàng với các công ty con và giữa các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Ngân hàng và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Ngân hàng lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản góp vốn liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Ngân hàng trong tài sản thuần của công ty liên doanh.

Ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại Thuyết minh số 51). Trường hợp tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc của ngày kết thúc năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày hôm đó thì Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày kết thúc năm tài chính để quy đổi. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, kim loại quý, tiền gửi thanh toán tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi tại các TCTD khác và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 ("Thông tư 11") của NHNN. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại các TCTD khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài và cho vay các TCTD khác tương tự như đối với các khoản cho vay khách hàng.

Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng tại khoản mục "Các khoản lãi, phí phải thu" hoặc "Các khoản lãi, phí phải trả" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục "Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ được đánh giá lại và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ của các hợp đồng này được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh từ các ảnh hưởng lãi suất được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu, dự chi. Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền không hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết chỉ được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày hoán đổi gốc. Các khoản thu nhập/chi phí phát sinh từ các ảnh hưởng lãi suất được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu, dự chi.

Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Thông tư 11, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 11 được áp dụng với các tài sản Có (gọi tắt là "nợ") bao gồm:

- Cho vay;
- Cho thuê tài chính;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Bao thanh toán;
- Các khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
- Các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Số tiền mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM (sau đây gọi tắt là trái phiếu chưa niêm yết), không bao gồm mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro;
- Ủy thác cấp tín dụng;
- Tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;
- Mua, bán nợ theo quy định của NHNN về hoạt động mua, bán nợ;
- Mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
- Mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành.

Theo đó, nhóm nợ của khách hàng là nhóm nợ có rủi ro cao nhất khi thực hiện phân loại nợ đồng thời theo Điều 10, Điều 11 của Thông tư 11 và nhóm nợ cao nhất tại các tổ chức tín dụng của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng ("CIC") của NHNN cung cấp tại thời điểm phân loại nợ.

Ngân hàng và các công ty con thực hiện giữ nguyên nhóm nợ đối với một số khoản vay theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 và Thông tư số 25/2018/TT-NHNN ngày 24 tháng 10 năm 2018 của NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 ("Nghị định 55") của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 ("Thông tư 01") quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19; Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 ("Thông tư 03") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01; Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ("Thông tư 14") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01 và các văn bản của NHNN về việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Nợ xấu là các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng vào thời điểm cuối mỗi tháng và được ghi nhận hạch toán vào tháng tiếp theo. Dự phòng rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 được ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm đó.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể theo kết quả phân loại nhóm nợ tương ứng tại ngày 31 tháng 12. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 11 như sau:

	Nhóm nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Theo Thông tư 03, Ngân hàng cần thực hiện trích dự phòng cụ thể đối với các khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư này như sau:

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021: tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022: tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung; và
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Theo Thông tư 11, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4, ngoại trừ các khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng nước ngoài; các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước; và các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Thông tư 11.

Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo quy định tại Thông tư 11, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Phân loại nợ cho cam kết ngoại bảng

Ngân hàng thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang và các cam kết khác phát sinh rủi ro tín dụng (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 9, Điều 10 hoặc Điều 11 của Thông tư 11. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn.

Ngân hàng không trích lập dự phòng chung và dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng theo các hướng dẫn tại Thông tư 11.

Các khoản đầu tư**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được Ngân hàng và/hoặc các công ty con mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chứng khoán thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 (xem chi tiết tại thuyết minh chính sách kế toán cho "Dự phòng rủi ro tín dụng") được trích lập dự phòng theo Thông tư 11. Chứng khoán không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Chứng khoán đầu tư****Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và/hoặc các công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng và/hoặc các công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu nhập lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng trong thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 (xem chi tiết tại thuyết minh chính sách kế toán cho "Dự phòng rủi ro tín dụng") được trích lập dự phòng theo Thông tư 11. Chứng khoán không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và/hoặc các công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng và/hoặc các công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 (xem chi tiết tại thuyết minh chính sách kế toán cho "Dự phòng rủi ro tín dụng") được trích lập dự phòng theo Thông tư 11. Chứng khoán không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 được trích lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo các quy định kế toán hiện hành. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

Phân loại lại

Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của NHNN, việc phân loại lại sau khi mua chỉ được thực hiện tối đa một (01) lần đối với mỗi khoản mục chứng khoán đã đầu tư. Trong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

những trường hợp đặc biệt hoặc khi có số lượng lớn chứng khoán phải phân loại lại (lớn hơn hoặc bằng 50% giá trị khoản mục), Ngân hàng sẽ thực hiện thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất về sự tác động của việc phân loại lại trong tổng tài sản, công nợ, nguồn vốn cũng như thu nhập và chi phí của Ngân hàng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng và/hoặc các công ty con nắm giữ dưới 11% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng và/hoặc các công ty con là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Dự phòng giảm giá đối với các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đối với các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn được lập nếu doanh nghiệp mà Ngân hàng và/hoặc các công ty con đang đầu tư bị lỗ theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá đối với các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

Ghi nhận

Ngân hàng và/hoặc các công ty con ghi nhận chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác tại ngày Ngân hàng và/hoặc các công ty con thực hiện theo điều khoản hợp đồng (kể toán theo ngày giao dịch). Chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, chứng khoán đầu tư và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo các chính sách kế toán trình bày ở phần trên.

Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc khi Ngân hàng và/hoặc các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của các khoản đầu tư.

Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết sẽ mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết sẽ bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ủy thác và nguồn vốn ủy thác

Các khoản ủy thác được ghi nhận khi hợp đồng ủy thác đã được các bên ký kết và vốn ủy thác đã được thực hiện. Các quyền lợi và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác đối với lợi nhuận và phân chia lợi nhuận, phí ủy thác và các quyền lợi và nghĩa vụ khác được thực hiện theo điều khoản ghi trong hợp đồng ủy thác đã ký kết. Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và/hoặc các công ty con và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, đầu tư nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí đầu tư nâng cấp tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được đánh giá một cách chắc chắn, làm tăng lợi ích kinh tế của tài sản cố định vô hình so với mức hoạt động ban đầu, thì được phản ánh tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí khác liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Giá trị tài sản thuê hoạt động không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Tiền thuê phải trả được hạch toán theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục "Chi phí hoạt động" trong suốt thời hạn thuê tài sản.

Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	Thời gian hữu dụng ước tính (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25
Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không phải trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn được cấp quyền sử dụng đất.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, phí dịch vụ trả trước và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Ngân hàng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời hạn không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí hoạt động" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi thì mức trích lập dự phòng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng khác

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Ngân hàng và các công ty con có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng khác được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Vốn và các quỹ**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận vốn từ cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi trừ các loại thuế, được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Các quỹ dự trữ**

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ thưởng Ban Điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Các quỹ dự trữ tại các công ty con được trích lập theo chính sách của Ngân hàng trừ các công ty/ngân hàng sau được trích lập theo quy định pháp luật có liên quan:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: quỹ dự trữ được trích từ lợi nhuận sau thuế của các công ty này theo Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 ("Thông tư 146") do Bộ Tài chính ban hành, theo đó:
 - Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của các Công ty này;
 - Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ đã được trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của các công ty này, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: quỹ dự trữ được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 với tỷ lệ như sau:
 - Quỹ dự trữ bắt buộc: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào: quỹ dự trữ theo luật định, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào theo Luật Ngân hàng Thương mại sửa đổi năm 2018 do Quốc hội Lào ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2018 với tỷ lệ như sau:
 - Quỹ dự trữ theo luật định: 10% lợi nhuận sau thuế;
 - Quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác: theo phê duyệt của chủ sở hữu;

Các quỹ dự trữ này sẽ được trích lập vào thời điểm cuối năm tài chính.

Doanh thu và chi phí**Thu nhập/chi phí lãi và các khoản thu nhập/chi phí tương tự**

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

nhóm 5 theo Thông tư 11, lãi phải thu của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) theo quy định tại Thông tư 01, Thông tư 03, Thông tư 14 và Nghị định 55 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Doanh thu lãi và chi phí lãi của các khoản chứng khoán đầu tư được hạch toán theo nguyên tắc dự thu, dự chi. Đối với các khoản lãi dự thu phát sinh từ các khoản chứng khoán đầu tư thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư 11 bị phân loại từ nhóm 2 trở lên sẽ không được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm. Các khoản dự thu này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Doanh thu và chi phí hoạt động bảo hiểm**Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc**

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 ("Thông tư 50"). Theo đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng một trong những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; và (3) hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào thu nhập khoản tiền cho bên mua bảo hiểm nợ mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối năm tài chính được ghi nhận ở phần "Các khoản phải trả và công nợ khác" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Những khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm gốc là các khoản giảm trừ doanh thu và được theo dõi riêng, cuối năm tài chính kết chuyển vào tài khoản doanh thu phí bảo hiểm gốc ở phần "Thu nhập từ hoạt động dịch vụ" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Chi phí bồi thường hoạt động kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng đã xác định được chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm tài chính được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi phí hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc theo quy định tại Thông tư 50. Chi phí hoa hồng được phân bổ và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm tương ứng với phí bảo hiểm được hưởng.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm**i. Nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh trong năm. Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm tương ứng với hoa hồng hoạt động bảo hiểm gốc chưa được tính vào doanh thu năm nay tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

ii. Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định:

- Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời:

- Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bằng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận tái bảo hiểm và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với doanh thu nhận tái chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

Thu nhập từ phí dịch vụ và hoa hồng

Các khoản thu nhập từ phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu.

Thu nhập từ hoạt động bảo lãnh, hoạt động thư tín dụng

Các khoản thu nhập từ phí bảo lãnh, thư tín dụng được hạch toán trên cơ sở dự thu, phân bổ.

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Ghi nhận cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức nhận được bằng tiền và lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư và góp vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia của Ngân hàng được xác định. Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu là các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần thì không ghi tăng giá trị cổ phiếu được nhận và không ghi nhận là thu nhập hoạt động tài chính trong báo cáo tài chính hợp nhất mà chỉ theo dõi số cổ phiếu tăng thêm theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Doanh thu cung cấp dịch vụ khác**

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng năm tài chính hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác năm tài chính và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Ngân hàng sẽ hạch toán vào thu nhập theo bản chất của khoản thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Theo quy định tại Thông tư 16, chỉ các giao dịch và nghiệp vụ kinh tế phát sinh là các khoản chi phí được trừ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp được Ngân hàng ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Lợi ích của nhân viên****Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội, một cơ quan trực thuộc Chính phủ. Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng chi trả trợ cấp bằng 02 tháng lương tính theo tiền lương bổ sung theo vị trí công việc gắn với chỉ số đo lường hiệu quả công việc ("KPI") được xếp bình quân của 06 tháng liền kề trước thời điểm nghỉ hưu cho người lao động khi nghỉ hưu.

Theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 7 năm 2021, từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam được áp dụng mức đóng bằng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022, Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam phải đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo mức cũ được quy định tại Nghị định số 58/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 5 năm 2020.

Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021, Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đối với người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên chấm dứt Hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật (tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 9 và 10 Điều 34 Bộ luật lao động), trừ trường hợp đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và trường hợp quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Lao động năm 2019. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 ("Thông tư 28") của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm năm 2013 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, từ ngày 01 tháng 10 năm 2021, Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam được giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp từ 1% xuống bằng 0% trong 12 tháng. Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2022, Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam phải đóng bảo hiểm thất nghiệp theo mức cũ được quy định tại Thông tư 28.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Có góp vốn vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
- Có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng.

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát của Ngân hàng;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);

(e) Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được trích lập theo quy định tại Thông tư 50 và các công văn được Bộ tài chính phê duyệt bao gồm Công văn số 2821/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 và Công văn số 1916/BTC-QLBH ngày 28 tháng 02 năm của 2022. Chi tiết như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí

Đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) phi nhân thọ, dự phòng phí được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo phương pháp 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng bồi thường

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR"), dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp.

Dự phòng dao động lớn

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thực hiện chính sách dự phòng theo quy định tại Thông tư 50, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 1% phí bảo hiểm giữ lại trong năm.

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

- Đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe có thời hạn trên 1 năm, dự phòng phí được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo phương pháp 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe cho trường hợp chết, thương tật vĩnh viễn, dự phòng phí được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng phí

Đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe có thời hạn dưới 01 năm, dự phòng phí được trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo phương pháp 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

Dự phòng bồi thường

Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR"), dự phòng bồi thường được trích lập dựa trên tỷ lệ thống kê về bồi thường trong 3 năm liên tiếp.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại trong năm và được phản ánh vào khoản mục dự phòng dao động lớn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

Ngân hàng không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả và được phản ánh tại khoản mục "Các khoản nợ khác" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm và được phản ánh tại khoản mục "Tài sản Có khác" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	9.897.136	9.896.327
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.148.066	1.406.350
Vàng tiền tệ	3.666	10.783
Kim loại quý, đá quý khác	18.088	17.199
	11.066.956	11.330.659

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (“NHNN”)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi thanh toán tại NHNN		
- Bằng VND	29.416.069	19.166.884
- Bằng ngoại tệ	311.041	4.216.559
	29.727.110	23.383.443

Tiền gửi tại NHNN nhằm mục đích thanh toán và thực hiện dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại các TCTD khác		
Tiền gửi không kỳ hạn	131.699.995	88.559.894
- Bằng VND	69.108.008	19.779.938
- Bằng ngoại tệ	62.591.987	68.779.956
Tiền gửi có kỳ hạn	90.754.665	41.239.470
- Bằng VND	28.517.000	26.290.000
- Bằng ngoại tệ	62.237.665	14.949.470
	222.454.660	129.799.364
Cho vay các TCTD khác		
- Bằng VND	18.587.904	16.761.360
- Bằng ngoại tệ	1.389.389	2.755.922
	19.977.293	19.517.282
Tổng tiền gửi và cho vay các TCTD khác	242.431.953	149.316.646

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi tại các TCTD khác (không bao gồm tiền gửi thanh toán tại TCTD trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội và gửi tiền tại tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của Thông tư 11) và cho vay các TCTD khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	110.731.958	60.756.752
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	110.731.958	60.756.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	752.618	1.899.732
Chứng khoán Chính phủ	231.018	1.092.554
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	521.600	807.178
Chứng khoán Vốn	870.349	623.075
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	387.238	178.563
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	483.111	444.512
	1.622.967	2.522.807
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(216.784)	(47.498)
Dự phòng giảm giá	(212.872)	(41.444)
Dự phòng chung	(3.912)	(6.054)
	1.406.183	2.475.309

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	752.618	1.899.732
Đã niêm yết	231.018	1.092.554
Chưa niêm yết	521.600	807.178
Chứng khoán Vốn	870.349	623.075
Đã niêm yết	655.203	455.291
Chưa niêm yết	215.146	167.784
	1.622.967	2.522.807

Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng theo mệnh giá

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	521.600	807.178
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	521.600	807.178

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/CÔNG NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất)		
	Tài sản	Công nợ	Giá trị thuần
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày cuối năm			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	3.150.003	-	3.150.003
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	127.406	-	127.406
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	3.022.597	-	3.022.597
Công cụ tài chính phái sinh lãi suất	-	(91.276)	(91.276)
	3.150.003	(91.276)	3.058.727
Tại ngày đầu năm			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.296.937	-	1.296.937
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	130.202	-	130.202
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	1.166.735	-	1.166.735
Công cụ tài chính phái sinh lãi suất	157.853	-	157.853
	1.454.790	-	1.454.790

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	1.258.111.234	1.115.213.563
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	1.824.896	2.170.538
Cho thuê tài chính	4.613.703	3.585.536
Các khoản trả thay khách hàng	473.842	14.385
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	28.238	62.318
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	9.769.796	9.621.427
	1.274.821.709	1.130.667.767

Phân tích chất lượng nợ cho vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.229.062.260	1.104.465.335
Nợ cần chú ý	29.958.469	11.901.967
Nợ dưới tiêu chuẩn	7.305.070	7.095.731
Nợ nghi ngờ	2.261.011	2.003.066
Nợ có khả năng mất vốn	6.234.899	5.201.668
	1.274.821.709	1.130.667.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo thời hạn gốc của khoản vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ ngắn hạn (Đến 1 năm)	772.203.915	683.530.470
Nợ trung hạn (Từ 1 tới 5 năm)	83.412.853	66.214.587
Nợ dài hạn (Trên 5 năm)	419.204.941	380.922.710
	1.274.821.709	1.130.667.767

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Nhà nước	64.730.484	51.388.764
Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước	18.079.808	24.016.904
Công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn Nhà nước chiếm giữ trên 50%	7.683.364	7.015.249
Công ty TNHH khác	267.466.339	254.976.627
Công ty cổ phần có vốn Nhà nước chiếm giữ trên 50%	21.181.071	29.986.650
Công ty Cổ phần khác	346.530.426	324.836.944
Công ty hợp danh	4.190	284.269
Doanh nghiệp tư nhân	13.350.585	13.249.546
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	61.301.483	58.031.369
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	1.307.206	1.436.474
Hộ kinh doanh, cá nhân	471.393.466	362.632.638
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	913.395	993.055
Thành phần kinh tế khác	879.892	1.819.278
	1.274.821.709	1.130.667.767

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	46.625.378	43.619.396
Khai khoáng	9.933.405	12.391.069
Công nghiệp chế biến, chế tạo	269.186.570	263.169.799
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	64.515.281	63.232.247
Xây dựng	87.356.195	91.228.785
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	437.098.865	375.754.856
Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	23.669.902	23.011.305
Thương mại, dịch vụ	237.775.449	170.503.149
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	68.847.438	53.108.053
Ngành khác	29.813.226	34.649.108
	1.274.821.709	1.130.667.767

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Biến động số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	8.422.669	17.372.433	25.795.102
Dự phòng trích lập trong năm	1.065.454	23.097.723	24.163.177
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	(20.194.345)	(20.194.345)
Điều chỉnh khác	-	(101)	(101)
Số dư cuối năm	9.488.123	20.275.710	29.763.833

Biến động số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	7.365.419	5.216.961	12.582.380
Dự phòng trích lập trong năm	1.057.250	17.324.376	18.381.626
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	(5.174.930)	(5.174.930)
Điều chỉnh khác	-	6.026	6.026
Số dư cuối năm	8.422.669	17.372.433	25.795.102

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	178.308.413	174.596.854
Chứng khoán Chính phủ	77.511.269	78.299.141
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	96.813.834	86.815.360
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	3.983.310	9.482.353
Chứng khoán Vốn	376.615	376.615
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	376.615	376.615
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(65.232)	(122.027)
Trong đó:		
Dự phòng giảm giá	(35.357)	(51.189)
Dự phòng chung	(29.875)	(70.838)
	178.619.796	174.851.442

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	1.696.778	2.696.832
Chứng khoán Chính phủ	1.200.000	2.200.000
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	496.778	496.832
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(3.726)	(3.726)
Trong đó:		
Dự phòng chung	(3.726)	(3.726)
	1.693.052	2.693.106

12.3 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng theo mệnh giá

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	91.779.755	65.453.217
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	30	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	91.779.785	65.453.217

12.4 Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

Biến động số dư dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		Dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	
	Dự phòng chung	Dự phòng giảm giá	Dự phòng chung	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	70.838	51.189	3.726	125.753
Dự phòng (hoàn nhập) trong năm	(40.963)	(15.832)	-	(56.795)
Số dư cuối năm	29.875	35.357	3.726	68.958

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Biến động số dư dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		Dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	
	Dự phòng chung	Dự phòng giảm giá	Dự phòng chung	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	298.572	50.918	3.126	352.616
Dự phòng (hoàn nhập) trong năm	(227.734)	271	600	(226.863)
Số dư cuối năm	70.838	51.189	3.726	125.753

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh (xem Thuyết minh số 13.1)	3.303.160	3.073.356
Các khoản đầu tư dài hạn khác	234.462	240.662
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(18.181)	(23.991)
	3.519.441	3.290.027

13.1 Vốn góp liên doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc quy đổi	Giá trị ròng của khoản đầu tư theo phương pháp VCSH	Tỷ lệ sở hữu của ngân hàng	Giá gốc quy đổi	Giá trị ròng của khoản đầu tư theo phương pháp VCSH	Tỷ lệ sở hữu của ngân hàng
	Triệu VND	Triệu VND	%	Triệu VND	Triệu VND	%
Ngân hàng TNHH Indovina	1.688.788	3.303.160	50	1.688.788	3.073.356	50
	3.303.160	3.303.160		1.688.788	3.073.356	

Ngân hàng TNHH Indovina được thành lập tại Việt Nam có Hội sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ ngân hàng. Đây là liên doanh giữa Ngân hàng với Ngân hàng Cathay United, một ngân hàng được thành lập tại Đài Loan. Liên doanh này được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng liên doanh số 101/GP-NHNN ngày 11 tháng 11 năm 2019 (thay thế Giấy phép hoạt động Ngân hàng liên doanh số 08/NH-GP do NHNN cấp ngày 29 tháng 10 năm 1992) với thời gian hoạt động là 99 năm với số vốn điều lệ là 193.000.000 USD, tương đương 3.377.500 triệu VND.

Kể từ khi thành lập đến nay, được sự chấp thuận của NHNN, Ngân hàng TNHH Indovina đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn thực góp, trong đó giá trị vốn thực góp của hai bên liên doanh tăng lên nhưng tỷ lệ vốn thực góp không thay đổi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Ngân hàng TNHH Indovina là 193.000.000 USD, tương đương 3.377.500 triệu VND.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý và TSCĐ hữu hình khác	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.069.230	5.582.388	1.746.676	375.008	15.773.302
Mua sắm trong năm	1.180	236.311	135.403	29.212	402.106
Đầu tư XDCB hoàn thành	112.765	4.266	13.278	4.551	134.860
Tăng khác	47.860	27.060	3.784	6.214	84.918
Thanh lý, nhượng bán	(4.843)	(54.872)	(73.186)	(5.669)	(138.570)
Giảm khác	(34.532)	(18.090)	(9.220)	(3.944)	(65.786)
Số dư cuối năm	8.191.660	5.777.063	1.816.735	405.372	16.190.830
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.797.617	5.163.355	1.291.812	327.696	9.580.480
Khấu hao trong năm	279.051	234.178	153.872	30.737	697.838
Phân loại lại	-	(167)	167	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(4.687)	(50.248)	(69.652)	(5.668)	(130.255)
Tăng/(Giảm) khác	133	1.788	(3.253)	(3.381)	(4.713)
Số dư cuối năm	3.072.114	5.348.906	1.372.946	349.384	10.143.350
Giá trị còn lại					
Tại ngày cuối năm	5.119.546	428.157	443.789	55.988	6.047.480
Tại ngày đầu năm	5.271.613	419.033	454.864	47.312	6.192.822

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.113.429	6.546.103
	7.113.429	6.546.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính và TSCĐ vô hình khác	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.118.602	2.509.092	6.627.694
Mua sắm trong năm	-	159.063	159.063
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-
(Giảm) khác	(4.660)	(2.800)	(7.460)
Số dư cuối năm	4.113.942	2.665.355	6.779.297
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	418.976	1.905.388	2.324.364
Khấu hao trong năm	38.739	224.097	262.836
Tăng khác	2.102	35.284	37.386
Số dư cuối năm	459.817	2.164.769	2.624.586
Giá trị còn lại			
Tại ngày cuối năm	3.654.125	500.586	4.154.711
Tại ngày đầu năm	3.699.626	603.704	4.303.330

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.057.617	749.457
	1.057.617	749.457

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

16.1 Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)	5.633.260	5.567.364
Mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ	935.649	1.120.885
Các khoản phải thu bên ngoài	59.253.934	27.252.654
Các khoản phải thu nội bộ	170.969	292.675
	65.993.812	34.233.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

i. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Các công trình khu vực miền Bắc	5.359.085	5.275.665
Các công trình khu vực miền Trung	144.036	183.683
Các công trình khu vực miền Nam	130.139	108.016
	5.633.260	5.567.364

16.2 Tài sản Có khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Vật liệu và công cụ	169.493	125.198
Chi phí trả trước chờ phân bổ	3.128.982	3.261.241
Tài sản có khác	16.523	16.791
	3.314.998	3.403.230

16.3 Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	45.699	52.969
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15.927	17.589
	61.626	70.558

17. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước	1.736.629	1.505.274
Vay theo hồ sơ tín dụng	1.081.275	1.498.316
Vay hỗ trợ các doanh nghiệp Nhà nước	6.958	6.958
Vay chiết khấu các giấy tờ có giá	648.396	-
Tiền gửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước	103.042.673	31.789.130
Bằng VND	103.042.673	31.789.130
	104.779.302	33.294.404

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

18.1 Tiền gửi của các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	98.563.856	6.679.825
- Bằng VND	50.738.812	2.801.242
- Bằng ngoại tệ	47.825.044	3.878.583
Tiền gửi có kỳ hạn	41.368.672	26.990.979
- Bằng VND	38.387.000	24.641.890
- Bằng ngoại tệ	2.981.672	2.349.089
	139.932.528	33.670.804

18.2 Vay các TCTD khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
- Bằng VND	8.542.533	10.950.415
- Bằng ngoại tệ	60.954.782	94.212.627
	69.497.315	105.163.042

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	243.525.291	225.756.534
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	208.131.149	197.562.236
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	35.394.142	28.194.298
Tiền gửi có kỳ hạn	999.060.030	928.319.195
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	965.635.265	899.476.972
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	33.424.765	28.842.223
Tiền gửi vốn chuyên dùng	2.290.610	2.694.795
- Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	1.470.044	2.207.309
- Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	820.566	487.486
Tiền gửi ký quỹ	4.300.103	5.077.589
- Tiền gửi ký quỹ bằng VND	3.962.796	4.334.570
- Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	337.307	743.019
	1.249.176.034	1.161.848.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thuyết minh theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Nhà nước	197.119.163	169.750.631
Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước	27.855.219	24.860.376
Công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn Nhà nước chiếm giữ trên 50%	1.080.309	1.220.648
Công ty TNHH khác	43.666.936	41.655.903
Công ty Cổ phần có vốn Nhà nước chiếm giữ trên 50%	47.298.642	48.873.467
Công ty Cổ phần khác	101.113.291	95.913.738
Công ty hợp danh	10.293.399	8.933.336
Doanh nghiệp tư nhân	2.527.779	1.605.562
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	107.368.822	114.923.002
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	640.972	465.263
Hộ kinh doanh, cá nhân	621.134.929	563.072.219
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	53.361.235	45.382.561
Thành phần kinh tế khác	35.715.338	45.191.407
	1.249.176.034	1.161.848.113

20. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Vốn nhận của các tổ chức, cá nhân khác bằng VND	505.248	568.082
Vốn nhận của các tổ chức, cá nhân khác bằng ngoại tệ	1.886.953	1.959.848
	2.392.201	2.527.930

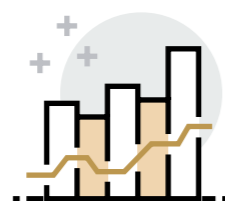
21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Giấy tờ có giá bằng VND	91.370.235	64.496.607
Mệnh giá	91.370.235	64.496.607
Giấy tờ có giá bằng ngoại tệ	184	178
Mệnh giá	184	178
	91.370.419	64.496.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi tiết kỳ hạn của các giấy tờ có giá phát hành

Loại giấy tờ có giá	Kỳ phiếu	Trái phiếu vô danh	Trái phiếu ghi sổ	Chứng chỉ tiền gửi	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư cuối năm					
Dưới 12 tháng	197	-	-	43.000.000	43.000.197
- Bằng VND	197	-	-	43.000.000	43.000.197
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	-	166	-	12.043.826	12.043.992
- Bằng VND	-	166	-	12.043.642	12.043.808
- Bằng ngoại tệ	-	-	-	184	184
Từ 5 năm trở lên	-	-	36.326.230	-	36.326.230
- Bằng VND	-	-	36.326.230	-	36.326.230
	197	166	36.326.230	55.043.826	91.370.419
Số dư đầu năm					
Dưới 12 tháng	197	-	-	2.000.000	2.000.197
- Bằng VND	197	-	-	2.000.000	2.000.197
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	-	166	-	26.400.192	26.400.358
- Bằng VND	-	166	-	26.400.014	26.400.180
- Bằng ngoại tệ	-	-	-	178	178
Từ 5 năm trở lên	-	-	36.096.230	-	36.096.230
- Bằng VND	-	-	36.096.230	-	36.096.230
	197	166	36.096.230	28.400.192	64.496.785



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ	2.524.770	1.749.061
Các khoản phải trả bên ngoài	15.366.185	15.016.254
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.596.791	2.249.802
	20.487.746	19.015.117

Chi tiết các khoản phải trả bên ngoài:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản thu, chi hộ các tổ chức khác	3.896.715	4.948.056
Tiền giữ hộ và chờ thanh toán	84.460	198.806
Thuế TNDN phải trả	2.922.556	721.321
Cổ tức phải trả cho cổ đông	-	3.844.600
Doanh thu chờ phân bổ	5.490.441	1.886.157
Phải trả khác liên quan đến nghiệp vụ chứng khoán	362.994	1.207.552
Phải trả thuế khác	275.055	218.576
Phải trả NHNN do thu hồi nợ đã xóa	-	76.007
Các khoản phải trả liên quan đến hoạt động tài trợ thương mại	6.000	5.996
Thanh toán giữa các tổ chức tín dụng	805.824	66.869
Chuyển tiền phải trả	224.454	347.380
Các khoản chờ thanh toán khác	1.163.971	1.205.076
Các khoản phải trả khác	133.715	289.858
	15.366.185	15.016.254

23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			
	Số dư đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư cuối năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế TNDN	-	-	2.344	2.344
	-	-	2.344	2.344
b. Các khoản phải trả				
Thuế GTGT	68.729	1.034.754	1.021.597	81.886
Thuế TNDN	721.321	4.110.690	1.909.455	2.922.556
Các loại thuế khác	14.9905	1.127.239	1.083.975	193.169
	939.955	6.272.683	4.015.027	3.197.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

24. VỐN VÀ CÁC QUỸ

24.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng		
Số dư đầu năm	48.057.506	8.974.698	515.908	245.231	70.571	9.026.298	4.576.396	21.488.131	694.772	93.649.511		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	16.775.074	59.920	16.834.994		
Chuyển từ quỹ dự trữ sang vốn khác	-	-	64.390	-	-	(42.815)	(42.815)	-	-	(21.240)		
(Giảm) do chuyển đổi báo cáo tài chính cho mục đích hợp nhất	-	-	-	(124.238)	(7.038)	(15.503)	-	-	-	(146.779)		
Điều chỉnh trích lập quỹ của các năm tài chính trước	-	-	-	-	-	2.286	1.143	(3.429)	-	-		
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	12.292	1.658.416	835.465	(2.506.173)	-	-		
Chia cổ tức (*)	-	-	255.734	-	-	-	-	(255.734)	-	-		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	-	-	-	(2.026.477)	(15.238)	(2.041.715)		
Khác	-	(21)	-	-	-	-	(64)	(107.022)	(7)	(107.114)		
Số dư cuối năm	48.057.506	8.974.677	836.032	120.993	75.825	10.628.682	5.370.125	33.364.370	739.447	108.167.657		

(*) Thế hiện khoản chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận đã thực hiện sau thuế của công ty con trong năm 2022.

(**) Trích lập các quỹ theo luật định và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Ngân hàng và các công ty con trong năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

24.2 Chi tiết vốn đầu tư của Ngân hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	30.979.325	-	30.979.325	-
Vốn góp (cổ đông, thành viên)	17.078.181	-	17.078.181	-
Thặng dư vốn cổ phần	8.969.827	-	8.969.827	-
	57.027.333	-	57.027.333	-

24.3 Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (đơn vị)	4.805.750.609	4.805.750.609
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (đơn vị)	4.805.750.609	4.805.750.609
- Cổ phiếu phổ thông (đơn vị)	4.805.750.609	4.805.750.609
- Cổ phiếu ưu đãi (đơn vị)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

25. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	3.059.911	1.455.828
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	92.897.289	74.973.599
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	6.810.416	6.423.049
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	873.429	853.304
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	372.923	326.565
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	650.666	595.957
	104.664.634	84.628.302

26. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	48.089.159	38.076.416
Trả lãi tiền vay	3.147.687	971.137
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	3.786.570	3.511.189
Chi phí hoạt động tín dụng khác	1.849.263	281.095
	56.872.679	42.839.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	11.549.069	9.572.678
- Thu từ dịch vụ thanh toán	3.835.873	3.969.068
- Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	413.861	129.339
- Thu từ dịch vụ tư vấn	339.633	206.916
- Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	3.213.741	2.592.477
- Thu khác	3.745.961	2.674.878
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(5.687.120)	(4.612.172)
- Chi về dịch vụ thanh toán	(2.700.073)	(2.042.880)
- Chi về dịch vụ tư vấn	(62.255)	(43.229)
- Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(262.439)	(207.144)
- Chi về hoạt động ngân quỹ	(299.859)	(286.045)
- Chi về kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	(2.005.887)	(1.801.533)
- Chi dịch vụ khác	(356.607)	(231.341)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5.861.949	4.960.506

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	8.541.178	5.068.589
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	2.603.567	1.686.174
- Thu từ kinh doanh vàng	1.317.933	1.732.969
- Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	4.619.678	1.649.446
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(4.985.657)	(3.256.105)
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(484.448)	(292.940)
- Chi về kinh doanh vàng	(1.313.509)	(1.848.567)
- Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(3.187.700)	(1.114.598)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.555.521	1.812.484

29. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH VÀ CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

29.1 (LỖ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	122.938	479.405
(Chi phí) về mua bán chứng khoán kinh doanh	(65.815)	(57.457)
(Trích lập)/Hoàn nhập về mua bán chứng khoán kinh doanh	(169.286)	73.916
(LỖ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(112.163)	495.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

29.2 (LỖ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	28.990	-
(Chi phí) về mua bán chứng khoán đầu tư	(115.969)	(2.998)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	56.795	226.863
(LỖ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(30.184)	223.865

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác	7.506.525	4.516.269
Thu nhập từ nợ xấu đã được xử lý	5.362.486	3.244.952
Thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản	16.841	7.371
Thu nhập từ công cụ phái sinh khác	838.171	820.321
Thu nhập khác	1.289.027	443.625
Chi phí từ hoạt động khác	(969.157)	(1.118.203)
Chi phí từ công cụ phái sinh khác	(407.916)	(545.977)
Chi phí từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản	(2.178)	(2.877)
Chi phí khác	(559.063)	(569.349)
Lãi thuần từ hoạt động khác	6.537.368	3.398.066

31. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Cổ tức bằng tiền nhận được từ góp vốn, mua cổ phần	87.736	83.771
- Từ chứng khoán vốn	14.648	13.195
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	73.088	70.576
Phân chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh	424.508	393.611
	512.244	477.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	25.107	22.284
Chi phí cho nhân viên	11.086.985	10.013.309
- Chi lương và phụ cấp	9.213.531	8.183.156
- Các khoản chi đóng góp theo lương	592.476	590.312
- Chi trợ cấp	2.115	1.567
- Các khoản chi khác	1.278.863	1.238.274
Chi về tài sản	2.692.809	2.903.591
- Chi khấu hao tài sản cố định	960.674	1.010.988
- Chi khác về tài sản	1.732.135	1.892.603
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	4.234.100	3.387.571
- Công tác phí	179.660	106.724
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	18.646	11.400
- Chi khác cho hoạt động quản lý	4.035.794	3.269.447
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	880.010	772.469
Chi phí dự phòng (không bao gồm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán)	88.443	86.626
	19.007.454	17.185.850

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

	Năm nay	Năm trước
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế TNDN	20.946.059	17.589.156
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(421.947)	(401.110)
- Lợi nhuận của công ty con	(592.710)	(1.188.660)
- Thu nhập từ lợi ích tăng lên tại các công ty liên doanh	(90.298)	(14.804)
- Biến động dự phòng/đánh giá lại cho các khoản cho vay và trái phiếu khi hợp nhất báo cáo tài chính	(71.508)	111.196
- Khác	98.776	94.623
Thu nhập chịu thuế TNDN của Ngân hàng mẹ	19.868.372	16.190.402
Chi phí thuế TNDN của Ngân hàng mẹ tính trên thu nhập chịu thuế trong nước	3.973.674	3.238.080
Chi phí thuế TNDN của công ty con	136.940	174.080
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	4.110.614	3.412.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế	16.775.074	14.088.760
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.026.475)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.775.074	12.062.285

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước được trình bày lại theo số liệu thực tế trên Nghị quyết Hội đồng quản trị của Ngân hàng và các công ty con phê duyệt trong năm 2022.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ngân hàng và các công ty con chưa thực hiện ước tính số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa trên ước tính chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ được phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức năm 2023 và do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.

Số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản

Theo Nghị quyết số 179/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 11 tháng 6 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Ngân hàng đã quyết định phát hành cổ phiếu để chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 100:29,0695. Ngày 21 tháng 7 năm 2021, Ngân hàng đã hoàn thành việc phát hành thêm 1.082.346.053 cổ phiếu để trả cổ tức, nên lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.805.750.609	4.805.750.609
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.805.750.609	4.805.750.609

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.491	2.510

Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại như sau:

	Năm trước	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	14.088.760	12.062.285
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	4.209.718.947	4.805.750.609
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.347	2.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau đây:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	11.066.956	11.330.659
Tiền gửi tại NHNN	29.727.110	23.383.443
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	131.699.995	88.559.894
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 3 tháng	63.804.159	41.102.590
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	8.000.000	-
	244.298.220	164.376.586

36. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm nay	Năm trước
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	24.830	25.154
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	9.213.531	8.183.156
2. Thu nhập khác	194.123	452.677
3. Tổng thu nhập (1+2)	9.407.654	8.635.833
4. Tiền lương bình quân tháng	30,92	27,11
5. Thu nhập bình quân tháng	31,57	28,61

37. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỔ SÁCH TÀI SẢN THỂ CHẤP

Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Bảng dưới đây trình bày giá trị sổ sách của tài sản thế chấp của khách hàng tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Bất động sản	1.713.903.142	1.497.176.920
Động sản	66.886.344	67.985.220
Tiền gửi, vàng, đá quý, kim loại quý, chứng từ có giá	164.645.975	215.143.774
Tài sản khác	561.400.615	549.296.722
	2.506.836.076	2.329.602.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các tài sản thế chấp và được phép bán hoặc đem tài sản đó đi thế chấp cho bên thứ ba trong trường hợp khách hàng (chủ sở hữu tài sản) vẫn có khả năng trả nợ theo quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng không nắm giữ tài sản thế chấp nào mà Ngân hàng được phép bán hoặc đem tài sản đó đi thế chấp cho bên thứ ba trong trường hợp khách hàng (chủ sở hữu tài sản) vẫn có khả năng trả nợ theo quy định của pháp luật.

38. HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC VÀ ĐẠI LÝ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay từ nguồn nhận ủy thác không chịu rủi ro	15.424	20.174
Nghiệp vụ ngân hàng đại lý	6.040.960	6.040.960
	6.056.384	6.061.134

39. CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI BẢNG KHÁC MÀ TCTD PHẢI CHỊU RỦI RO ĐÁNG KỂ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nghĩa vụ tiềm ẩn	159.604.781	110.002.470
Bảo lãnh vay vốn	7.692.271	3.237.485
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	73.681.359	46.584.571
Bảo lãnh khác	78.231.151	60.180.414
Các cam kết đưa ra	313.461.082	583.961.974
Cam kết giao dịch hối đoái	260.355.738	479.385.067
Cam kết khác	53.105.344	104.576.907
	473.065.863	693.964.444

40. LÃI CHO VAY VÀ PHÍ PHẢI THU CHƯA THU ĐƯỢC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi cho vay chưa thu được	7.984.670	7.354.781
Lãi chứng khoán chưa thu được	282.858	476.354
Phí phải thu chưa thu được	86.016	73.179
	8.353.544	7.904.314

41. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	62.372.393	47.557.911
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	54.573.860	47.643.660
Các khoản nợ khác đã xử lý	1.362	1.362
	116.947.615	95.202.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

42. TÀI SẢN VÀ CHỨNG TỪ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản khác giữ hộ	6.063.559	5.345.563
Tài sản thuê ngoài	11.023.860	10.448.109
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	88.827.993	95.371.753
	105.915.412	111.165.425

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết biến động lớn với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Năm nay	Năm trước		
			Triệu VND	Triệu VND		
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Chủ sở hữu và Cơ quan quản lý trực tiếp	Tăng tiền gửi tại NHNN	6.343.667	(34.233.207)		
		Tăng/(Giảm) tiền vay NHNN	231.355	(464.500)		
Ngân hàng TNHH Indovina	Ngân hàng liên doanh	Tăng/(Giảm) tiền gửi của Bên liên quan	989.000	(59.999)		
		Nhận cổ tức từ Bên liên quan	334.211	378.807		
		Doanh thu lãi tiền gửi	3.278	1		
		Chi phí lãi tiền gửi	(110)	(20.687)		
		(Giảm) tiền gửi tại Ngân hàng	-	(1.100.000)		
		Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi UFJ	Cổ đông chiến lược	(Giảm)/Tăng tiền gửi của Ngân hàng	(148.639)	108.083
				(Giảm)/Tăng tiền Ngân hàng vay	(7.517.189)	3.722.981
(Giảm)/Tăng lãi dự trả	(13.724)			4.943		
Chi phí lãi tiền gửi	2.663			1.883		
		Chi phí lãi tiền vay	16.424	47.352		

Chi tiết số dư lớn với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư	Phải thu/(Phải trả)	
			Số cuối năm	Số đầu năm
			Triệu VND	Triệu VND
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Chủ sở hữu và Cơ quan quản lý trực tiếp	Tiền gửi của Ngân hàng tại NHNN	29.727.110	23.383.443
		Tiền vay NHNN	(1.736.629)	(1.505.274)
Ngân hàng TNHH Indovina	Ngân hàng liên doanh	Tiền gửi của Bên liên quan	1.025.483	36.483
		Tiền gửi tại Bên liên quan	(124.277)	(38.714)
		Tiền gửi của Ngân hàng	212.265	360.904
Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi UFJ	Cổ đông chiến lược	Tiền Ngân Hàng vay	8.198	7.525.387
		Lãi dự trả	91	13.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi tiết thù lao và tiền lương của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Ngân hàng như sau:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Năm nay	Năm trước
			Triệu VND	Triệu VND
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			15.391	12.587
Ông Trần Minh Bình	Chủ tịch		2.461	2.370
Ông Lê Đức Thọ	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2021	-	1.329
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022	1.987	-
Bà Trần Thu Huyền	Thành viên		2.124	2.029
Bà Nguyễn Thị Bắc	Thành viên độc lập		1.800	1.464
Ông Nguyễn Thế Huân	Thành viên		1.826	1.746
Bà Phạm Thị Thanh Hoài	Thành viên		1.593	1.467
Ông Trần Văn Tấn	Thành viên		1.621	1.497
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên		1.593	300
Thành viên do đối tác MUFJ đề cử	Thành viên		386	385
Ông Masahiko Oki	Thành viên			
Ông Masashige Nakazono	Thành viên			
BAN KIỂM SOÁT			3.678	4.232
Bà Lê Anh Hà	Trưởng ban Kiểm soát		1.589	1.524
Bà Nguyễn Thị Anh Thư	Thành viên		1.174	1.082
Bà Phạm Thị Thơm	Thành viên		915	623
Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2021	-	1.003
BAN ĐIỀU HÀNH			11.953	11.427
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành		2.368	2.167
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022	1.166	-
Ông Lê Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2022	1.067	-
Ông Hoàng Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022	982	-
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 10 năm 2022	420	-
Ông Trần Công Quỳnh Lân	Phó Tổng Giám đốc		2.262	2.174
Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc		1.921	1.838
Bà Lê Như Hoa	Phó Tổng Giám đốc		1.768	1.704
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022	-	1.841
Bà Nguyễn Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2021	-	1.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

44. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

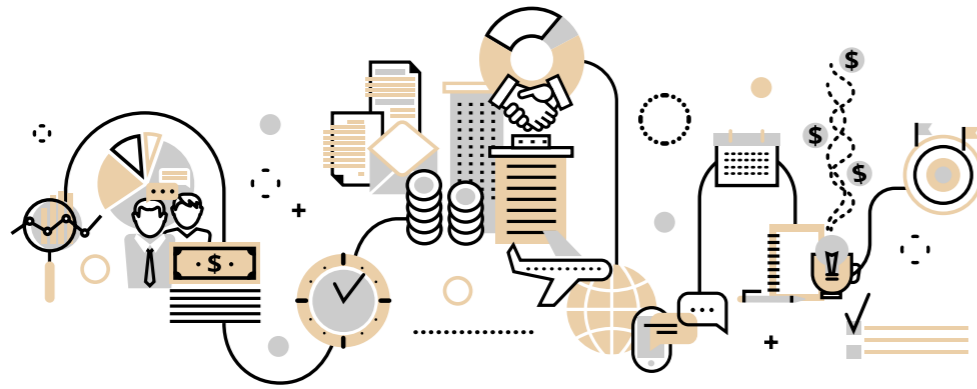
	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi	Các cam kết tín dụng	Công cụ tài chính phái sinh (Chênh lệch dư nợ - dư có)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán (Chênh lệch dư nợ - dư có)
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	1.285.202.632	1.486.900.022	159.560.293	3.058.727	182.004.773
Nước ngoài	9.596.370	5.251.213	44.488	-	-
	1.294.799.002	1.492.151.235	159.604.781	3.058.727	182.004.773

45. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác nhau với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng là chia theo khu vực kinh doanh, báo cáo bộ phận thứ yếu của Ngân hàng là chia theo khu vực địa lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	Dịch vụ tài chính ngân hàng	Dịch vụ tài chính phi ngân hàng	Khác	Điều chỉnh	Tổng cộng
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
I.	Doanh thu	127.376.035	4.030.025	2.010.249	(490.732)	132.925.577
1.	Doanh thu lãi	103.781.428	638.519	385.758	(141.071)	104.664.634
	- Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài	103.674.509	607.546	382.579	-	104.664.634
	- Doanh thu lãi từ khách hàng nội bộ	106.919	30.973	3.179	(141.071)	-
2.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8.448.092	3.339.378	6.809	(245.210)	11.549.069
3.	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	15.146.515	52.128	1.617.682	(104.451)	16.711.874
II.	Chi phí	(82.656.482)	(3.585.287)	(1.944.475)	3.699.903	(87.816.341)
1.	Chi phí lãi	(56.662.181)	(151.593)	(199.976)	141.071	(56.872.679)
	- Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài	(56.617.204)	(55.500)	(199.976)	1	(56.872.679)
	- Chi phí lãi từ khách hàng nội bộ	(44.977)	(96.093)	-	141.070	-
2.	Chi phí khấu hao TSCĐ	(938.414)	(13.649)	(8.611)	-	(960.674)
3.	Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(25.055.887)	(3.420.045)	(1.735.888)	228.832	(29.982.988)
	Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	44.719.553	444.738	65.774	(120.829)	45.109.236
	Chi phí dự phòng rủi ro	(24.180.014)	(34.249)	636	50.450	(24.163.177)
	Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế	20.539.539	410.489	66.410	(70.379)	20.946.059
	Chi phí thuế TNDN	(3.993.274)	(82.865)	(34.925)	(1)	(4.111.065)
	Kết quả kinh doanh bộ phận sau thuế	16.546.265	327.624	31.485	(70.380)	16.834.994
III.	Tài sản	1.799.013.299	11.061.581	5.223.901	(6.869.017)	1.808.429.764
1.	Tiền mặt	11.041.493	662	24.801	-	11.066.956
2.	Tài sản cố định	10.071.718	86.605	43.868	-	10.202.191
3.	Tài sản khác	1.779.000.088	10.974.314	5.155.232	(6.869.017)	1.787.160.617
IV.	Nợ phải trả	1.693.515.553	7.759.337	3.506.204	(4.518.987)	1.700.262.107
1.	Nợ phải trả bên ngoài	1.688.548.839	7.638.631	3.472.063	(4.518.987)	1.695.140.546
2.	Nợ phải trả nội bộ	4.966.714	120.706	34.141	-	5.121.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

STT	CHỈ TIÊU	Miền Bắc (*)	Miền Nam	Khác	Điều chỉnh	Tổng cộng
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
I.	Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế	2.814.503	13.715.260	4.486.674	(70.378)	20.946.059
	Chi phí thuế TNDN	(4.096.587)	(3.110)	(11.368)	-	(4.111.065)
II.	Kết quả kinh doanh bộ phận sau thuế	(1.282.084)	13.712.150	4.475.306	(70.378)	16.834.994
III.	Tài sản bộ phận	1.075.845.597	545.159.248	194.293.938	(6.869.019)	1.808.429.764
IV.	Nợ phải trả bộ phận	984.572.621	531.309.210	188.899.263	(4.518.987)	1.700.262.107

(*)Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Trụ sở chính của Ngân hàng thuộc miền Bắc thực hiện tính và nộp thuế TNDN cho các đơn vị trong Ngân hàng.

46. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thực hiện chỉ đạo của NHNN về việc nâng cao vai trò của công tác quản lý rủi ro trong các tổ chức tín dụng, Ngân hàng tiếp tục thực hiện các chính sách quản lý rủi ro cho toàn diện các lĩnh vực hoạt động.

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động và lợi thế cạnh tranh, Ngân hàng luôn chú trọng nguồn lực để nghiên cứu, ứng dụng các thông lệ quốc tế về quản trị. Trong đó, việc áp dụng các chuẩn mực của hiệp ước Basel II là một trong các giải pháp ưu tiên của Ngân hàng. Các dự án thuộc chương trình Basel II tập trung vào nâng cấp toàn diện năng lực quản trị rủi ro trên các mảng rủi ro trọng yếu. Cho đến nay, Ngân hàng đã hoàn thành nghiệm thu các dự án ở giai đoạn một theo phương pháp tiêu chuẩn và đang chuẩn bị cho giai đoạn hai theo định hướng của NHNN.

Việc áp dụng thông lệ tiên tiến về quản trị rủi ro là điều kiện tiên quyết cho công cuộc hội nhập và mở rộng tầm ảnh hưởng của Ngân hàng trong ngành ngân hàng tài chính toàn cầu. Ngân hàng luôn đóng vai trò tiên phong trong sự nghiệp hiện đại hóa hệ thống ngân hàng. Ngoài ra, ngay sau khi Thông tư số 13/2018/TT-NHNN (“Thông tư 13”) và các văn bản sửa đổi bổ sung của Cơ quan quản lý quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành, Ngân hàng đã chủ động rà soát và điều chỉnh quy định, quy trình phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 13 để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ và đánh giá nội bộ mức đủ vốn.

Trong năm 2022, Ngân hàng tiếp tục chủ động nghiên cứu và thực hiện các dự án thuộc chương trình Basel II nhằm nâng cao năng lực quản lý đối với các loại rủi ro. Bên cạnh đó, Ngân hàng tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách theo 5 cấp độ gồm: (i) Khung chính sách tổng thể, (ii) Các chính sách cụ thể, (iii) Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách, (iv) Quy trình thực hiện chung, (v) Quy trình chi tiết từng sản phẩm để đảm bảo sự nhất quán và hiệu quả tổng thể của hệ thống văn bản chính sách.

Để quản lý rủi ro tài chính, Ngân hàng đã ban hành các quy định, quy trình, hướng dẫn cụ thể và các bộ chỉ số, hạn mức nội bộ đồng thời quản lý sát sao tình hình cân đối tài sản nợ - tài sản có, kiểm soát chặt chẽ tăng trưởng hoạt động kinh doanh và chất lượng tín dụng; tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động và yêu cầu quản trị rủi ro theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN (áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2020) và các văn bản sửa đổi bổ sung của Cơ quan quản lý, Thông tư 13 và các quy định của NHNN, dẫn đáp ứng được các yêu cầu về Quản trị rủi ro theo Basel II.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

47. RỦI RO TIỀN TỆ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà tài sản của Ngân hàng hoặc giá trị của khoản đầu tư bị ảnh hưởng do những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng là VND. Trong khi đó cơ cấu tài sản - nguồn vốn của Ngân hàng bao gồm một phần bằng ngoại tệ (bao gồm USD, EUR và các ngoại tệ khác) do đó có thể phát sinh rủi ro tiền tệ.

Để phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá, Ngân hàng đã áp dụng đồng bộ các công cụ sau:

Trên cơ sở số liệu thực tế, nhu cầu tăng trưởng của các đơn vị thành viên, định hướng kinh doanh, phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch tài chính phân tích và dự báo các luồng tiền vào/ra trong hệ thống, đề xuất Ban lãnh đạo phương án kế hoạch vốn kinh doanh theo từng loại tiền tệ (chi tiết số tiền VND và USD, EUR quy đổi), và được quản lý điều hành theo dòng tiền thực tế hàng ngày để đảm bảo an toàn và hiệu quả kinh doanh của toàn hệ thống.

Hoạt động huy động vốn và cho vay của Ngân hàng chủ yếu bằng đồng VND, một phần nhỏ là USD, EUR và các ngoại tệ khác. Theo kế hoạch kinh doanh của từng thời kỳ, Ngân hàng có trạng thái tiền tệ trong hoạt động kinh doanh vốn khi thực hiện các giao dịch tài chính trên thị trường. Ngân hàng thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại đồng tiền chính dựa theo khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của cơ quan quản lý có liên quan.

Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

CHỈ TIÊU	EUR quy đổi	USD quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	195.379	790.018	162.669	1.148.066
Tiền gửi tại NHNN	19.792	291.249	-	311.041
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	896.258	89.414.196	35.908.587	126.219.041
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	847.548	-	847.548
Cho vay khách hàng (*)	5.944.552	70.959.432	1.811.302	78.715.286
Tài sản cố định	33.551	-	172.895	206.446
Tài sản Có khác (*)	1.686.861	25.814.210	84.927	27.585.998
Tổng tài sản	8.776.393	188.116.653	38.140.380	235.033.426
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	574.833	109.365.505	1.821.160	111.761.498
Tiền gửi của khách hàng	2.895.389	65.360.358	1.721.033	69.976.780
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	1.192.089	11.761.382	34.539.771	47.493.242
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	1.886.953	-	1.886.953
Phát hành giấy tờ có giá	-	184	-	184
Các khoản nợ khác (*)	3.896.019	955.421	22.750	4.874.190
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	8.558.330	189.329.803	38.104.714	235.992.847
Trạng thái tiền tệ nội bảng	218.063	(1.213.150)	35.666	(959.421)

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

48. RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất là khả năng thu nhập hoặc giá trị tài sản của Ngân hàng bị ảnh hưởng khi lãi suất trên thị trường biến động.

Rủi ro lãi suất của Ngân hàng có thể xuất phát từ hoạt động đầu tư và hoạt động huy động vốn và cho vay.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn. Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn xác định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý; tiền gửi tại NHNN; tài sản cố định; góp vốn, đầu tư dài hạn và các khoản nợ khác được xếp loại là khoản mục không chịu lãi;
- Thời gian đến hạn của chứng khoán kinh doanh được tính trên cơ sở thời gian khả thi để chuyển đổi trái phiếu thành tiền mặt do danh mục này bao gồm các trái phiếu có tính thanh khoản cao và lãi suất cố định;
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; chứng khoán đầu tư; cho vay khách hàng; tài sản Có khác; các khoản nợ Chính phủ và NHNN; tiền gửi và vay các TCTD khác; tiền gửi của khách hàng; phát hành giấy tờ có giá; và vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục lãi dự thu, lãi dự trả: Được xếp loại là khoản mục không chịu lãi.

Chính sách về rủi ro lãi suất của Ngân hàng

Đối với hoạt động cho vay trên thị trường liên Ngân hàng (ngắn hạn), lãi suất đầu tư được xác định tùy thuộc vào diễn biến thị trường và chi phí vốn của Ngân hàng. Các khoản cho vay trên thị trường liên Ngân hàng thường có kỳ hạn ngắn (dưới 3 tháng).

Căn cứ vào dự báo về diễn biến lãi suất trên thị trường và khả năng cân đối vốn, Ngân hàng sẽ đưa ra quyết định đầu tư phù hợp. Trong trường hợp dự báo lãi suất có xu hướng giảm, Ngân hàng sẽ tăng cường các khoản đầu tư dài hạn để tăng khả năng sinh lời. Ngược lại, nếu dự báo lãi suất có xu hướng tăng, Ngân hàng sẽ tăng cường đầu tư ngắn hạn.

Đối với hoạt động huy động vốn, lãi suất được xác định theo nguyên tắc thị trường, kết hợp với định hướng kinh doanh của Ban Lãnh đạo, cân đối vốn của Ngân hàng và quy định của NHNN. Nguồn vốn huy động của Ngân hàng chủ yếu có thời hạn định lại lãi suất ngắn.

Đối với hoạt động cho vay, Ngân hàng quy định mức lãi suất cho vay trên nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý, trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, giá trị tài sản đảm bảo, lãi suất trên thị trường, đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Trụ sở chính quy định mức sàn lãi suất cho vay trong từng thời kỳ; các đơn vị kinh doanh được chủ động xác định lãi suất cho vay đối với khách hàng trong từng kỳ đảm bảo không thấp hơn sàn lãi suất trên cơ sở phân tích, đánh giá rủi ro tín dụng và phải đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận hàng năm. Bên cạnh đó, do cơ cấu nguồn vốn chủ yếu tập trung vào nguồn vốn có thời hạn định lại lãi suất ngắn, Ngân hàng quy định đối với lãi suất cho vay trung, dài hạn bắt buộc phải thả nổi (không cố định lãi suất cho vay trong toàn bộ thời gian vay) để giảm thiểu rủi ro về lãi suất có thể phát sinh.

Quản lý rủi ro lãi suất

Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất ở cả 2 cấp độ giao dịch và danh mục, trong đó tập trung nhiều hơn vào quản lý rủi ro lãi suất theo cấp độ giao dịch.

Quản lý rủi ro lãi suất ở cấp độ danh mục

- Từ năm 2013, Ngân hàng đã ban hành quy định và quy trình quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, trong đó quy định các nguyên tắc để quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng thông qua quá trình nhận diện, đo lường, kiểm soát và giám sát rủi ro nhằm đảm bảo cân bằng giữa mục tiêu kiểm soát/phòng ngừa rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và tối đa hóa thu nhập ròng từ lãi cũng như giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu trong các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Ngân hàng đã hoàn thành việc xây dựng, chính thức triển khai và liên tục nâng cấp hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) chạy đến cấp độ giao dịch theo thông lệ quốc tế, cung cấp tự động các báo cáo chênh lệch kỳ hạn định giá lại theo kỳ hạn danh nghĩa và theo hành vi ứng xử, các báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất... nhằm hỗ trợ công tác quản lý rủi ro lãi suất của Ngân hàng.
- Ngân hàng thực hiện điều chỉnh thời hạn định giá lại của khoản vay tương ứng với kỳ hạn định giá lại của nguồn vốn, kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại trong phạm vi cho phép.

Quản lý rủi ro lãi suất ở cấp độ giao dịch

- Tất cả các hợp đồng tín dụng đều phải có các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường; lãi suất cho vay phải được xây dựng dựa trên cơ sở phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng.
- Điều hành thông qua công cụ giá mua bán vốn nội bộ FTP. Ngân hàng đã hoàn thành và tiếp tục nâng cấp hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP, tạo điều kiện cho công tác quản lý nguồn vốn và lãi suất tập trung. Tùy theo định hướng hoạt động của Ngân hàng và diễn biến thị trường, Trụ sở chính có thể thay đổi giá mua bán vốn đối với từng đối tượng khách hàng/sản phẩm... nhằm đưa ra tín hiệu về tài chính để đơn vị kinh doanh xác định lãi suất cho vay/huy động đối với từng giao dịch.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	Quá hạn					Trong hạn					Tổng
	Không chịu lãi	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 01 tháng	Từ 01-03 tháng	Từ 03-06 tháng	Từ 06-12 tháng	Từ 01-05 năm	Trên 05 năm	Tổng	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản											
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	11.066.956	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11.066.956
Tiền gửi tại NHNN	29.727.110	-	-	-	-	-	-	-	-	-	29.727.110
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	-	196.312.394	24.250.987	14.012.418	7.856.154	-	-	-	242.431.953
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	1.622.967	-	-	-	-	-	-	1.622.967
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	3.058.727	-	-	-	-	-	-	3.058.727
Cho vay khách hàng (*)	-	15.800.980	29.958.469	422.410.045	378.705.289	317.631.746	75.270.548	34.177.691	8.666.941	1.274.821.709	
Chứng khoán đầu tư (*)	4.535.179	-	-	476.669	14.471.493	21.581.986	279.275.255	399.960.681	71.428.273	180.381.806	
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	3.537.622	-	-	-	-	-	-	-	-	3.537.622	
Tài sản cố định	10.202.191	-	-	-	-	-	-	-	-	10.202.191	
Tài sản Có khác (*)	53.539.988	61.626	-	6.936.058	12.414.307	8.001.095	755.031	-	-	81.708.105	
Tổng tài sản	112.609.046	15.862.606	29.958.469	630.816.860	429.842.076	361.227.245	111.809.258	74.138.372	72.295.214	1.838.559.146	
Nợ phải trả											
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	101.549.631	2.208.989	637.176	383.506	-	-	-	104.779.302
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	152.453.107	479.418.870	8.273.187	761.679	-	-	-	209.429.843
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	547.131.704	194.442.335	198.846.824	261.833.836	46.917.212	4.123	1.249.176.034	
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	1.574.426	817.775	-	-	-	-	2.392.201
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	500.561	16.900.000	23.515.100	46.314.298	1.700.460	2.440.000	91.370.419	
Các khoản nợ khác (*)	42.075.518	-	-	-	-	-	-	-	-	42.075.518	
Tổng nợ phải trả	42.075.518	-	-	801.635.003	263.067.620	232.090.062	309.293.319	48.617.672	2.444.123	1.699.223.317	
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	70.533.528	15.862.606	29.958.469	(170.818.143)	166.774.456	129.137.183	(197.484.061)	25.520.700	69.851.091	139.335.829	

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

49. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ thanh toán cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn hoặc Ngân hàng phải chấp nhận huy động vốn với chi phí gia tăng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng đã ban hành Quy định và quy trình về quản lý thanh khoản trong đó thiết lập quy định về việc quản lý khe hở thanh khoản theo các thang kỳ hạn, các chỉ số đo lường rủi ro thanh khoản, các kịch bản căng thẳng thanh khoản, xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản để chủ động các biện pháp xử lý trong tình huống thị trường có biến động. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng chủ trương đa dạng hóa nguồn vốn huy động cũng như xây dựng hệ thống báo cáo cân đối vốn để tính toán trạng thái thanh khoản hàng ngày của Ngân hàng đồng thời thường xuyên có báo cáo phân tích, dự báo về tình hình thanh khoản trong tương lai, thiết lập khẩu vị và hạn mức rủi ro thanh khoản.

Tại cuộc họp Hội đồng ALCO định kỳ, tình hình cân đối vốn và thanh khoản của Ngân hàng là một trong những nội dung trọng tâm được thảo luận. Đồng thời, tại cuộc họp Ủy ban QLRR, Hội đồng rủi ro, tình hình tuân thủ Khẩu vị rủi ro và các chỉ số hạn mức rủi ro thanh khoản được rà soát và báo cáo. Trên cơ sở phân tích, đánh giá, Ủy ban QLRR/Hội đồng ALCO/Hội đồng rủi ro đưa ra khuyến nghị tới Ban lãnh đạo để có chỉ đạo trong thời gian tới đảm bảo duy trì tối ưu khả năng cân đối thanh khoản an toàn và hiệu quả của Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng còn duy trì danh mục Tài sản dự trữ thứ cấp là trái phiếu Chính phủ, có thể bán hoặc repo với NHNN, đây là nguồn vốn dự trữ thứ cấp để phòng trường hợp căng thẳng thanh khoản (nếu phát sinh) đồng thời là những khoản đầu tư sinh lời cho Ngân hàng.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý và tiền gửi tại NHNN: được phân loại vào thang đáo hạn đến 1 tháng;
- Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; cho vay khách hàng; chứng khoán đầu tư; tài sản Có khác; các khoản nợ Chính phủ và NHNN; tiền gửi và vay các TCTD khác; phát hành giấy tờ có giá; vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà TCTD chịu rủi ro; các khoản nợ khác: Thời gian đến hạn được xác định dựa vào ngày đến hạn theo hợp đồng quy định;
- Thời gian đến hạn của chứng khoán kinh doanh được tính trên cơ sở thời gian khả thi để chuyển đổi trái phiếu thành tiền mặt do danh mục này bao gồm các trái phiếu có tính thanh khoản cao;
- Thời gian đến hạn của các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn được coi là hơn năm (05) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Thời gian đến hạn của tiền gửi của khách hàng được xác định dựa trên phân tích hành vi ứng xử của khách hàng và các dự báo về chính sách lãi suất và các yếu tố kinh tế vĩ mô;
- Thời gian đến hạn của các tài sản cố định được phân bổ vào dài kỳ hạn từ năm (05) năm trở lên.

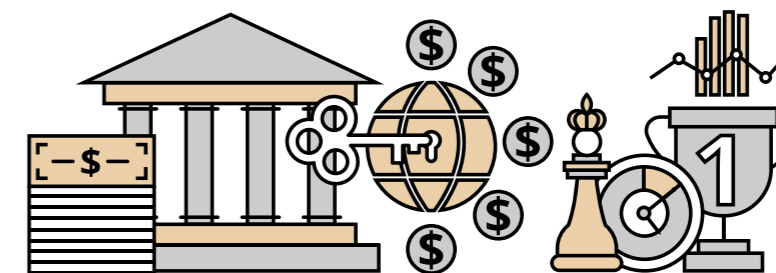
Trên cơ sở được Ban Lãnh đạo phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm, Phòng Quản lý cân đối vốn & Kế hoạch tài chính phối hợp với một số phòng nghiệp vụ liên quan phân tích và dự báo các dòng tiền vào/ra trong hệ thống theo kế hoạch đã được phê duyệt; đồng thời căn cứ vào biến động nguồn vốn và sử dụng vốn thực tế hàng ngày để đưa ra các quyết định về quản lý và điều hành vốn khả dụng cho phù hợp.

Căn cứ vào dự báo biến động nguồn vốn khả dụng, phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch tài chính đầu mối phối hợp với phòng Kinh doanh vốn quản lý dự trữ thứ cấp thông qua việc mua giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao. Các giấy tờ có giá này có thể được giao dịch trên thị trường thứ cấp để chuyển hóa thành tiền. Phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch tài chính đầu mối phối hợp phòng Kinh doanh vốn có thể quyết định bán lại các giấy tờ có giá cho NHNN qua thị trường mở, hoặc vay tái cấp vốn khi nguồn vốn khả dụng thiếu hụt để đảm bảo thanh khoản cho toàn hệ thống.

Căn cứ vào các quy định của NHNN, phòng Quản lý cân đối vốn và Kế hoạch tài chính cùng phối hợp với phòng Kinh doanh vốn để xuất phương án quản lý vốn khả dụng của Ngân hàng, đảm bảo số dư bình quân thực tế trên tài khoản tiền gửi VND và ngoại tệ tại NHNN hàng tháng không thấp hơn hạn mức số dư dự trữ bắt buộc theo quy định. Ngoài ra, Ngân hàng còn thiết lập quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết. Phòng Quản lý rủi ro thị trường thực hiện vai trò giám sát độc lập đảm bảo rủi ro thanh khoản được quản lý, tuân thủ đúng quy định, quy trình quản lý và khẩu vị/hạn mức rủi ro thanh khoản của Ngân hàng.

Khối lượng vốn khả dụng của Ngân hàng được xác định trên cơ sở dữ liệu từ hệ thống Core Sunshine, chương trình thanh toán liên ngân hàng CITAD, phần mềm quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có, thông tin về các dòng tiền lớn từ các đơn vị kinh doanh. Do đó, Ngân hàng luôn chủ động quản lý trạng thái thanh khoản hàng ngày.

Hoạt động quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng được giám sát chặt chẽ theo hướng tuân thủ các quy định của NHNN và các tiêu chí quản lý thanh khoản nội bộ của Ngân hàng cho từng đồng tiền chính (VND, USD, EUR) trên danh mục huy động vốn và cho vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	Quá hạn		Trong hạn				Tổng
	Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Từ 01-03 tháng	Từ 03-12 tháng	Từ 01-05 năm	Trên 05 năm	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	-	-	-	11.066.956
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	-	-	29.727.110
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	24.250.987	21.868.573	-	-	242.431.953
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-	-	1.622.967
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	-	-	3.058.727
Cho vay khách hàng (*)	15.800.980	29.958.469	267.428.479	467.326.880	188.050.797	213.079.531	1.274.821.709
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	14.471.493	49.509.511	399.606.681	71.810.233	180.381.806
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	3.537.622
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	10.202.191
Tài sản Có khác (*)	61.626	-	28.573.288	25.587.957	1.897.135	14.896.853	81.708.105
Tổng tài sản	15.862.606	29.958.469	334.724.247	564.292.921	229.908.613	313.526.430	1.838.559.146
Nợ phải trả							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	2.208.989	1.020.682	-	-	104.779.302
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	21.559.038	24.421.725	10.964.780	31.193	209.429.843
Tiền gửi của khách hàng	-	-	197.978.423	606.951.444	259.711.011	13.949	1.249.176.034
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	38.351	58.617	456.506	1.614.725	2.392.201
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	16.900.000	36.285.000	1.700.000	35.876.230	91.370.419
Các khoản nợ khác (*)	-	-	11.473.735	8.454.985	2.919.896	-	42.075.518
Tổng nợ phải trả	15.862.606	29.958.469	250.158.536	677.192.453	275.752.193	37.536.097	1.699.223.317
Mức chênh lệch thanh khoản ròng			84.565.711	(112.899.532)	(45.843.580)	275.990.333	139.335.829

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

50. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Với định hướng nâng cao năng lực tài chính, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững, hiệu quả, Ngân hàng luôn nỗ lực chủ động rà soát, kiểm soát chất lượng danh mục tín dụng, triển khai đồng bộ công tác quản lý rủi ro tín dụng trên cả cấp độ danh mục và cấp độ giao dịch. Theo đó:

- Tại cấp độ danh mục: bên cạnh việc thiết lập hạn mức rủi ro và định hướng tín dụng hàng năm, Ngân hàng thường xuyên thực hiện giám sát danh mục tín dụng, cảnh báo sớm các Ngân hàng có dấu hiệu tiềm ẩn rủi ro (thông qua Hệ thống cảnh báo sớm, công tác giám sát từ xa và kiểm tra trực tiếp), tăng cường cấp tín dụng có bảo đảm bằng tài sản.
- Tại cấp độ giao dịch: Ngân hàng chú trọng công tác thẩm định, sàng lọc kỹ khách hàng, tăng cường quản lý giám sát, kiểm soát dòng tiền, chất lượng tài sản và theo sát diễn biến hoạt động của khách hàng để triển khai các biện pháp ứng xử phù hợp, kịp thời, hạn chế tối đa tác động lên chất lượng nợ của Ngân hàng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản bảo đảm hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản bảo đảm hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng đối với mỗi nhóm tài sản bằng với giá trị ghi sổ (không bao gồm dự phòng) của nhóm tài sản đó trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày như sau:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và chưa bị giảm giá	Đã bị giảm giá và trích lập dự phòng	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác	242.431.953	-	-	242.431.953
- Tiền gửi tại TCTD khác	222.454.660	-	-	222.454.660
- Cấp tín dụng cho các TCTD khác	19.977.293	-	-	19.977.293
Cho vay khách hàng	1.211.740.669	1.293.299	61.787.741	1.274.821.709
Chứng khoán đầu tư	180.381.776	30	-	180.381.806
- Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	178.685.028	-	-	178.685.028
- Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.696.748	30	-	1.696.778
Tổng cộng	1.634.554.398	1.293.329	61.787.741	1.697.635.468



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

51. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
USD	23.543,00	22.800,00
EUR	25.093,00	25.835,00
GBP	28.335,00	30.798,00
CHF	25.207,27	24.974,00
JPY	178,51	198,17
SGD	17.550,00	16.897,00
CAD	17.381,00	17.916,00
AUD	16.170,31	16.577,00
NZD	14.914,00	15.601,00
THB	669,17	686,75
SEK	2.255,00	2.491,00
NOK	2.355,42	2.563,00
DKK	3.375,00	3.474,00
HKD	3.019,00	2.855,00
CNY	3.390,00	3.587,00
KRW	16,91	19,91
LAK	1,37	2,04
MYR	5.329,00	5.329,00

52. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng và tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động hợp nhất của Ngân hàng cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

53. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Một số số liệu của báo cáo năm trước được trình bày bổ sung để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	Số đã báo cáo trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	Trình bày bổ sung theo Thông tư 27	Số báo cáo trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	Không trình bày	7.904.314	7.904.314
Nợ khó đòi đã xử lý	Không trình bày	95.202.933	95.202.933
Tài sản và chứng từ khác	Không trình bày	111.165.425	111.165.425
Người lập	Người phê duyệt	Người phê duyệt	

Ngô Xuân Hải
Trưởng phòng
Kế toán Tài chính

Nguyễn Hải Hưng
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Mạnh Trung
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023



VietinBank 

35 Năm
KHÁT VỌNG
TẦM CAO MỚI
1988 - 2023

